

Thống nhất hành động

Báo cáo kết quả thường niên năm 2014



© Liên hợp quốc tại Việt Nam
Tháng 8 năm 2015

Các ấn phẩm này có thể được tái bản nếu có sự đồng ý của LHQ và có thể được sử dụng cho mục đích giáo dục hoặc phi lợi nhuận. Xin mời liên hệ:

Phòng Truyền thông LHQ
Ngôi nhà chung xanh LHQ, 304 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84) 04-38500 100
Fax: (84) 04-37265 520
Email: communications.vn@one.un.org

Báo cáo này và các nội dung bổ sung khác được đăng tải tại website: www.un.org.vn

Ảnh bìa: © UN Viet Nam\2015\Shutterstock\187510505

Thống nhất hành động

Báo cáo kết quả thường niên năm 2014

Lời nói đầu

Trong bối cảnh còn gần một năm nữa để đạt được các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG), Việt Nam đã hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu đã thống nhất, bao gồm các chỉ tiêu về giảm nghèo và phổ cập giáo dục tiểu học. Tuy nhiên, cũng như rất nhiều quốc gia thuộc khu vực châu Á – Thái bình dương, việc thực hiện MDG vẫn chưa hoàn tất ở cấp địa phương, trong khi một số chỉ tiêu ở cấp quốc gia cũng chưa đạt được. Đồng thời, các thảm họa thiên nhiên và các cú sốc khác vẫn có thể làm chệch hướng nhiều thành tựu phát triển phải khó khăn lắm mới đạt được. Các yếu tố như tình trạng thiếu thốn dai dẳng phổ biến trong các dân tộc thiểu số, một bộ phận lớn dân cư đang sống ở mức cận nghèo, và phần đông tham gia vào khu vực lao động không chính thức khiến cho nguy cơ xảy ra đói nghèo thuộc mọi hình thức vẫn tiếp tục tồn tại.



Nhằm giúp đỡ Việt Nam đối phó với các thách thức đặc thù của một nước thu nhập trung bình hiệu quả nhất, Liên hợp quốc (LHQ) đang tiếp tục nỗ lực thay đổi về chất những hỗ trợ của mình. Những lĩnh vực chủ chốt có sự trợ giúp của LHQ bao gồm đối thoại chính trị cấp cao và hướng dẫn thúc đẩy tăng trưởng xanh và toàn diện, đảm bảo người dân được tiếp cận với các dịch vụ thiết yếu có chất lượng, cải thiện hiệu quả hoạt động và quản trị công, tăng cường sự tham gia của người dân và nâng cao trách nhiệm giải trình.

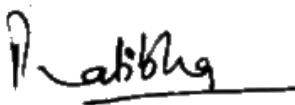
LHQ hỗ trợ giải quyết các thách thức phát triển của Việt Nam bằng cách đưa ra các tư vấn chính sách dựa trên thực chứng và chia sẻ các sáng kiến cũng như thông lệ thực hành tốt nhất của quốc tế. Các hoạt động của LHQ tại Việt Nam tập trung vào vấn đề quyền con người trong suốt năm 2014, theo đó Các cơ quan cấp quốc gia của LHQ đã hợp tác với rất nhiều cơ quan hữu quan nhằm tăng cường tối đa mức độ hài hòa giữa các chính sách và pháp luật trong nước với các công ước quốc tế về quyền con người. LHQ cũng tiếp tục củng cố năng lực quốc gia để thu thập dữ liệu cần thiết cho việc phân tích sâu hơn tình trạng bất bình đẳng và dễ bị tổn thương, cũng như xây dựng năng lực của chính mình trong việc giám sát và phân tích các đóng góp của LHQ vào tiến trình phát triển.

Chính phủ Việt Nam đã chứng minh sự chỉ đạo mạnh mẽ của mình trong lĩnh vực Thống nhất hành động (DaO) và cơ chế hợp tác ba bên tiếp tục được sử dụng để đánh giá các thành tựu trong áp dụng DaO. Để hưởng ứng quyết định của Ban chỉ đạo DaO của Việt Nam, cũng như sự kêu gọi của quốc tế về việc cần phải có thêm nhiều bằng chứng về hiệu quả của DaO, LHQ đã xây dựng Khung giám sát kết quả DaO để - lần đầu tiên trên toàn cầu - đo lường các kết quả dự kiến chủ chốt của sáu trụ cột DaO (Kế hoạch chung, Ngân sách chung, Tiếng nói chung, Ngôi nhà chung xanh LHQ, Lãnh đạo chung và Bộ quy tắc thực hành quản lý chung). Khung giám sát này được sử dụng để báo cáo các kết quả DaO nổi bật của năm 2014 trong Chương 1.

Chương 2 đưa ra đánh giá toàn diện về các thành tựu phát triển đạt được. Trong năm 2014, LHQ đã tích cực vận động về quyền con người, giúp đảm bảo rằng những nhóm dân số dễ bị tổn thương và chịu nhiều thiệt thòi được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội và dịch vụ, rằng

tiếng nói của họ được lắng nghe và các quyền con người được đảm bảo trong các quy trình hoạch định chính sách quốc gia. LHQ cũng sử dụng vai trò tổ chức hội nghị của mình để quy tụ các cơ quan hữu quan và thúc đẩy phối hợp đa ngành để tham mưu cho các chương trình hoạch định chính sách. Hoạt động này bao gồm việc hỗ trợ Chính phủ để phối hợp hành động trước các vấn đề phức tạp, như biến đổi khí hậu, bảo trợ xã hội, phát triển bền vững, phương pháp tiếp cận đa chiều về giảm nghèo, HIV, quản trị công và bình đẳng giới. Việc Việt Nam chuyển thành quốc gia có mức thu nhập trung bình dẫn đến nhiều thay đổi trong cách thức đầu tư vốn cho phát triển, đáng chú ý là sự sụt giảm của nguồn vốn ODA. Một số nhà tài trợ chủ chốt đã cắt giảm hoặc ngừng hỗ trợ. LHQ cùng những nhà tài trợ đã hỗ trợ Chính phủ phân tích các kịch bản tài trợ trong tương lai nhằm tận dụng tối đa các nguồn lực cho phát triển. Công tác phân tích này nhấn mạnh sự thay đổi trong vai trò của LHQ với tư cách là một đối tác phát triển của Chính phủ, và thừa nhận giá trị của LHQ không phải nằm ở nguồn vốn, mà ở giá trị từ chính bản thân sự trợ giúp mà LHQ mang lại. Chương 3 tóm tắt công tác phân tích và các nỗ lực nhằm khắc phục sự thiếu hụt nguồn tài trợ cho Kế hoạch chung trong năm 2014, đồng thời cập nhật thông tin về Ngân sách chung.

LHQ tại Việt Nam kiên trì điều chỉnh và cải tiến cách thức hoàn thành và đo lường các kết quả đạt được, phối hợp chặt chẽ với Chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự và các đối tác khác. Chỉ khi hợp tác với các bên liên quan và đem lại các kết quả xuyên suốt, đa ngành, LHQ mới có thể hỗ trợ thực sự đắc lực cho chương trình nghị sự phát triển sau năm 2015 tại Việt Nam.



Pratibha Mehta
Điều phối viên thường trú LHQ tại Việt Nam



04

- 4 Lời nói đầu
- 6 Mục lục
- 8 Viết tắt
- 11 Việt Nam: Thông tin chung



13

CHƯƠNG 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG

- 15 **Hài hòa với các ưu tiên phát triển quốc gia**
 - a) Tư vấn và vận động chính sách cấp cao về các thách thức phát triển chính
 - b) Nâng cao năng lực quốc gia về giám sát kết quả
 - c) Tăng cường hội nhập và trao đổi kinh nghiệm trong khu vực và quốc tế
- 20 **Chứng minh hiệu quả**
 - a) Giám sát kết quả phát triển của Kế hoạch chung
 - b) Truyền thông về kết quả đạt được
 - c) Xây dựng năng lực của toàn hệ thống
- 23 **Đo lường hiệu quả**
 - a) Giảm sự chồng chéo
 - b) Giảm chi phí giao dịch
 - c) Tiết kiệm chi phí
- 25 **Các bài học kinh nghiệm**



CHƯƠNG 2: KẾT QUẢ CỦA KẾ HOẠCH CHUNG

29 Lĩnh vực trọng tâm 1: Tăng trưởng toàn diện, bình đẳng và bền vững

- 30 **Kết quả 1.1:** Các chính sách phát triển kinh tế xã hội lấy con người làm trung tâm, xanh và dựa trên thực chứng
- 34 **Kết quả 1.2:** Các cơ hội mới về việc làm bền vững, đặc biệt cho nhóm người dễ bị tổn thương và thiệt thòi
- 38 **Kết quả 1.3:** Thực hiện các cam kết của Việt Nam về đối phó và giảm nhẹ biến đổi khí hậu và quản lý thiên tai
- 44 **Kết quả 1.4:** Sử dụng tài nguyên và quản lý môi trường hiệu quả hơn

48 Lĩnh vực trọng tâm 2: Tiếp cận dịch vụ cơ bản có chất lượng và bảo trợ xã hội

- 49 **Kết quả 2.1:** Hệ thống bảo trợ xã hội hiệu quả hơn
- 54 **Kết quả 2.2:** Hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe tốt hơn cho đối tượng dễ bị tổn thương và thiệt thòi
- 60 **Kết quả 2.3:** Tăng cường chất lượng và mức độ phổ cập giáo dục
- 66 **Kết quả 2.4 (i):** Phòng chống HIV
- 72 **Kết quả 2.4 (ii):** Thúc đẩy bình đẳng giới

78 Lĩnh vực trọng tâm 3: Tăng cường quản trị công và sự tham gia

- 82 **Kết quả 3.1:** Các cơ quan dân cử có trách nhiệm hơn
- 84 **Kết quả 3.2:** Cải cách hệ thống pháp lý và tư pháp
- 90 **Kết quả 3.3:** Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khu vực công
- 94 **Kết quả 3.4:** Sự tham gia hiệu quả và bền vững hơn của xã hội dân sự

CHƯƠNG 3: NGÂN SÁCH CHUNG VÀ QUỸ KẾ HOẠCH CHUNG

100 Phân tích Ngân sách chung giai đoạn 2012-2016

Sáng kiến mang tính đột phá của LHQ

Phân tích về cơ chế góp vốn của Chính phủ và tốc độ giải ngân vốn ODA

Quỹ Kế hoạch chung

102 Bảng 1: Đóng góp của các nhà tài trợ vào Quỹ Kế hoạch chung II (2012-2016) 31/12/2014 (USD)

104 Bảng 2: Phân bổ Quỹ Kế hoạch chung năm 2012, 2013 và 2014 theo kết quả Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016 (USD)

105 Bảng 3: Phân bổ Quỹ Kế hoạch chung năm 2012, 2013 và 2014 cho các cơ quan LHQ (USD)



Viết tắt

(ART)	Điều trị bằng thuốc kháng virus
(CAT)	Công ước phòng chống Tra tấn
(CBDRM)	Quản lý nguy cơ thiên tai dựa vào cộng đồng
(CEDAW)	Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ
(CEMA)	Ủy ban Dân tộc
(CSOs)	Các tổ chức Xã hội dân sự
(DaO)	Thống nhất Hành động
(DRM)	Quản lý nguy cơ thiên tai
(DRR)	Giảm nguy cơ thiên tai
(EENC)	Chăm sóc thiết yếu sớm cho trẻ sơ sinh
(ESD)	Giáo dục vì phát triển bền vững
(EU)	Liên minh Châu Âu
(GBV)	Bạo lực Giới
(GDP)	Tổng sản phẩm trong nước
(GHG)	Khí thải nhà kính
(GSO)	Tổng cục Thống kê
(GOUNH)	Ngôi nhà chung xanh LHQ
(GoV)	Chính phủ Việt Nam
(HCMC)	Thành phố Hồ Chí Minh
(JPGs)	Nhóm lập kế hoạch chung
(LEP)	Luật bảo vệ môi trường
(LGBT)	Đồng tính nữ, đồng tính nam, lưỡng tính và người chuyển giới
(M&E)	Theo dõi đánh giá
(MARD)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(MDGs)	Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
(MDP)	Nghèo đa chiều
(MIC)	Quốc gia có thu nhập trung bình
(MoC)	Bộ Xây dựng
(MoCST)	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
(MoET)	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thống nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013





(MoH)	Bộ Y tế
(MoJ)	Bộ Tư pháp
(MoLISA)	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
(MoNRE)	Bộ Tài nguyên và Môi trường
(MPI)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(MPS)	Bộ Công an
(MSM)	Đàn ông có quan hệ tình dục đồng giới
(NA)	Quốc hội
(NAMAs)	Hành động thích hợp giảm thiểu quốc gia
(NGOs)	Tổ chức phi Chính phủ
(ODA)	Viện trợ phát triển chính thức
(OPF)	Quỹ Kế hoạch chung
(PAPI)	Chỉ số chất lượng hoạt động hành chính công và quản trị cấp tỉnh
(PLHIV)	Người sống chung với HIV
(POPs)	Chất ô nhiễm hữu cơ
(PSPMOs)	Các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và quần chúng
(RBM)	Quản lý dựa vào kết quả
(RIM)	Giám sát nhanh tác động
(SASSP)	Dự án tăng cường hệ thống bảo trợ xã hội
(SEDP)	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội
(SEDS)	Chiến lược phát triển kinh tế xã hội
(SMEs)	Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa
(SPRCC)	Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu
(TVET)	Giáo dục và Đào tạo kỹ thuật và dạy nghề
(UNCT)	Các cơ quan LHQ tại quốc gia
(UNFCCC)	Khung Công ước của LHQ về biến đổi khí hậu
(UPR)	Kiểm điểm phổ quát định kỳ
(VAAC)	Cục phòng chống HIV/AIDS
(VDGs)	Mục tiêu phát triển Việt Nam
(VHLSS)	Điều tra mức sống và nhà ở Việt Nam



Việt Nam

Thông tin chung

Việt Nam là một quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp ở Đông Nam Á, có biên giới với Lào và Campuchia ở phía Tây và với Trung Quốc ở phía Bắc. Dân số của Việt Nam là hơn 90 triệu người với 54 dân tộc, cùng chung sống trên một đất nước hẹp hình chữ S, với hơn 3.000 km bờ biển và nhiều khu vực đồi núi trong đất liền, với chỉ khoảng 1/3 diện tích là đất có thể canh tác, trồng trọt được. Việt Nam có 63 tỉnh với thủ đô là Hà Nội ở phía Bắc và khu đô thị rất đông đúc là thành phố Hồ Chí Minh ở phía Nam.

Trong năm qua, kinh tế vĩ mô tiếp tục được cải thiện ổn định, với mức tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi là 5,9% sau khi đã chậm lại ở mức 5,4% vào năm 2013. Khối doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài là thành phần chính đóng góp vào tăng trưởng, trong khi doanh nghiệp trong nước bị tụt lại do tiến trình cải cách thay đổi cơ cấu còn chậm chạp, nhất là khối doanh nghiệp Nhà nước và tài chính. Quá trình đàm phán để gia nhập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Cộng đồng Kinh tế ASEAN tiếp tục

có những bước tiến mới, tạo tiền đề cải thiện các mối quan hệ kinh tế quốc tế, đồng thời thúc đẩy kinh tế trong nước tăng trưởng.

Việc thông qua Hiến pháp mới năm 2013 đã dẫn đến việc rà soát lại nhiều đạo luật trong năm 2014, đồng thời soạn thảo nhiều văn bản để thực hiện những thay đổi, trong đó có việc củng cố bộ máy tư pháp nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền con người. Nhiều nỗ lực thông tin và lấy ý kiến của xã hội dân sự đã được thực hiện, đặc biệt trong quá trình soạn thảo và sửa đổi luật. Quốc hội cũng được củng cố vai trò giám sát, trong đó có trách nhiệm giải trình ví dụ như việc bỏ phiếu tín nhiệm lần thứ hai thực hiện tháng 11 năm 2014.

Mặc dù năm 2014 có vẻ là một năm tương đối êm ả cho Việt Nam về mặt thiên tai, các hiện tượng thiên nhiên cực đoan vẫn luôn luôn thường trực đe dọa cuộc sống của nhân dân và chăn nuôi sản xuất. Để ứng phó, Chính phủ trong năm 2014 đã ưu tiên sự chú trọng vào việc triển khai những cam kết của mình về biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.



Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013



Chương 1

Kết quả thực hiện Thống nhất hành động

Trong gần một thập kỷ, hệ thống LHQ tại Việt Nam đã cải tiến cách thức làm việc giữa các cơ quan LHQ khác nhau để đạt được thành tựu phát triển, với mục tiêu làm cho hệ thống LHQ trở nên phù hợp, hiệu quả và hiệu lực hơn. Khởi đầu bằng việc cho ra đời Tuyên bố Hà nội về hiệu quả viện trợ vào năm 2005, Việt Nam đã đi đầu trong việc thúc đẩy các chương trình cải cách LHQ. Năm 2007, Việt Nam trở thành một trong tám quốc gia thí điểm sáng kiến Thống nhất hành động (DaO) thế hệ đầu tiên. Hiện tại, khi đã bước vào thế hệ thứ hai của sáng kiến DaO dựa trên kết quả, 44 quốc gia đang áp dụng phương pháp tiếp cận này để tăng cường ảnh hưởng của LHQ ở cấp độ quốc gia.

Tại Việt Nam, sáng kiến DaO không chỉ tập trung vào việc hợp tác LHQ đạt được ‘cái gì’ thông qua các kết quả của Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016, mà còn tập trung vào những thay đổi về quy trình – hay việc LHQ đạt được các kết quả đó ‘như thế nào’ – thông qua việc thực thi sáu trụ cột tương hỗ của DaO: Kế hoạch chung; Ngân sách chung; Lãnh đạo chung; Bộ quy tắc thực hành quản lý chung; Tiếng nói chung; và Ngôi nhà chung xanh LHQ.

Một chiến lược quản trị kết quả

Trong khi Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016 đã bao gồm một khung đánh giá và giám sát kết quả mạnh mẽ, thiết thực để hỗ trợ giám sát các kết quả phát triển, công tác giám sát các thay đổi về quy trình được bắt đầu bằng việc áp dụng Chiến lược quản lý dựa trên kết quả vào năm 2012. Chiến lược này nhấn mạnh rằng tất cả các trụ cột DaO củng cố lẫn nhau và “đều là phương tiện để đạt được các kết quả của Kế hoạch chung”. Chiến lược xác định nhu cầu cần phải có một công cụ để giám sát các kết quả phát triển của Kế hoạch chung, cũng như một khung giám sát kết quả để đo lường những thay đổi bắt nguồn từ các trụ cột DaO. Điều này phù hợp với các phát hiện trong bản Đánh giá độc lập của tám quốc gia thí điểm DaO. Bản đánh giá này kết luận mặc dù DaO được coi là đang cải thiện cách thức làm việc của LHQ nhưng việc chứng minh các cải tiến này một cách thuyết phục không hề dễ dàng do chưa có các khung đánh giá và giám sát hiệu quả, đặc biệt là liên quan đến các thay đổi về quy trình và các thành tựu về tăng cường hiệu suất.

Xây dựng Khung giám sát kết quả DaO

Sau khi Các cơ quan cấp quốc gia của LHQ (UNCT) áp dụng Chiến lược quản lý dựa trên kết quả vào cuối năm 2012, công tác xây dựng Khung giám sát kết quả DaO bắt đầu được tiến hành. Sau đó, đã có một số mô hình ra đời, trong đó chủ yếu thiết lập các kết quả DaO dự kiến gắn với các trụ cột DaO. Tuy nhiên, khi xem xét lại lý thuyết thay đổi DaO của UNCT, các kết quả chính mà các trụ cột DaO đem lại được xác định là (1) Tăng cường sự hài hòa với các ưu tiên phát triển quốc gia và các cam kết quốc tế thông qua sự tham gia với tư cách là đối tác chiến lược; (2) Cải thiện hiệu quả trong việc phối hợp hoạt động và chứng minh các kết quả phát triển; và (3) Nâng cao hiệu suất chuyển đổi các yếu tố đầu vào thành kết quả đầu ra.

Theo đó, trong năm 2014, Khung giám sát đã được điều chỉnh để nhấn mạnh bản chất tương hỗ của sáu trụ cột DaO cũng như các chiến lược và công cụ liên quan, tất cả đều đóng góp vào việc hoàn thành ba kết quả nêu trên. Mỗi chỉ số trong số 40 chỉ số được lựa chọn đều liên kết đến một hoặc nhiều trụ cột DaO. Điều này cho phép chúng ta có được một phương pháp tiếp cận mang tính hệ thống và chặt chẽ hơn để đo lường các thay đổi về quy trình bắt nguồn từ DaO, chứng minh được các trụ cột đóng góp vào các kết quả chiến lược của Sáng kiến DaO như thế nào. Dữ liệu của 29 chỉ số hiện đã được các nhóm công tác DaO thu thập. Việc đo lường các chỉ số khác (11 trong số 40 chỉ số) đòi hỏi phải có thông tin tổng hợp từ tất cả các cơ quan LHQ hoạt động tại Việt Nam, và được thu thập bởi Nhóm công tác về quản lý dựa trên kết quả thông qua các bảng hỏi khảo sát thường niên.

Tự bản thân là một kết quả

Với tư cách là một dấu mốc DaO của LHQ tại Việt Nam, Khung giám sát này đã được UNCT áp dụng trong năm 2014 và nhận được phản hồi tích cực của Chính phủ về mức độ cần thiết và hữu ích của nó. Các số liệu cơ bản đã được thu thập từ cuối năm 2014, nhờ đó mà – lần đầu tiên trên toàn hệ thống LHQ tại Việt Nam – có thể nắm bắt và phân tích được các khía cạnh cốt lõi của DaO và mối liên hệ của chúng với việc LHQ có thể hỗ trợ cho Việt Nam một cách hiệu quả và hiệu lực. Ngoài ra, các thông tin cơ bản này cũng được kỳ vọng sẽ hỗ trợ để Ban chỉ đạo DaO – do Chính phủ, LHQ và đại diện cộng đồng các nhà tài trợ thành lập – đưa ra được các quyết định dựa trên thực chứng hơn trong quá trình thực thi vai trò giám sát và hướng dẫn về các phương hướng cải cách LHQ.

Việc triển khai Khung giám sát là một kết quả quan trọng của LHQ bởi LHQ đã tự vượt qua các giới hạn của mình để chứng minh những thay đổi thật sự về cách thức hoạt động của LHQ khi áp dụng DaO. Trong tương lai, khi các chỉ số được đo lường lại vào cuối năm 2015 và những năm tiếp theo, việc cung cấp bằng chứng về các thay đổi bằng cách so sánh giá trị các chỉ số thường niên với chỉ số khảo sát đầu vào năm 2014 là hoàn toàn khả thi.

Chương này phân tích các thông tin có được từ các số liệu khảo sát đầu vào thu thập trong năm 2014 liên quan đến ba kết quả dự kiến của DaO: (1) tăng cường sự hài hòa; (2) cải thiện hiệu quả; và (3) nâng cao hiệu suất.

Hài hòa với các ưu tiên phát triển quốc gia

Mục đích đầu tiên và trước hết của việc áp dụng DaO, với tư cách là một phương thức hợp tác, là nhằm củng cố năng lực tập thể của LHQ để trở thành một đối tác chiến lược và đáng tin cậy của Việt Nam. DaO được kỳ vọng giúp LHQ hỗ trợ Việt Nam đạt được các ưu tiên phát triển quốc gia theo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (SEDS) giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội (SEDP) giai đoạn 2011-2015, cũng như các chiến lược địa phương và chiến lược ngành có liên quan. Sáng kiến này cũng được kỳ vọng sẽ hỗ trợ Việt Nam hoàn thành cam kết quốc tế về các mục tiêu phát triển, như các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG) và những cam kết khác theo các công ước LHQ và hội nghị thượng đỉnh mà Việt Nam là thành viên. Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016 thể hiện khung chương trình và hoạt động LHQ sử dụng để tiến hành các hoạt động hỗ trợ như vậy.

Trong lĩnh vực hài hòa hóa các hỗ trợ của mình với các ưu tiên phát triển của Việt Nam, trong năm 2014, LHQ đã áp dụng Khung giám sát kết quả DaO đã để đo lường mức độ hỗ trợ kỹ thuật của LHQ trong việc (a) tư vấn và vận động chính sách nhất quán ở cấp cao về các thách thức phát triển chính, (b) hỗ trợ năng lực quốc gia để giám sát tiến độ hoàn thành các kết quả và (c) tạo điều kiện hỗ trợ Việt Nam tham gia vào các cuộc thảo luận khu vực và quốc tế về những vấn đề phát triển quan trọng và các cuộc giao lưu trao đổi kiến thức kinh nghiệm có liên quan.

(a) Tư vấn và vận động chính sách cấp cao về các thách thức phát triển chính

Vận động chính sách dựa trên thực chứng thông qua “Tiếng nói chung” là chìa khóa để tăng cường năng lực của LHQ trong việc đưa ra các tư vấn phù hợp và toàn diện cho Chính phủ về ứng phó với các thách thức phát triển phức tạp. Trong năm 2014, năng lực chuyên môn liên ngành của LHQ được sử dụng để phân tích, thống nhất lập trường chung và

đưa ra các thông điệp tuyên truyền về nhiều vấn đề khác nhau phù hợp với các kinh nghiệm toàn cầu có liên quan và các chuẩn mực quốc tế. Tám Nhóm thực hiện chương trình chung (JPG, thể chế tương đương với các Nhóm kết quả theo Quy tắc vận hành chuẩn của UNDG dành cho DaO), cùng với một số nhóm công tác và cơ quan chuyên trách, là phương tiện để tiến hành công tác phân tích làm cơ sở cho việc chuẩn bị và đệ trình 29 khuyến nghị và báo cáo chính sách liên cơ quan lên các bộ, ban ngành của Chính phủ. Một số khuyến nghị liên ngành trong năm 2014 bao gồm khuyến nghị về nhu cầu tái định cư và bảo trợ xã hội của người di cư ở những vùng chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (do IOM, UNDP và UNFPA phát hành) và các góp ý về Luật An toàn vệ sinh lao động (do ILO và WHO thực hiện).

Với quốc gia có mức thu nhập trung bình như Việt Nam, LHQ đang tăng cường các hoạt động cấp cao và hội nhập trong các lĩnh vực chiến lược. Năm 2014, năng lực chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm của LHQ được sử dụng để đưa ra các hướng dẫn chính sách mang tính chuyên môn, đóng góp vào quá trình cải cách 14 kế hoạch, chính sách và luật chủ chốt của Việt Nam, bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp sửa đổi, theo đó thiết lập cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp cung cấp các thông tin đăng ký doanh nghiệp đang có hiệu lực, theo thời gian thực, nhờ đó cải thiện tính minh bạch và mức độ tin cậy đồng thời giảm thiểu chi phí kinh doanh tại Việt Nam;
- Luật Hôn nhân và gia đình, gỡ bỏ quy định không thừa nhận hôn nhân đồng giới;
- Luật Bảo hiểm y tế, mở rộng trợ cấp Chính phủ cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các nhóm dân cư dễ bị tổn thương;
- Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, bao

gồm các điều khoản về quyền và vai trò của cộng đồng địa phương, đặc biệt là trẻ em;

- Luật Tổ chức tòa án để quy định về việc thành lập tòa án đặc biệt cho trẻ em;
- Luật Hộ tịch, bao gồm các điều khoản để đảm bảo sự bình đẳng và không phân biệt đối xử cũng như các quyền của trẻ em và các vấn đề liên quan đến đăng ký khai sinh;
- Luật Giáo dục nghề nghiệp (TVET) sửa đổi, khuyến khích hơn nữa quan hệ hợp tác nhà nước-tư nhân cũng như sự tham gia của các ngành nghề vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giúp cho những hoạt động này đáp ứng tốt hơn nhu cầu và nâng cao chất lượng; và
- Luật Tổ chức quốc hội, cải thiện mức độ chuyên nghiệp hóa, bình đẳng giới và tính minh bạch.

Cũng trong năm 2014, nhờ vào vai trò đặc thù của LHQ trong việc vận động và hỗ trợ thực hiện các tiêu chuẩn quy phạm cơ bản và sau nhiều năm kiên trì nỗ lực, Quốc hội đã nhất trí thông qua việc phê chuẩn hai công ước chính về quyền con người: Công ước chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác và Công ước về quyền của người khuyết tật. Tiếp sau đó, LHQ đưa ra các khuyến nghị với Chính phủ và chủ trì một loạt hội thảo về các tác động của việc phê chuẩn này. Công tác vận động tuyên truyền của LHQ cũng đóng góp vào Quyết định 535 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu chính quyền trung ương và các địa phương hành động thực hiện khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em. Ngoài ra, những chuyến thăm của ông Manfred Nowak, cựu Đặc phái viên của LHQ về vấn đề chống tra tấn, và ông Heiner Bielefeldt, Đặc phái viên về Tự do tôn giáo và tín ngưỡng của Ủy ban LHQ về quyền con người, đã thu hút sự chú ý của truyền thông và nâng cao nhận thức về nhiều vấn đề quyền con người cũng như các công ước quốc tế và quy trình đặc thù.

(b) Nâng cao năng lực quốc gia về giám sát kết quả

Năng lực tốt về giám sát và đánh giá dựa trên kết quả của quốc gia chính là cốt lõi của quản trị hiệu quả. Nó cung cấp các công cụ quản lý công, từ đó tạo ra nguồn thông tin có thể sử dụng để quản lý chính sách tốt hơn và chứng minh cho người dân thấy các tiến bộ đạt được, đồng thời trong quá trình đó trách nhiệm giải trình cũng được nâng cao. Ở khía cạnh này, việc củng cố năng lực quản lý dựa trên kết quả của quốc gia chính là chìa khóa để cải thiện công tác thực hiện và thi hành các chính sách quốc gia.

Trong năm 2014, thông qua các khóa đào tạo về giám sát đánh giá (M&E) với sự hỗ trợ của LHQ, năng lực của khoảng 2.000 cơ quan hữu quan của Việt Nam đã được nâng cao để hiểu rõ hơn hiệu quả của các chính sách trong việc cải thiện đời sống người dân và đưa ra các quyết định thiết thực hơn dựa trên những gì là có và không có hiệu quả. LHQ đào tạo cả quản lý dựa trên kết quả nói chung và cụ thể theo từng ngành. Hai phần ba trong tổng số 67 khóa đào tạo nhằm vào đối tượng là các cơ quan hữu quan tham gia giám sát các kế hoạch và chính sách cụ thể, trong khi một phần ba còn lại tập trung xây dựng năng lực tổng quát về quản lý dựa trên kết quả cho các cán bộ nhân viên có liên quan trong các bộ ngành.

Thêm vào đó, năng lực giám sát các kết quả phát triển của các cơ quan hữu quan cũng tiếp tục được củng cố thông qua 27 nhiệm vụ giám sát có sự hợp tác giữa Chính phủ và LHQ liên quan đến nhiều bộ ngành (chủ yếu là Bộ Y tế) và các cơ quan Chính phủ khác. Ngoài việc giảm thiểu sự chồng chéo trong hoạt động và chi phí giao dịch cho các bên đối tác, đây còn là cơ hội để LHQ tìm hiểu về các phương thức giám sát của Chính phủ và theo đó điều chỉnh hoạt động hỗ trợ của mình cho phù hợp.

Cuối cùng, việc có được các chuyên gia đánh giá trong nước có kinh nghiệm chính là một trong những nền tảng để có thể phân tích và báo cáo về hiệu quả các chính sách của Chính phủ. LHQ tận dụng và đẩy mạnh việc xây dựng năng lực đánh giá quốc gia một cách hệ thống, đồng thời đảm bảo chất

lượng các đánh giá của chính LHQ bằng cách thừa nhận kiến thức, kỹ năng và quan điểm của những chuyên gia đánh giá trong nước. Theo đó, trong số 35 bản đánh giá được LHQ thực hiện tại Việt Nam trong năm 2014 thì 30 bản có sử dụng kiến thức kinh nghiệm của các chuyên gia đánh giá trong nước.

Giám sát MDG

Một trong những lĩnh vực có sự hỗ trợ đáng kể của LHQ là củng cố hơn nữa năng lực quốc gia trong hoạt động giám sát việc hoàn thành MDG. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (SEDS) giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội (SEDP) giai đoạn 2011-2015 của Việt Nam thiết lập nên các mục tiêu phát triển chủ chốt cho Việt Nam, tích hợp MDG vào các Mục tiêu phát triển quốc gia của Việt Nam (VDG). Hệ thống giám sát MDG/VDG đã được củng cố trong những năm gần đây, với việc phê duyệt Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam và Quyết định 2013 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc và nhiệm vụ báo cáo tình hình thực hiện MDG tại Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn thiếu các cơ chế giám sát và báo cáo nhất quán và toàn diện, có khả năng cho thấy các thách thức trong việc thu thập, phân tích và sử dụng những dữ liệu đáng tin cậy, thường xuyên và chi tiết. Do vậy LHQ đã tiến hành hỗ trợ về nhiều lĩnh vực, bao gồm giám sát các kết quả liên quan đến MDG, cải thiện công tác thu thập và xử lý dữ liệu, cũng như chuẩn bị báo cáo chính thức về MDG năm 2015. Những nỗ lực trong năm 2014 bao gồm:

- Hỗ trợ việc thể chế hóa các mục tiêu và chỉ số MDG/VDG vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và ngành cũng như việc thể chế hóa kho dữ liệu quốc gia về MDG/VDG vào hệ thống dữ liệu quốc gia.
- Hỗ trợ việc thu thập các chỉ số cơ bản và thiết lập mục tiêu cho một nhóm các chỉ số ưu tiên phục vụ giải quyết thực trạng của các nhóm dân tộc thiểu số trong khuôn khổ Kế hoạch hành động thúc đẩy việc hoàn thành MDG tại các khu vực dân tộc thiểu số.
- Hỗ trợ Tổng cục thống kê và các bộ

ngành liên quan đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu thu thập được, đặc biệt là đối với các mục tiêu về y tế, và thực hiện Khảo sát cụm đa chỉ số để thu thập dữ liệu phục vụ cho việc giám sát tiến độ thực hiện các chỉ tiêu quốc gia và cam kết quốc tế, bao gồm MDG.

- Hỗ trợ Chính phủ xây dựng báo cáo về kinh nghiệm của Việt Nam trong việc thực hiện MDG, nhấn mạnh vào các bài học kinh nghiệm và thông lệ thực hành tốt.

Giám sát có sự tham gia của người dân

Thiếu trách nhiệm giải trình vẫn luôn là một trở ngại lớn đối với quá trình thực hiện MDG trên toàn thế giới, bởi việc phân định các trách nhiệm khác nhau trong việc hoàn thành cam kết không phải lúc nào cũng rõ ràng. Vì lý do này, các cuộc thảo luận gần đây xoay quanh chương trình nghị sự sau năm 2015 đặc biệt chú ý đến nhu cầu cần phải có các cơ chế giải trình ở tất cả các cấp. Với tư cách là một thành viên tích cực trong cuộc thảo luận toàn cầu, trong năm 2014, Việt Nam là một trong mười quốc gia tham gia thảo luận về phương pháp để xây dựng các hình thức giải trình mới có sự tham gia của người dân. Thông qua các cuộc thảo luận nhóm và phản hồi cá nhân, LHQ đã kêu gọi đại diện các tổ chức xã hội dân sự, khu vực tư nhân và các tổ chức quần chúng nghiên cứu và cho ý kiến về các sáng kiến và công cụ hiện có minh chứng cho giá trị của việc giám sát kết quả có sự tham gia của người dân đồng thời đưa ra các phản hồi chính sách và cuối cùng buộc đối tượng cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm giải trình. Một số sáng kiến có sự hỗ trợ của LHQ bao gồm:

- Xây dựng năng lực cho các tổ chức xã hội dân sự để giám sát việc tuân thủ Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), cụ thể là hỗ trợ các tổ chức xã hội dân sự chuẩn bị Báo cáo đánh giá độc lập cho Ủy ban CEDAW;
- Hỗ trợ cho công tác xây dựng Báo cáo tình hình phòng chống AIDS năm 2014 của Việt Nam, với sự tham gia của 21 tổ

chức xã hội dân sự - bao gồm các nhóm sống chung với HIV;

- Hỗ trợ mạng lưới quốc gia của những người sống chung với HIV thu thập bằng chứng về sự kỳ thị và phân biệt đối xử mà họ phải đối mặt, với sự tham gia của 1.625 người vào Chỉ số đánh giá mức độ kỳ thị. Các kết luận của báo cáo này sẽ được sử dụng trong năm 2015 để phục vụ cho quy trình lên kế hoạch và xây dựng chính sách liên quan đến HIV hướng đến mục tiêu ba không, đặc biệt là không phân biệt đối xử, như Chính phủ đã cam kết;
- Đo lường Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của Việt Nam ở 63 tỉnh và thành phố, đây là năm thứ tư chỉ số này được thực hiện trên toàn quốc. PAPI thu thập phản hồi của người dân thông qua các cuộc phỏng vấn trực tiếp để từ đó cung cấp dữ liệu theo dòng thời gian về hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước trong việc phục vụ người thụ hưởng dịch vụ.
- Thực hiện Phiếu điều tra công dân và Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em ở hai tỉnh, giúp chính quyền tỉnh nắm bắt được ý kiến phản hồi của người dân một cách khoa học và đảm bảo rằng các ưu tiên chủ chốt liên quan đến trẻ em được kết hợp một cách hiệu quả vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội (SEDP) và các kế hoạch theo ngành thường niên và năm năm cho giai đoạn 2016-2020; và
- Tiến hành Đánh giá nhanh tác động, hỗ trợ hữu ích cho các cuộc khảo sát định lượng và dữ liệu hành chính để thu thập ý kiến và kinh nghiệm nhằm cung cấp phương tiện cho Chính phủ trong việc giám sát mức độ phù hợp của các chính sách xã hội để bảo vệ người dân trước các cú sốc từ bên ngoài, đặc biệt là những nhóm dân cư có nguy cơ cao.

Hoạt động nghiên cứu và góp ý cho thấy việc thực thi các công cụ giám sát có sự tham gia của người dân gặp phải một số thách thức, bao gồm việc các cơ quan công quyền chưa sẵn sàng áp dụng, các tổ chức xã hội dân sự và tổ chức địa phương còn thiếu kiến thức về những công cụ này, thiếu hụt về nguồn nhân lực và nguồn tài chính và việc sử dụng công nghệ và sáng kiến mới còn hạn chế. Báo cáo kết luận rằng LHQ, cùng với những nhà tài trợ có liên quan và các tổ chức phi chính phủ quốc tế, phải tiếp tục hỗ trợ toàn diện và dài hạn, nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực cho các tổ chức xã hội dân sự và những nhóm dân số dễ bị tổn thương tham gia có hiệu quả hơn vào công tác giám sát chính sách. Báo cáo cũng chỉ ra rằng các hoạt động thường xuyên, chẳng hạn những cuộc khảo sát thường niên và các cơ chế mang tính chu kỳ như đánh giá định kỳ về các công ước quốc tế có hiệu quả hơn các hoạt động hoặc tham vấn một lần. Nguyên nhân là do những hoạt động này đem lại cơ hội để cải thiện và nâng cao chất lượng của công tác giám sát, đồng thời cũng mở ra cánh cửa cho các tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam được thường xuyên đối thoại với Chính phủ về những vấn đề liên quan đến việc tuân thủ các cam kết quốc gia và quốc tế.

(c) Tăng cường hội nhập và trao đổi kinh nghiệm và kiến thức trong khu vực và quốc tế

Hội nhập quốc tế được xác định là một trong những ưu tiên hàng đầu của Việt Nam và quốc gia này đang nỗ lực để tham gia với vai trò lãnh đạo rõ nét hơn trong các thể chế toàn cầu. Với tư cách là một tổ chức đa phương, LHQ có vị thế rất tốt để hỗ trợ hoạt động cấp cao mang tính quốc tế của các quốc gia thành viên. Năm 2014, LHQ đã hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính để phái đoàn Việt Nam tham gia vào 57 cuộc họp, hội nghị và diễn đàn liên chính phủ lớn, 17 trong số đó mang tính khu vực và 40 mang tính quốc tế. Điển hình là việc hỗ trợ phái đoàn Chính phủ tham dự các cuộc họp chủ chốt liên quan

đến các cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người, như Đánh giá định kỳ phổ quát tại Geneva hay Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước LHQ về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các Nghị định thư có liên quan ở Vienna. LHQ cũng hỗ trợ phái đoàn Việt Nam tham gia vào các diễn đàn chuyên đề toàn cầu như Hội nghị về Biến đổi khí hậu năm 2014 tại Lima, Hội nghị quốc tế về dinh dưỡng lần thứ hai ở Rome và Hội nghị thanh niên thế giới ở Sri Lanka khuyến khích thanh niên tham gia vào các quy trình xây dựng chính sách xoay quanh việc thực hiện chương trình nghị sự phát triển sau năm 2015. LHQ cũng hỗ trợ đại diện của các tổ chức xã hội dân sự tại Việt Nam tham gia vào Diễn đàn các tổ chức xã hội dân sự trong khu vực để đánh giá giai đoạn 20 năm thực thi Cương lĩnh hành động Bắc Kinh về trao quyền cho phụ nữ. Để thúc đẩy các cải cách cơ cấu và định hướng lại tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hướng tới bền vững và toàn diện, tháng 3 năm 2014, UNDP và các đối tác đã phối hợp tổ chức hội nghị quốc tế “Cải cách kinh tế để tăng trưởng bền vững và toàn diện: Kinh nghiệm quốc tế và các bài học cho Việt Nam”. Tham dự hội nghị có các nhà nghiên cứu kinh tế quốc tế và các học giả trong và ngoài nước cùng nhau thảo luận xem xét các kinh nghiệm phù hợp trong cải cách để có thể có chiến lược phát triển tăng trưởng bình đẳng và “xanh”. Hội nghị này đã góp phần vào xây dựng một nghiên cứu tổng kết lại các kinh nghiệm phát triển kinh tế của Việt Nam sau 30 năm đổi mới. Chủ đề tăng trưởng toàn diện cũng là chủ đề chính của Báo cáo quốc gia về phát triển con người sắp tới.

Một lợi thế so sánh khác của LHQ, đặc biệt trong bối cảnh một quốc gia thu nhập trung bình, là khả năng đóng vai trò trung gian môi giới kiến thức thông qua việc chia sẻ các kiến thức và kinh nghiệm quốc tế ở cấp độ kỹ thuật. Trong lĩnh vực này, năm 2014 LHQ đã đóng góp đáng kể vào việc xây dựng năng lực và kiến thức quốc gia bằng cách hỗ trợ 110 buổi chia sẻ kiến thức trực tiếp về những

vấn đề phát triển quan trọng. Sự hỗ trợ này giúp khoảng 3.670 chuyên gia Việt Nam và quốc tế kết nối, học hỏi lẫn nhau, thiết lập mạng lưới liên lạc và nền tảng hợp tác. Mặc dù một nửa các buổi trao đổi kinh nghiệm là các buổi hội thảo và tập huấn quy mô lớn nhưng LHQ cũng hỗ trợ tổ chức 22 chuyến đi tham quan học tập tại chỗ để thu thập kinh nghiệm thực tiễn về các hệ thống quốc gia và việc thực thi những chương trình cấp địa phương, cùng với 25 khóa đào tạo chuyên sâu và buổi thuyết trình của chuyên gia về các thông lệ thực hành tốt và cách thức áp dụng những thông lệ này. Hơn một nửa trong số những hoạt động trao đổi này giúp đưa các đại diện của Việt Nam ra nước ngoài, có cơ hội trải nghiệm tình hình của quốc gia khác. Hơn ba phần tư hoạt động trao đổi được tổ chức trong phạm vi châu Á-Thái bình dương, góp phần thiết lập mạng lưới giữa các nước có nhiều đặc điểm chung và tương đồng về trình độ phát triển kinh tế-xã hội ở cấp độ quốc gia.

Chứng minh hiệu quả

Việc chứng minh các kết quả đạt được có ý nghĩa quan trọng đối với LHQ. Mặc dù các cơ quan LHQ đơn lẻ có những phương thức để đánh giá hiệu quả hoạt động của riêng mình nhưng ở Việt Nam DaO cho phép xây dựng và áp dụng các công cụ để đo lường, phân tích và chứng minh hiệu quả hoạt động chung của toàn bộ hệ thống LHQ. Theo đó, các nội dung quy định về M&E đã được đề xuất trong Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016 và tiếp tục được phát triển thêm trong Chiến lược quản lý dựa trên kết quả của UNCT năm 2012. Khung giám sát kết quả DaO mang lại một bước tiến mới cho công tác đo lường tiến độ thực hiện của toàn hệ thống. Do các kết quả phát triển của Kế hoạch chung năm 2014 sẽ được mô tả chi tiết trong Chương 2, nên mục đích của phần này là trình bày những thông tin đầu vào được thu thập từ Khung giám sát kết quả DaO cho phép LHQ chứng minh hiệu quả hoạt động của mình thông qua việc (a) giám sát kết quả chung, (b) truyền thông chung về kết quả đạt được và (c) xây dựng năng lực của toàn hệ thống.

(a) Giám sát kết quả phát triển của Kế hoạch chung

Kết quả phát triển của Kế hoạch chung được giám sát thông qua Kho dữ liệu Kế hoạch chung trực tuyến¹. Mặc dù năm 2014 giá trị của tất cả các chỉ số đều được cập nhật nếu có số liệu nhưng lần đầu tiên chúng ta có được một bức tranh toàn cảnh hơn về các đóng góp của LHQ vào những thành tựu và kết quả của Kế hoạch chung nhờ những cải tiến đáng ghi nhận về Kho dữ liệu. Đến thời điểm năm 2014, công cụ giám sát công khai này đã bao gồm một tập hợp các bảng biểu mới để giám sát các kết quả thường niên chủ chốt, so sánh những kết quả thực tế đạt được với những kết quả dự kiến, và cho phép phân tích về mức độ hoàn thành kết quả.

Bản đánh giá hệ thống bảng biểu giám sát năm 2014 cho thấy 87% các kết quả dự kiến ở thời điểm đầu năm đã được hoàn thành vào cuối năm. Việc đảm bảo trách nhiệm giải trình và rút ra bài học kinh nghiệm cũng được nâng

cao với việc đảm bảo rằng LHQ tăng cường ghi nhận những bằng chứng một cách có hệ thống hơn về lí do không đạt được hoặc chỉ đạt được một phần một số kết quả dự kiến. Năm 2014, trong hầu hết các trường hợp, nguyên nhân không hoàn thành đầy đủ các kết quả dự kiến là do sự chậm trễ trong việc phê duyệt dự án hoặc LHQ phải hoãn thực thi để đảm bảo tiến độ dự án phù hợp với các kế hoạch liên quan của Chính phủ.

Mặc dù tất cả các kết quả dự kiến đều do các Nhóm thực hiện chương trình chung xây dựng nhưng chỉ có hơn một nửa các kết quả hoàn thành (126) là đạt được trên cơ sở hợp tác trực tiếp giữa hai hay nhiều cơ quan có thể áp dụng kiến thức chuyên môn của mình để giải quyết cùng một vấn đề, ví dụ vấn đề giới, HIV, bảo trợ xã hội và y tế. Gần một nửa số kết quả (125) được hoàn thành bởi một cơ quan duy nhất với lợi thế so sánh là cơ quan chuyên môn đơn nhất trong lĩnh vực liên quan, như biến đổi khí hậu và môi trường (chủ yếu do UNDP phụ trách) hay quyền trẻ em (chủ yếu do UNICEF phụ trách).

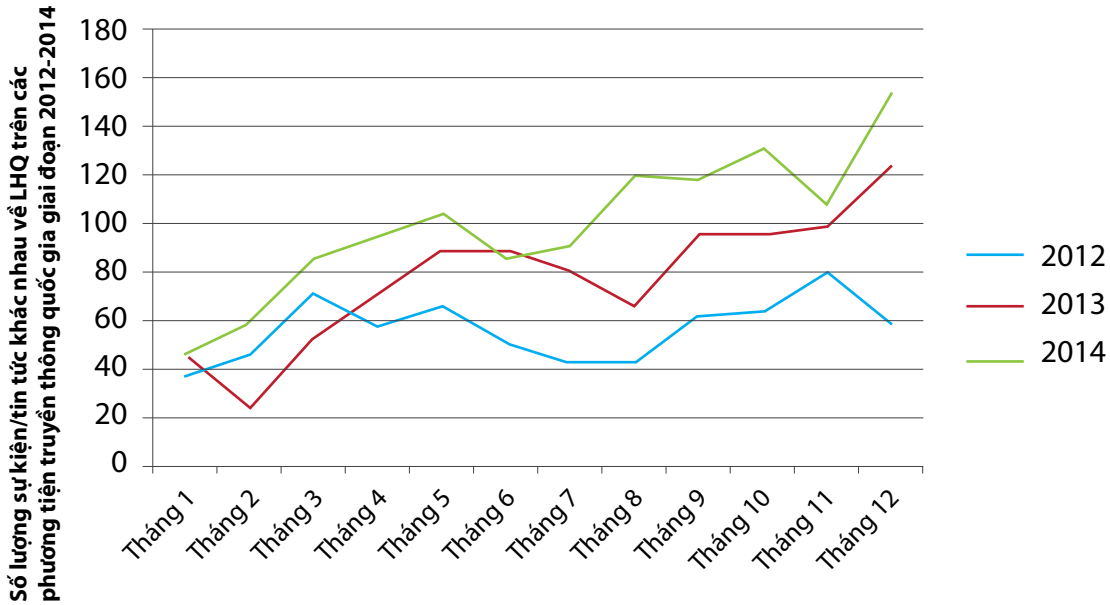
(b) Truyền thông về kết quả đạt được

Báo cáo và thông tin rõ ràng về các kết quả đạt được có ý nghĩa quan trọng trong việc định vị vai trò chiến lược của LHQ ở cấp độ quốc gia. Chứng minh cũng như tối đa hóa tính minh bạch của các kết quả đạt được, hay “truyền thông về các kết quả đạt được”, là một trong những mục tiêu chủ chốt của Khung truyền thông LHQ giai đoạn 2012-2016, được sửa đổi năm 2014 để hướng dẫn hoạt động truyền thông của LHQ tại Việt Nam.

Tại Việt Nam, Nhóm truyền thông LHQ – từ năm 2006 đã tập hợp được một nhóm các chuyên gia truyền thông – cho phép LHQ thực hiện “Tiếng nói chung” thông qua việc tổng hợp các nguồn thông tin, chia sẻ thông tin và tránh sự chồng chéo.

Năm 2014, vị thế của LHQ trong các vấn đề phát triển quốc gia và các chủ đề khác mà LHQ tham gia trở nên rõ ràng hơn nhờ vào các hoạt động truyền thông mạnh mẽ, chủ động và sự tham gia của cộng đồng. Biểu đồ dưới đây cho thấy đã có tổng cộng 1.190 sự kiện và tin tức

¹ <http://dimonitoring.org/v3/vietnam>, tên đăng nhập: OPDuser; mật khẩu: OPD2012



về LHQ xuất hiện trên các phương tiện truyền thông quốc gia trong suốt năm qua. Trừ tháng sáu, tháng nào trong năm cũng ghi nhận mức độ phủ của LHQ trên hệ thống truyền thông toàn quốc lớn hơn so với năm trước.

LHQ tại Việt Nam cam kết chia sẻ những câu chuyện về sáng kiến DaO, hỗ trợ việc thiết lập và duy trì đối thoại hữu ích với các cơ quan hữu quan trong nước và quốc tế. Nhiệm vụ này năm 2014 đã được hoàn thành thông qua việc phát hành sáu bản tin về DaO và LHQ tại Việt Nam.

Để giải thích cho những đóng góp của LHQ vào các kết quả của Kế hoạch chung và các ưu tiên phát triển quốc gia, 43 câu chuyện về hoạt động hỗ trợ đã ra đời trong năm 2014, góp phần làm cho các kết quả phát triển trở nên dễ hiểu hơn và minh họa cho việc các hoạt động của LHQ tại Việt Nam đang tạo ra thay đổi như thế nào. Bên cạnh các bản tin này và một loạt các sự kiện và ấn phẩm theo chủ đề, thông tin về các sáng kiến của LHQ còn được chia sẻ thông qua 74 buổi nói chuyện, 85 thông cáo báo chí, 46 ấn phẩm và 3 phim tài liệu truyền hình. Để tiếp cận được với nhiều đối tượng nhất có thể, LHQ cũng đầu tư vào một loạt các kênh truyền thông trực tuyến để sản xuất ra 89 bài viết trên trang web, 33 video và hơn 1000 bài đăng trên sáu mạng lưới truyền thông xã hội.

Bất kỳ tổ chức nào muốn hoạt động hiệu quả đều cần phải quản lý tốt tri thức của mình. Điều này được Nhóm truyền thông LHQ thực

hiện thông qua việc quản lý mạng thông tin nội bộ của LHQ. Thông qua mạng lưới này, 45 bản tin nội bộ hàng tuần đã được gửi đến nhân viên LHQ tại Việt Nam trong năm 2014. Ngoài ra, còn có 243 bản 'Tin tức nổi bật' để chia sẻ các thông tin về LHQ tại Việt Nam trên các phương tiện truyền thông trong nước và quốc tế cho toàn bộ nhân viên LHQ.

(c) Xây dựng năng lực của toàn hệ thống

Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên tính hiệu quả của một tổ chức là khả năng không ngừng xây dựng năng lực cho đội ngũ nhân viên của mình, cũng như học hỏi kinh nghiệm và từ đó tự điều chỉnh bản thân. Năm 2014, lần đầu tiên LHQ tại Việt Nam đã tiến hành đo lường mức độ đầu tư vào hoạt động học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức giữa các cơ quan LHQ và trên toàn cầu.

Đã qua nửa chặng đường thực hiện Kế hoạch chung, năm 2014 là một năm quan trọng để nhận thức được điều gì là khả thi, không khả thi và tận dụng tối đa các bài học kinh nghiệm này như thế nào. Theo đó, LHQ đã thực hiện đánh giá có hệ thống về Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016, đưa ra các đánh giá cho từng dự án và chương trình dựa trên kế hoạch M&E tổng hợp. Đánh giá này xem xét mức độ sẵn có của các bằng chứng cần thiết phục vụ cho công tác đánh giá những nỗ lực của LHQ trong việc giúp đỡ các nhóm dân số dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất, đồng thời đưa ra một loạt khuyến nghị để hỗ trợ cho việc chuẩn bị và xây



© UN Viet Nam Jakub Zak

dự Đánh giá năm 2015 về Kế hoạch chung.

Việc học hỏi kinh nghiệm và xây dựng năng lực của tổ chức cũng được thúc đẩy thông qua các sự kiện và các cuộc trao đổi liên ngành. Năm 2014, nhân viên LHQ có cơ hội học hỏi từ các đồng nghiệp và chuyên gia (trong nước và nước ngoài) và đưa ra các giải pháp mang tính đột phá để giải quyết những thách thức phát triển phức tạp. Năng lực áp dụng các phương pháp tiếp cận cốt lõi của LHQ (như xây dựng các chương trình phù hợp với đặc tính văn hóa hay quản lý dựa trên kết quả) và nhận thức về các vấn đề phát triển quốc gia chủ chốt được nâng cao thông qua 50 sự kiện chia sẻ kiến thức và xây dựng năng lực. Gần một nửa trong số những sự kiện này là dành riêng cho các Nhóm công tác liên cơ quan của LHQ, cho thấy tầm quan trọng của các nhóm này với tư cách là nền tảng để chia sẻ kiến thức. Số còn lại cho phép sự tham gia của tất cả các nhân viên LHQ hoặc các đại diện Chính phủ, nhà tài trợ và/hoặc các đối tác phát triển khác. Hai chủ đề có tầm quan trọng đặc biệt là HIV và bình đẳng giới, cũng là hai nhiệm vụ xuyên suốt, liên quan đến nhiều cơ quan LHQ. Điều này giải thích tại sao một nửa trong số những sự kiện được tổ chức hướng vào giải quyết các khía cạnh liên quan đến một trong hai chủ đề này.

Cuối cùng, kiến thức và kinh nghiệm không chỉ được chia sẻ ở cấp độ quốc gia mà với cả cộng đồng những quốc gia thành viên LHQ trên thế giới. Với việc Việt Nam được xem là

hình mẫu toàn cầu cho hoạt động cải cách LHQ ở cấp độ quốc gia, các bài học kinh nghiệm tiếp tục được phân tích và chứng minh để các quốc gia khác áp dụng phương pháp tiếp cận này có thể hưởng lợi từ những bài học đúc kết được. Năm 2014, LHQ tại Việt Nam cũng đóng góp vào kho kiến thức toàn cầu bằng việc chia sẻ các thành công và thách thức của quá trình thực hiện sáng kiến DaO trong các cuộc thảo luận toàn cầu, từ đó dẫn đến việc phê chuẩn Quy tắc vận hành chuẩn và các hướng dẫn liên quan. Các hướng dẫn này bao gồm Hướng dẫn Quy tắc vận hành chuẩn về Chương trình chung, các chú giải về Huy động nguồn lực chung, Hướng dẫn về thống nhất thông tin, Hướng dẫn về việc phát triển Chiến lược vận hành hoạt động của LHQ, mẫu Báo cáo kết quả thường niên của UNDAF, Khung M&E về hài hòa việc vận hành hoạt động ở cấp độ quốc gia và quá trình xây dựng khung M&E để đo lường hiệu quả hoạt động của UNCT về quyền con người, cũng như các cuộc đối thoại cấp cao về năng lực của đội ngũ nhân viên phục vụ cho công tác cải cách LHQ và đảm bảo rằng LHQ hoạt động phù hợp với chương trình phát triển sau năm 2015.

Đo lường hiệu quả

Nâng cao hiệu quả hoạt động là mục tiêu trọng tâm của sáng kiến DaO. Theo đó, ba khía cạnh được tính đến, bao gồm giảm tình trạng chổng chéo, giảm chi phí giao dịch và tiết kiệm chi phí. Mặc dù cải thiện về những lĩnh vực này nằm trong các kết quả dự kiến cốt lõi của DaO, nhưng chứng minh được các thành tựu về nâng cao hiệu quả là một trong những thách thức lớn nhất trong công tác cải cách LHQ trên toàn cầu. Năm 2014, LHQ tại Việt Nam đã tiến hành các bước để đo lường những chỉ số chủ chốt liên quan đến ba yếu tố này và, trên cơ sở thu thập được các chỉ số cơ bản đó, LHQ có thể theo dõi các thành tựu về nâng cao hiệu quả hoạt động một cách có hệ thống trong những năm sắp tới.

Tại Việt Nam, sáng kiến Ngôi nhà chung xanh LHQ (GOUNH) là một trong những nhân tố tiềm năng nhất để nâng cao hiệu quả hoạt động trên mọi lĩnh vực. Dự án GOUNH là một sáng kiến do UNCT chỉ đạo gồm ba khía cạnh chính: quá trình xây dựng bao gồm thiết kế, thi công và hoàn thiện; cải cách về cách thức vận hành và hoạt động, tận dụng việc nhiều cơ quan làm việc tại cùng một địa điểm; và thay đổi hành vi để LHQ có thể thống nhất hành động và hành động xanh.

(a) Giảm sự chổng chéo

Tập hợp các chuyên gia để cùng giải quyết một vấn đề chung khi thấy phù hợp là nhân tố cốt lõi của DaO, từ đó định hướng cho hoạt động của LHQ tại Việt Nam, đảm bảo không xảy ra sự chổng chéo và trùng lặp không cần thiết. Việc các cơ quan cùng làm việc trong GOUNH, và đặc biệt là việc 'phân nhóm chức năng' cho các nhân viên làm việc ở các nhóm liên cơ quan tương đồng về quy trình và nội dung hoạt động, được kỳ vọng sẽ là chìa khóa để giảm thiểu tình trạng chổng chéo, bởi việc hợp tác giữa nhân viên của các cơ quan LHQ chưa bao giờ dễ dàng như vậy.

Năm 2014, việc sử dụng Khung giám sát DaO đã tạo nền tảng cho tầm quan trọng của quan hệ hợp tác giữa các chuyên gia LHQ. LHQ giảm thiểu tình trạng chổng chéo trong hoạt động của các cơ quan LHQ đơn lẻ, đồng

thời tăng cường tính liên kết của LHQ, thông qua sự ra đời của 30 sản phẩm hợp tác (chủ yếu là các báo cáo rà soát tài liệu, báo cáo nghiên cứu và đánh giá) và 46 sự kiện chung (chủ yếu là các khóa đào tạo, hội thảo, chiến dịch, đối thoại chính trị, tham vấn và sự kiện truyền thông). Vấn đề bình đẳng giới với bản chất xuyên suốt, liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau lý giải vì sao khoảng một phần tư các sản phẩm hợp tác và một phần ba các sự kiện chung lại liên quan đến các khía cạnh của bình đẳng giới.

Xu hướng hiện nay là tạo điều kiện hợp tác giữa một số lượng hạn chế các đối tác tham gia cùng một hoạt động. Theo đó, hơn hai phần ba các sản phẩm và sự kiện chung này chỉ có sự tham gia của hai hoặc ba cơ quan. Trong một số ít trường hợp, bản chất của vấn đề đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều đối tác. Ví dụ như một số báo cáo và tài liệu được xây dựng trên cơ sở dữ liệu có được từ toàn bộ hệ thống LHQ tại Việt Nam, chẳng hạn dữ liệu do UNCT cung cấp cho quá trình báo cáo của Ủy ban Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ.

(b) Giảm chi phí giao dịch

Tại Việt Nam, việc thiết lập các cơ quan thực thi nhiệm vụ dưới sự chỉ đạo của UNCT để để xuất các quy trình thay mặt cho toàn bộ hệ thống LHQ đã và đang là một trong những cách thức hiệu quả nhất để giảm thiểu chi phí giao dịch.

Ví dụ, về vấn đề phân bổ nguồn lực, Ủy ban quản lý phân bổ nguồn lực của Kế hoạch chung xây dựng các tiêu chí để đảm bảo tính công bằng và minh bạch cho quy trình cấp vốn Kế hoạch chung. Năm 2014, Ủy ban đã hỗ trợ việc phân bổ 5,4 triệu USD. Về vấn đề huy động nguồn lực, một nhóm công tác về các đề xuất đột phá bao gồm ba UNCT thành viên đã trợ giúp UNCT cải thiện các đề xuất huy động vốn của các nhóm kỹ thuật liên cơ quan bằng cách đưa ra các góp ý độc lập, đảm bảo những đề xuất này sẵn sàng cho việc huy động vốn khi các đợt kêu gọi đề xuất được đưa ra. Trong năm 2014, một

đề xuất như vậy đã huy động thành công 1,5 triệu USD và nhiều đề xuất nữa sẽ được đưa ra trong năm 2015.

Khi công tác xây dựng GOUNH đã sắp hoàn thành và việc di chuyển địa điểm làm việc tới Ngôi nhà chung đang đến gần, một số cơ chế đã được thực hiện để đảm bảo quá trình di chuyển trụ sở diễn ra thuận lợi đồng thời giảm thiểu chi phí giao dịch. Ủy ban quản lý Ngôi nhà chung xanh LHQ đã chuẩn bị các dịch vụ hỗ trợ về hành chính, quản lý trang thiết bị, an ninh và ICT, đồng thời thiết kế cơ cấu quản trị, cung cấp dịch vụ và cơ cấu nhân sự cho Đơn vị dịch vụ chung LHQ. Nhóm công tác về quản lý thay đổi giúp đội ngũ nhân viên chuẩn bị sẵn sàng cho việc di chuyển, tuyên truyền cho chiến dịch xanh, nâng cao nhận thức của nhân viên về môi trường làm việc mới trong Ngôi nhà chung và đảm bảo nhân viên được tham gia vào một số quyết định thông qua các cuộc họp công khai, các chiến dịch tuyên truyền và mạng nội bộ. Liên đoàn các hiệp hội nhân viên LHQ – với tư cách là một thành viên tích cực của nhóm quản lý thay đổi – đảm bảo rằng tổ chức nhân viên của các cơ quan LHQ đều được tư vấn trong suốt quá trình chuyển đổi này. Cuối cùng, Cơ quan thực thi nhiệm vụ về phân nhóm chức năng đưa ra các lựa chọn để UNCT thảo luận về khái niệm, phương thức thực hiện và các cơ cấu báo cáo và giải trình khả thi khi nhân viên cơ quan LHQ được tổ chức lại theo các nhóm chức năng trong Ngôi nhà chung.

(c) Tiết kiệm chi phí

Khi 12 trong tổng số 15 cơ quan thường trú LHQ cùng hoạt động trong Ngôi nhà chung, dự kiến sẽ có thay đổi về tiết kiệm chi phí, bắt nguồn chủ yếu từ việc tích hợp các dịch vụ chung vào 'cơ chế một cửa' phục vụ cho tất cả các cơ quan cùng làm việc tại một địa điểm. Là mô hình duy nhất trên toàn cầu tính đến nay, sáng kiến này đã chứng minh việc cung cấp dịch vụ hành chính, công nghệ thông tin và an ninh đồng nhất cho tất cả các cơ quan trong Ngôi nhà chung là hoàn toàn khả thi thông qua việc xây dựng một cơ cấu quản lý duy nhất cho các dịch vụ chung.

Khi đơn vị dịch vụ chung đi vào hoạt động, một số chỉ số sẽ được sử dụng để giám sát

việc tiết kiệm chi phí và tuân thủ Khung M&E về hài hòa hóa quy trình hoạt động ở cấp độ quốc gia. Điều này bao gồm tiết kiệm hàng năm từ việc sử dụng các hệ thống tài chính chung hay tiết kiệm thông qua các hoạt động mua sắm chung, cũng như từ các khía cạnh khác của việc Hoạt động như một trụ cột chung.

Việc tiết kiệm chi phí có thể thực hiện được không chỉ thông qua thống nhất hành động mà còn bởi LHQ hành động xanh. Kể từ năm 2011 Chiến dịch xanh, một sáng kiến được tuyên truyền bởi những Nhà vô địch xanh từ tất cả các cơ quan LHQ tại Việt Nam, những người tình nguyện dành thời gian cho chiến dịch, đã nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường và tuyên truyền cho những hành vi bảo vệ môi trường ở nơi làm việc. Các nỗ lực thu thập dữ liệu về tiêu thụ năng lượng và thực hiện các cuộc kiểm tra đột xuất nhằm giám sát những hành vi như tắt đèn, điều hòa, máy tính và các thiết bị điện khác khi hết giờ làm việc đã được tiến hành, và trao giải vì môi trường hàng năm cho những người có kết quả tốt nhất. Mặc dù cho đến nay chiến dịch này vẫn hoạt động trên tinh thần tự nguyện nhưng sau khi chuyển đến GOUNH thì nhiều yếu tố của chiến dịch này sẽ được áp dụng trên toàn hệ thống, đem lại nhiều cơ hội để giảm thiểu đáng kể lượng khí thải carbon của LHQ đồng thời tiết kiệm được chi phí.

Một cách khác để tiết kiệm chi phí là đảm bảo tỉ lệ hàng hóa dịch vụ mua sắm không vượt qua một ngưỡng hợp lý. Kể từ năm 2009, Chính phủ, Liên minh châu Âu (EU) và LHQ đã hiện thực hóa sáng kiến này ở Việt Nam bằng cách thiết lập các tiêu chuẩn chung trong Hướng dẫn định mức chi phí địa phương của EU-LHQ, góp phần giúp quá trình thực hiện các dự án trở nên minh bạch và tiết kiệm chi phí hơn, phù hợp với chương trình nghị sự về hiệu quả tài trợ. Năm 2014, các Định mức chi phí này đã được cập nhật để đảm bảo mức độ phù hợp với các chỉ số giá thị trường.

Các bài học kinh nghiệm

Kiến thức thu được từ những kinh nghiệm trong quá trình triển khai Khung giám sát kết quả DaO năm 2014 và trong ba năm thực hiện Kế hoạch chung 2012-2016 sẽ góp phần định hướng cho LHQ tại Việt Nam khi bước vào chu kỳ Kế hoạch chung tiếp theo và giữ vững mục tiêu 'phù hợp với mục đích' trong bối cảnh một quốc gia có thu nhập trung bình như Việt Nam.

Một trong những bài học chính thu được đó là việc tăng cường sự tham gia của LHQ vào các quy trình xây dựng luật và hỗ trợ chính sách cấp cao đòi hỏi phải có cơ chế đánh giá và giám sát chặt chẽ hơn. Nỗ lực trong những năm tiếp theo sẽ tập trung cải tiến các phương pháp và công cụ này để đưa ra bằng chứng rõ nét hơn về tác động và hiệu lực của những tư vấn và vận động chính sách từ LHQ.

Về tính sẵn có của dữ liệu liên quan đến ba kết quả dự kiến của DaO, rõ ràng lỗ hổng lớn nhất nằm ở lĩnh vực đo lường tính hiệu quả. Dự kiến những cải tiến đáng chú ý về kho dữ liệu sẽ thực hiện được trong năm 2015 với việc di chuyển trụ sở về GOUNH, triển khai các dịch vụ chung, mở rộng quy mô chiến dịch xanh và xây dựng chiến lược quy trình hoạt động.

Các cơ chế thích hợp để cùng đánh giá kết quả đạt được là những nhân tố quan trọng của quan hệ hợp tác DaO. Mặc dù cả Kế hoạch chung và Ủy ban chỉ đạo DaO đã đưa ra các hướng dẫn và giám sát chiến lược nhưng việc thiếu một cơ chế đánh giá chính thức ở cấp độ các Nhóm thực hiện chương trình chung vẫn còn là một thách thức. Các nhóm hợp tác liên ngành (như Nhóm đối tác y tế hay Nhóm ngành giáo dục) có sự tham gia của Chính phủ - cũng như những nhà tài trợ, các tổ chức xã hội dân sự và các đối tác phát triển khác - cho thấy lợi ích của việc mở rộng các bên tham gia vào những nhóm này. Vấn đề này cần được thảo luận sâu hơn.

Một hệ thống LHQ 'phù hợp với mục đích' để hoàn thành được chương trình nghị sự về phát triển bền vững sau năm 2015 phải là một hệ thống mang tính hợp tác và hướng đến kết quả. Do đó, tiếp tục đầu tư vào việc củng cố năng lực quản lý dựa trên kết quả cho toàn hệ thống LHQ là rất quan trọng, đặc biệt là giữa các thành viên của các nhóm liên cơ quan. Kinh

nghiệm thu được trong năm 2014 cho thấy hoạt động hỗ trợ này tỏ ra có hiệu quả nhất khi dựa trên phương pháp học hỏi qua kinh nghiệm thực tiễn và thông qua trợ giúp tại chỗ thay vì các hình thức đào tạo chính thức khác. Thêm vào đó, cần thiết lập năng lực tập trung ở cấp độ quốc gia về quản lý dựa trên kết quả để quản lý các sáng kiến phổ quát trên phạm vi toàn hệ thống, chẳng hạn như Khung giám sát kết quả DaO, cũng như để phục vụ cho việc lên kế hoạch, giám sát, báo cáo và đánh giá thường xuyên về bản thân Kế hoạch chung.

Cũng cần lưu ý rằng chi phí giao dịch ở một số lĩnh vực của DaO không những chưa giảm mà còn tăng lên. Ví dụ điển hình là quy mô và độ dài của Báo cáo kết quả thường niên về Thống nhất hành động. Trên thế giới, xu hướng chung là dần dần, các báo cáo toàn hệ thống ở cấp độ quốc gia sẽ thay thế, các báo cáo chuyên trách của từng cơ quan bất cứ khi nào có thể, nhằm giảm thiểu chi phí giao dịch. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, trụ sở chính của các cơ quan này vẫn tiếp tục yêu cầu văn phòng tại các quốc gia gửi báo cáo riêng, làm tăng gấp đôi khối lượng công việc của nhân viên cơ quan tại các quốc gia. Các báo cáo kết quả DaO trên phạm vi toàn cầu cũng được dự đoán sẽ giảm thiểu được chi phí giao dịch bằng cách thay thế cơ chế báo cáo riêng theo từng dự án bằng cơ chế báo cáo theo Ngân sách chung. Tuy nhiên, sự sụt giảm mạnh trong nguồn vốn góp vào Ngân sách chung ở Việt Nam đe dọa sẽ ảnh hưởng đến giá trị gia tăng của sáng kiến DaO, đặc biệt là khi chúng ta nhìn nhận nguồn đầu tư đáng kể của toàn bộ hệ thống đã được sử dụng để xây dựng sáng kiến này. Với thực trạng này, UNCT sẽ tìm kiếm các giải pháp nhằm giảm thiểu gánh nặng về báo cáo.

Việc phân tích các thông tin khảo sát đầu vào trong chương này đã thực sự làm sáng tỏ các hoạt động của LHQ tại Việt Nam theo cách chưa từng có trước đây. Trong tương lai, tiến độ thực hiện các mục tiêu có thời hạn sẽ được đánh giá vào cuối mỗi năm để chỉ ra bất kỳ thay đổi nào trong cách thức sáng kiến DaO giúp LHQ đạt được mục tiêu cao nhất của mình: trở thành một đối tác phù hợp hơn, có hiệu quả và hiệu suất hoạt động cao hơn của người dân và Chính phủ Việt Nam.



Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013

- 1. PROMOTE ECONOMIC GROWTH AND JOBS
- 2. ACHIEVE UNIVERSAL PRIMARY EDUCATION
- 3. PROMOTE GENDER EQUALITY FOR EMPLOYER WOMEN
- 4. REDUCE CHILD MORTALITY
- 5. IMPROVE NATIONAL HEALTH
- 6. PROMOTE CLEAN WATER AND HYGIENE SERVICES
- 7. FOSTER SUSTAINABLE DEVELOPMENT
- 8. ACHIEVE CLIMATE CHANGE

Chương 2

Kết quả của Kế Hoạch Chung

Trong báo cáo năm ngoài, chương này bao gồm tổng quan chung về kết quả đạt được dưới sự hỗ trợ của 17 cơ quan LHQ tham gia trong khuôn khổ làm việc Một Kế Hoạch Chung 2012-2016.

Kế hoạch chung là cơ sở để LHQ hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam thực hiện cam kết đối với các công ước quốc tế, bao gồm Tuyên ngôn Thiên niên kỷ và MDGs, đồng thời đáp ứng chương trình nghị sự trong nước đã đề ra trong SEDS 2011-2020 và SEDP 2011-2015.

Nối tiếp thỏa thuận về Kế Hoạch Chung đầu năm 2012 và sau đó là các thiết kế và phác thảo dự án chi tiết khác nhau được thông qua giữa các bộ ngành liên quan và các cơ quan

của LHQ, 2014 là năm thứ hai thực hiện đầy đủ Kế hoạch chung, từ đó cho thấy có thể thúc đẩy tiến độ để hướng tới các kết quả ở cấp độ cao hơn mà LHQ đang nỗ lực đạt được trong hai năm còn lại.

Dựa vào báo cáo năm 2012 và 2013, chúng tôi tiếp tục tập trung vào những khía cạnh cụ thể của tiến trình thông qua câu chuyện điển hình nhằm khắc họa chân dung con người trong báo cáo công việc của LHQ tại Việt Nam.

Đây là cách thức để JPGs nhấn mạnh các kết quả được đánh giá là phù hợp nhất nhằm minh họa lợi thế cạnh tranh của công việc mà các cơ quan khác nhau của LHQ phối hợp thực hiện hoặc tiến hành riêng rẽ.

Báo cáo năm 2014 gồm các câu chuyện cho thấy kết quả ở cấp độ cao hơn, phản ánh những thách thức và các chiến lược giảm thiểu.

Nhóm thực hiện chương trình chung		Lĩnh vực trọng tâm và Kết quả Kế hoạch chung 2012-2016	
Lĩnh vực trọng tâm 1: Tăng trưởng bền vững, công bằng và dành cho tất cả mọi người			
Tăng trưởng kinh tế lấy con người làm trung tâm và việc làm tốt		Mục tiêu 1.1: Các chính sách phát triển dựa trên bằng chứng ở Việt Nam là nước có thu nhập trung bình thấp	Mục tiêu 1.2: Các cơ hội việc làm tốt
Biến đổi khí hậu và môi trường		Mục tiêu 1.3: Biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai	Mục tiêu 1.4: Tài nguyên thiên nhiên và quản lý môi trường
Lĩnh vực trọng tâm 2: Tiếp cận với các dịch vụ xã hội và bảo trợ xã hội có chất lượng			
Bảo trợ xã hội		Mục tiêu 2.1: Bảo trợ xã hội	
Y tế		Mục tiêu 2.2: Y tế	
Giáo dục		Mục tiêu 2.3: Giáo dục và đào tạo	
HIV		Mục tiêu 2.4: Bình đẳng giới và HIV	
Giới		Mục tiêu 2.4: Bình đẳng giới và HIV	
Lĩnh vực trọng tâm 3: Tăng cường quản trị và sự tham gia			
Quản trị và nhà nước pháp quyền		Mục tiêu 3.1: Các cơ quan dân cử và quá trình lập pháp	Mục tiêu 3.2: Cải cách luật pháp và cải cách tư pháp và tiếp cận tư pháp
		Mục tiêu 3.3: Cải cách hành chính công	Mục tiêu 3.4: Các tổ chức chính trị, xã hội nghề nghiệp

- **JPG về tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững** do ILO chủ trì với FAO đồng chủ trì và hỗ trợ từ IFAD, IOM, ITC, UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNFPA, UNHabitat, UNICEF, UNIDO và UN Women.
- **JPG về biến đổi khí hậu và môi trường** do UNIDO chủ trì, UNDP đồng chủ trì với thông tin từ FAO, IFAD, IOM, UNEP, UNESCO, UN-Habitat, UNICEF, UNODC, UNV, UN Women và WHO.
- **JPG về bảo trợ xã hội** do UNICEF chủ trì, ILO đồng chủ trì với sự hỗ trợ từ FAO, ILO, IOM, UNAIDS, UNESCO, UNDP, UNFPA, UNHabitat, UNODC và UN Women.
- **JPG về y tế** do WHO chủ trì, UNFPA đồng chủ trì và làm việc cùng với FAO, ILO, IOM, UNAIDS, UNFPA, UNICEF và UNODC.
- **JPG về giáo dục** do UNESCO chủ trì, UNICEF đồng chủ trì với hỗ trợ từ ILO và UNFPA.
- **JPG về HIV** do UNAIDS chủ trì, UNODC đồng chủ trì với hỗ trợ từ ILO, IOM, UNESCO, UNFPA, UNICEF, UNV, UN Women và WHO.
- **JPG về giới** do UN Women chủ trì, UNFPA đồng chủ trì và cùng làm việc với ILO, IOM, UNAIDS, UNESCO, UNICEF, UNODC, UNV và WHO.
- **JPG về quản trị và nhà nước pháp quyền** do UNDP chủ trì, UNODC đồng chủ trì với hỗ trợ từ công việc của ILO, IOM, UNAIDS, UNFPA, UN-Habitat, UNICEF, UNV và UN Women.

Lĩnh vực trọng tâm 1:

Tăng trưởng toàn diện, bình đẳng và bền vững



Thông qua Kế hoạch chung, LHQ cam kết hỗ trợ Việt Nam như một quốc gia có mức thu nhập trung bình để cân bằng các mục tiêu kinh tế với phát triển xã hội, con người và môi trường, đồng thời đảm bảo tất cả các công dân được hưởng lợi và có thể tham gia vào tiến trình phát triển kinh tế. Nhằm phù hợp với ưu tiên của SEDP, Kế hoạch chung hỗ trợ đặt nền móng cho những nỗ lực của Việt Nam trong ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc kinh tế và phát triển các mô hình tăng trưởng toàn diện và bền vững hơn.

LHQ cũng là đối tác trong đối phó với môi trường xuống cấp, tăng cường sản xuất xanh và đẩy mạnh các mô hình kinh doanh tiết kiệm năng lượng, xanh, bền vững cũng như một nền kinh tế phù hợp với mục tiêu SEDP nhằm bảo vệ môi trường. Cuối cùng, đáp lại nỗ lực của Việt Nam trong ngăn chặn thiên tai và đối phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, LHQ tăng cường quản lý và giảm thiểu rủi ro thiên tai với trọng tâm xây dựng khả năng chống chịu với áp lực và các hiểm họa từ môi trường.

Kết quả 1.1: Các chính sách phát triển kinh tế xã hội lấy con người làm trung tâm, xanh và dựa trên thực chứng

Để đảm bảo rằng các nhà hoạch định chính sách có thể tiếp cận được với các nguồn số liệu chính xác đáng tin cậy và các thực chứng cùng với các kinh nghiệm quốc tế tốt, LHQ đang hỗ trợ Chính phủ trong ba lĩnh vực: nâng cao năng lực cho các cán bộ thu thập, xử lý và sử dụng các số liệu; xây dựng các lựa chọn chiến lược phát triển lấy con người làm trung tâm để cho các nhà hoạch định chính sách cân nhắc; thúc đẩy năng lực quốc gia trong việc xây dựng và thực hiện các chiến lược giảm nghèo bền vững dưới góc độ đa chiều.

Bối cảnh

Sự phục hồi kinh tế của Việt Nam tiếp diễn trong năm 2014 với mức tăng trưởng đạt 5.9 phần trăm là một trong các dấu hiệu cho thấy sự tăng tốc vào nửa cuối năm. Nhìn chung, Việt Nam đang mong muốn chuyển đổi từ chiến lược tăng trưởng dựa trên tăng khai thác nguồn lực sang tăng trưởng kinh tế hòa nhập và bền vững hơn. Những nỗ lực tái cơ cấu kinh tế tiếp diễn, theo đó tăng cường xây dựng nhân lực và kỹ năng - đặc biệt trong các hoạt động công nghiệp hiện đại và sáng tạo, cải thiện thể chế thị trường và phát triển cơ sở hạ tầng. Các sáng kiến này trải rộng trên các lĩnh vực đầu tư công, các thể chế trong khu vực tài chính, doanh nghiệp nhà nước và lĩnh vực nông nghiệp.

Một điểm sáng khác là chương trình giám sát tối cao lần đầu tiên của Quốc hội về hỗ trợ giảm nghèo được triển khai trong năm 2014 cũng như tiến trình rà soát các chính sách và chương trình giảm nghèo theo Nghị quyết 80 về định hướng Giảm nghèo bền vững (2016 - 2020). Việc xây dựng thước đo độ nghèo đa chiều, bao gồm chuyển giao quyền lực ở xã và phát triển kế hoạch hành động MDG dân tộc thiểu số cũng cần được nhấn mạnh.

Cuối cùng, Quốc hội đã khép lại một năm với việc ban hành hai bộ luật quan trọng, Luật Doanh Nghiệp và Luật Đầu tư sửa đổi. Các luật này mở rộng việc đơn giản hóa quy trình đăng ký kinh doanh với các loại hình đơn vị kinh doanh khác, chẳng hạn như doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước, cũng như thành lập một cổng thông tin đăng ký kinh doanh để giúp phổ biến công khai thông tin đăng ký kinh doanh có hiệu lực một cách hợp pháp trong thời gian thực, nhằm củng cố tính minh bạch và giảm thiểu chi phí kinh doanh tại Việt Nam.

Kết quả năm 2014

Về các thể chế quốc gia quan trọng để xây dựng và giám sát các chính sách phát triển lấy con người làm trung tâm, xanh, và dựa trên thực chứng, LHQ tập trung nỗ lực vào ba lĩnh vực chính:

Thứ nhất, cho phép **sử dụng nhiều các số liệu hơn để lập kế hoạch và hoạch định chính sách kinh tế xã hội dựa trên thực chứng** (kết quả 1.1.1), theo đó số liệu năm 2014 được củng cố

với hỗ trợ từ Tổng cục thống kê (GSO) trong một loạt các sáng kiến giống như những năm trước đó. Trong năm 2014, UNICEF và UNFPA làm việc cùng GSO để tiến hành vòng thứ 5 điều tra cụm đa chỉ số, cung cấp số liệu quan trọng về tình trạng trẻ em và phụ nữ ở Việt Nam để sử dụng trong báo cáo MDG cuối cùng, xây dựng SEDP 2016-2020 và thu hẹp các lỗ hổng dữ liệu trong nước về bất bình đẳng và bình đẳng. Báo cáo các kết quả quan trọng đã được Chính phủ phổ biến trong tháng 9 năm 2014, còn báo cáo đầy đủ sẽ được giới thiệu trong năm 2015. Khảo sát giữa kỳ Tổng Điều tra dân số và nhà ở đã được thực hiện lần đầu tiên thành công cung cấp các chỉ số quan trọng về dân số giúp xây dựng và đánh giá các chính sách phát triển kinh tế-xã hội cũng như tổng kết các mục tiêu của MDG. LHQ đã giúp Chính phủ phân tích sâu các số liệu thu thập được và phổ biến rộng rãi các kết quả chính đến các Bộ ngành, các nhà hoạch định chính sách cũng như những người sử dụng số liệu khác (UNFPA). Khảo sát lần thứ nhất Thời kỳ Chuyển đổi từ Trường học đến Việc làm và Khảo sát về nhu cầu lao động đối với thanh niên Việt nam cũng được tiến hành, để phản ánh về xây dựng và thực hiện chính sách và các chương trình quốc gia về việc làm cho thanh niên. Báo cáo trẻ em quốc gia được xây dựng, nhằm hỗ trợ phát triển và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về phòng chống và giảm thiểu lao động trẻ em (2015-2020). Ngoài ra, LHQ hỗ trợ tổ chức các hội thảo tư vấn và cung cấp chuyên gia để đóng góp vào kế hoạch đào tạo của Tổng cục thống kê 2015-2020 (UNFPA) và xây dựng và giám sát các chính sách ở cấp quốc gia và địa phương, chẳng hạn như giới thiệu Chỉ số đô thị thịnh vượng vào hệ thống chỉ số đô thị của Việt Nam (UN-Habitat). Thông qua chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, tham vấn và đánh giá nhanh chóng tác động, LHQ đóng góp thông tin cho dự thảo Luật Thống kê sửa đổi. Để chuẩn bị triển khai luật này năm 2015, LHQ cũng hỗ trợ chiến lược truyền thông, vận động và giáo dục để giới thiệu tầm quan trọng của thống kê.

Về dữ liệu và nền tảng quản lý dữ liệu, LHQ giúp thành lập cơ chế chia sẻ liên bộ thông tin thống kê và củng cố hệ thống giám sát Chiến lược phát triển thống kê của Việt Nam.

Thứ hai, đảm bảo **các lựa chọn mang tính chiến lược về phát triển lấy con người làm**

trung tâm được các nhà hoạch định chính sách đưa ra và cân nhắc (kết quả 1.1.2) dựa trên tính trung lập và nhiệm vụ quy chuẩn của LHQ. Với hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn của LHQ, các chính sách khác nhau được ban hành, phản ánh nhu cầu áp dụng cách tiếp cận mới để người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn nhất có thể thoát nghèo. Điều này đòi hỏi thay đổi cách thức tư duy và đánh giá mức nghèo, theo đó nhóm người chịu cảnh nghèo đói dai dẳng được đặt vào trung tâm của các chính sách giảm nghèo. Trên tinh thần đó, LHQ đã thành công trong việc vận động để đưa các nguyên tắc về 'tinh thần làm chủ của cộng đồng' và 'phù hợp văn hóa' vào các chính sách, như đã được phản ánh trong các văn bản quốc gia của Quốc hội (Nghị quyết 176) và Chính phủ dưới sự hỗ trợ của UNDP, UNESCO, FAO và UNICEF dành cho Bộ KH & ĐT, Bộ NN & PTNT, Ủy ban Dân tộc (UBDT) và Bộ LĐTBXH. Sự thay đổi trong các chương trình giảm nghèo, đặc biệt dành cho đồng bào dân tộc thiểu số, cũng đòi hỏi các chính sách căn cứ vào các dữ liệu riêng rẽ và các phân tích đáng tin cậy về những mặt hạn chế - chẳng hạn như Đánh giá thực trạng nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số do UNDP hỗ trợ xuất bản vào Tháng 5 năm 2014. LHQ cũng hỗ trợ nghiên cứu và phân tích chính sách để đưa ra lựa chọn về những hình thái phát triển toàn diện hơn, với Báo cáo phát triển con người quốc gia của UNDP và các nghiên cứu cũng như đối thoại được ILO tài trợ về cải cách doanh nghiệp và tăng năng suất lao động, trong đó đề cao cách tiếp cận chiến lược nhằm đẩy mạnh cải cách kinh tế và tác động của chính sách kinh tế vĩ mô lên thị trường lao động và việc làm. Ở cấp địa phương, bằng chứng từ tám tỉnh thành được thí điểm dưới sự hỗ trợ của UNDP cho thấy lợi ích của lập kế hoạch và thực hiện có sự tham gia của người dân, với các sáng kiến sinh kế tập thể tạo thu nhập trực tiếp mang lại lợi ích cho 8.000 người thuộc 18 nhóm dân tộc thiểu số. Các nhà hoạch định chính sách quốc gia sau đó được chuyển giao các bài học kinh nghiệm về trao quyền cho cộng đồng và xây dựng nguồn vốn xã hội.

Thứ ba, làm việc để đảm bảo **Chính phủ phân tích và lập kế hoạch giảm nghèo áp dụng cách tiếp cận đa chiều** (kết quả 1.1.3). Trong năm 2014, Kế hoạch tổng thể nghèo đa chiều (MPD) quốc gia thu thập kết quả từ nghiên cứu và khảo sát của UNDP và UNICEF về nghèo đa



chiều và trẻ em nghèo, đặc biệt trong các cộng đồng dân tộc thiểu số. Những công cụ thước đo của MDP được xây dựng thông qua quá trình có sự tham gia đóng góp đa dạng từ các quan chức Chính phủ, các nhà nghiên cứu, đối tác phát triển và cộng đồng. Những báo cáo phân tích MDP, báo cáo khảo sát Nghèo Đô thị của thành phố HCM và sáng kiến thí điểm tại thành phố HCM, Lào Cai, Thanh Hóa và Trà Vinh cho thấy định nghĩa của các phương pháp thu thập dữ liệu. Các kết quả báo cáo về thực trạng nghèo đa chiều của dân tộc thiểu số và trẻ em được các nhà hoạch định chính sách thảo luận cũng như được truyền thông rộng rãi. Trong lĩnh vực trẻ em nghèo đa chiều, sau khi tham vấn Bộ KHĐT và các bộ ngành liên quan, UNICEF tập trung vào tám tỉnh và thành phố (An Giang, Điện Biên, Đồng Tháp, Gia Lai, Thành phố HCM, Kon Tum, Lào Cai và Ninh Thuận) để tạo điều kiện thu thập các chỉ số riêng rẽ liên quan tới trẻ em trong giai đoạn phát triển SEDP 2016- 2020 và việc thực hiện, giám sát và đánh giá tài liệu này trong tương lai.

Câu chuyện điển hình:

Đối phó với thực trạng nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số

Xét trên mọi góc độ, Việt Nam là một câu chuyện thành công về giảm nghèo. Hai mươi năm cải cách kinh tế đã góp phần giảm nghèo từ 60 xuống chỉ còn 20 phần trăm. Thay vì đạt được mức tăng tổng thể, bằng chứng cho thấy khoảng cách thu nhập đang gia tăng, trong đó các nhóm dân tộc thiểu số

vẫn trong tình trạng nghèo nghiêm trọng. Chính phủ và các tổ chức phát triển đã định hướng nguồn lực tài chính đáng kể để hỗ trợ xóa nghèo, nhưng các cộng đồng dân tộc thiểu số vẫn thuộc nhóm dễ tổn thương nhất về mặt kinh tế và xã hội. Điều này gợi ý rằng các chính sách và chương trình giảm nghèo cần nghiên cứu kỹ lưỡng hơn để hiểu rõ những chiều kích và nguồn cơn khác nhau dẫn tới thực trạng nghèo của đồng bào dân tộc và giải quyết hiệu quả hơn các thách thức mà cộng đồng này đang đối mặt.

Những năm gần đây càng gia tăng hiểu biết về hoạch định chính sách phải bao quát và đa dạng nếu điều này có thể đảm bảo sự phát triển con người. Như vậy đồng nghĩa với việc cần tránh cách tiếp cận cứng nhắc ‘một-lộ-trình-phù-hợp-tất-cả’, để phân tích nhiều sắc thái đa dạng hơn giúp đặt những người cần được hưởng lợi vào trọng tâm phát triển.

Năm 2009 LHQ đã giới thiệu ‘cách tiếp cận nhân học đối với phát triển’ với Ủy ban dân tộc (CEMA). Cách tiếp cận phù hợp văn hóa có thể được phát triển trong suốt chu trình chính sách, để xây dựng hiểu biết tốt hơn về bối cảnh địa phương, củng cố sự tôn trọng đa dạng, hiểu rõ các cơ quan của cộng đồng địa phương và tối đa hóa việc sử dụng vốn văn hóa trong các chương trình phát triển.

Để thực hiện sáng kiến này, LHQ đã triển khai một loạt các đánh giá kỹ lưỡng về tình trạng nghèo của dân tộc thiểu số, kết hợp phân tích định tính và định lượng. Sáu mươi cán bộ của Ủy Ban Dân Tộc và Hội Đồng Dân Tộc của Quốc Hội đã được đào tạo cách tiếp cận dựa trên nhân khẩu học, để thực hiện phân tích đa ngành và lấy người dân làm trung tâm đối

Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013





với thực trạng nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số.

FAO, UNDO và UNESCO hỗ trợ đánh giá các chính sách giảm nghèo tại hai xã dân tộc thiểu số. Hoạt động bao gồm thu thập các thông lệ thực hiện tốt nhất chính sách và chương trình phát triển toàn diện để trang bị cho các nhà hoạch định chính sách khung lý thuyết về cách tiếp cận và làm thế nào để đưa lý thuyết vào thực hành.

Một số đối thoại chính sách được tổ chức với sự tham gia của cán bộ các cấp nhằm tăng hiểu biết về cách tiếp cận mới, và quan trọng hơn là để các bên liên quan là đồng bào dân tộc thiểu số tham gia đáng kể vào thảo luận từ góc độ của 'người dân làm trung tâm'.

Một kết quả khả quan là Quốc Hội, các cơ quan Chính phủ, tỉnh thành, các đối tác phát triển và bản thân cộng đồng dân tộc thiểu số đồng thuận một cách rộng rãi rằng có nhu cầu về liên kết xã hội và cần vốn xã hội lớn hơn để đảm bảo phát triển cộng đồng.

Bằng chứng tác động của đối thoại chính sách đa tầng là tuyên bố cam kết mạnh mẽ và chủ động của các cán bộ cao cấp CEMA tại Diễn đàn đối tác phát triển Việt Nam 2013.

Cách tiếp cận nhân học được chính thức giới thiệu trong hệ thống CEMA năm 2013 là hành động tiếp theo, trong đó tài liệu tập huấn được xây dựng với sự hỗ trợ và hướng dẫn từ các nhà nhân học trong nước và quốc tế được sử dụng.

Cuối năm 2014, LHQ hoan nghênh Chính phủ xây dựng Kế hoạch hành động thúc đẩy thực hiện MDG cho Dân tộc thiểu số. Chương trình

này ưu tiên các hành động và nguồn lực cần thiết để thực hiện MDGs cho đồng bào thiểu số, đồng thời tăng cường nhiều giá trị mà LHQ luôn ủng hộ, bao gồm nhu cầu về trao quyền tại địa phương để củng cố sức mạnh và tính đa dạng của cộng đồng.

Trong năm tới, LHQ sẽ duy trì đà làm việc thông qua tư vấn chính sách, để xây dựng những chính sách toàn diện hơn dành cho dân tộc thiểu số, chia sẻ các kết quả nghiên cứu chính sách và thông lệ thực hành hiệu quả nhất để tích hợp văn hóa vào quá trình phát triển và thực hiện cách tiếp cận nhân học/văn hóa mang tính thí điểm một cách phù hợp với sự phát triển của dân tộc thiểu số.

UNDP, UNESCO, FAO

Kết quả 1.2: Các cơ hội mới về việc làm bền vững, đặc biệt cho nhóm người dễ bị tổn thương và thiệt thòi

Việt Nam trở thành một nước có thu nhập trung bình (MIC), cùng với những lợi thế về cơ cấu dân số và di dân đã làm tăng áp lực lên thị trường lao động. Để nâng cao năng suất lao động và giúp cho những nhóm người thiệt thòi nhất có thể có việc làm tốt và có thu nhập, LHQ đang làm việc tích cực để cải thiện các chính sách phát triển bền vững. Tập trung vào các doanh nghiệp vi mô và nhỏ, đào tạo dạy nghề và kỹ năng có chất lượng cao, khả năng cạnh tranh giữa khối doanh nghiệp chính thức và phi chính thức sẽ được cải thiện, đồng thời tiếp tục hoàn thiện các chính sách về việc làm nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử và bóc lột đối với những nhóm dân số dễ bị tổn thương và chịu nhiều thiệt thòi nhất.

Bối cảnh

Thị trường lao động Việt Nam đã có tiến bộ đáng kể trong những thập kỷ qua, được phản ánh ở mức lương cao hơn, sự giảm thiểu chắc chắn số lượng việc làm trong ngành nông nghiệp cũng như luật lao động và các thể chế mạnh mẽ hơn. Hiệp ước về Chính sách việc làm đóng vai trò nền tảng cho các cam kết chính trị để xây dựng chính sách việc làm và các cơ quan hỗ trợ việc làm toàn thời gian, có năng suất và bền vững cho tất cả công dân Việt Nam. Điều này được bổ sung bằng quá trình triển khai Bộ luật lao động sửa đổi, Luật công đoàn sửa đổi, Luật việc làm mới và Luật bảo hiểm xã hội sửa đổi. Khung làm việc sửa đổi này sẽ giúp cho người lao động được bảo vệ tốt hơn, cải thiện điều kiện làm việc, tăng mức lương và giúp các cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả hơn.

Bên cạnh tiến bộ đó, Việt Nam cũng đối mặt với những thách thức lớn từ thị trường lao động. Việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp chất lượng thấp, thất nghiệp trẻ và 60 phần trăm người lao động vẫn làm những công việc dễ bị tổn thương và không chính thức dẫn tới giảm thiểu cơ hội việc làm bền vững và an sinh xã hội đầy đủ.

Để đối phó với các thách thức này, trọng tâm lớn hơn trong chính sách gần đây là xây dựng một lực lượng lao động năng động và có tay nghề để đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp, giải phóng tiềm năng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) vốn là xương sống của nền kinh tế, thúc đẩy sáng tạo và tinh thần doanh nghiệp. Khi khu vực tư nhân và đặc biệt là SMEs đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và tạo công ăn việc làm, cải cách quy trình quản lý, tạo một môi trường kinh doanh thuận lợi và củng cố sự phát triển của khu vực tư nhân trong nước được đưa vào chương trình phát triển của chính phủ và tái nhấn mạnh tại Diễn đàn đối tác phát triển Việt Nam vào tháng mười hai năm 2014.

Kết quả năm 2014

Để hỗ trợ các cơ quan Việt Nam tạo cơ hội việc làm bền vững trong thời kỳ chuyển đổi kinh tế-xã hội hiện tại của đất nước, LHQ tập trung vào bốn lĩnh vực sau:

Thứ nhất, đảm bảo **các chính sách phát triển doanh nghiệp bền vững được xây dựng với trọng tâm là các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vi mô** - một nguồn tạo việc làm cơ bản cho những thành viên dễ bị tổn thương trong xã hội - **và tạo việc làm bền vững** (kết quả 1.2.1). Trong năm 2014, luật Doanh nghiệp và luật đầu tư đã được chỉnh sửa phù hợp với khuyến nghị của UNIDO nhằm đảm bảo tất cả các loại hình doanh nghiệp được hưởng lợi như nhau từ việc đơn giản hóa thủ tục đăng ký doanh nghiệp tại một địa điểm duy nhất là các Văn phòng đăng ký doanh nghiệp trên cả nước, và thông tin đăng ký và hoạt động của các văn phòng được công bố trên một cổng điện tử đăng ký doanh nghiệp toàn quốc của một trang mạng duy nhất. Ngoài ra, các nghiên cứu về sáu thông lệ hoạt động tốt nhất trong quản lý chất lượng tại nơi làm việc đã được ILO tiến hành để phản ánh quá trình hình thành và thực hiện chính sách và các chương trình xây dựng SME. Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI) có thể vận dụng các Nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ toàn cầu trong các hoạt động doanh nghiệp và đã hướng dẫn 12 doanh nghiệp tại Hà Nội và thành phố HCM để nhận được hỗ trợ từ UN Women.

Ở cấp địa phương, hỗ trợ kỹ thuật của UNIDO đã hướng dẫn 77 SMEs trong các lĩnh vực đồ gỗ, da và dệt may trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao khả năng thiết kế, tiếp thị và sản xuất, trong khi FAO và UNIDO hỗ trợ hỗ trợ các nhà sản xuất từ sáu tỉnh, thành phố để tăng khả năng cạnh tranh và tiếp cận thị trường, xây dựng năng lực cho các nhà sản xuất rau và cà phê để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, thành lập bốn chuỗi giá trị mới cũng như cải thiện các mối liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, công ty, nguồn bán sỉ và siêu thị. Cuối cùng, ILO và UNESCO đã làm việc với 200 doanh nghiệp du lịch và thủ công mỹ nghệ tại Quảng Nam và Huế để nâng cao nhận thức về nguyên tắc du lịch có

trách nhiệm và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, theo đó 150 doanh nghiệp được khuyến khích tuyển dụng người khuyết tật.

LHQ cũng đẩy mạnh **các chính sách và chương trình đào tạo nghề quốc gia để đáp ứng nhu cầu thị trường hiện tại** (kết quả 1.2.2) nhằm giúp lực lượng lao động Việt Nam tăng tính cạnh tranh. Năm 2014 đã đặt dấu mốc lớn khi Luật dạy nghề sửa đổi được thông qua, với ý kiến đóng góp đến từ nguồn tham vấn của ILO, tạo điều kiện để đào tạo dạy nghề hướng tới đáp ứng nhu cầu của thị trường. Hàng nghìn học sinh cấp hai và các bậc phụ huynh và 200 thanh niên ngoài nhà trường đã được hưởng lợi từ chương trình hướng nghiệp và đào tạo dạy nghề do ILO hỗ trợ tại ba tỉnh thí điểm (Phú Thọ, Quảng Nam và Thừa Thiên Huế). Thành công của chương trình được các đối tác Việt Nam ghi nhận và mong đợi được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo mở rộng hơn thí điểm. Đào tạo về tinh thần doanh nghiệp ở nông thôn, kỹ năng tìm việc làm, việc làm bền vững và luật lao động cũng được triển khai cho các học sinh từ năm trường kỹ thuật và dạy nghề tại các tỉnh để trau dồi khả năng xin việc. Ngoài ra ILO, IOM và UN Women đã nỗ lực hơn để bảo vệ người di cư - đặc biệt là lao động nữ - và thúc đẩy quyền lợi của họ theo đó 120 giảng viên đào tạo từ hơn 100 công ty tuyển dụng đã có thể triển khai tốt hơn các khóa đào tạo nhạy cảm về giới cho các bên liên quan chính tới quá trình di cư.

Cùng lúc, LHQ phối hợp với các đối tác để bảo đảm **doanh nghiệp vừa và nhỏ trong mục tiêu tăng cường tính cạnh tranh và có thị phần lớn hơn** (kết quả 1.2.3) để phù hợp với các tiêu chuẩn kinh doanh đã được công nhận thực hiện quả, nhằm cải thiện sức cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường toàn cầu. Năm 2014, đối thoại giữa các bên liên quan, hội thảo, đào tạo và truyền thông xã hội do UNEP hỗ trợ mang lại lợi ích cho gần 1.000 người và cung cấp thông tin về những yêu cầu của ISO 2600, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp cũng như tiêu dùng và sản xuất bền vững. Các công trình phân tích hai chuỗi giá trị về lợi thế cạnh tranh hiện tại của Việt Nam trong sản xuất cá ba sa và cà phê được UNIDO hỗ trợ, trong đó các bộ ngành nhất trí về nhu cầu áp dụng tiêu chuẩn chất lượng đã được quốc tế công nhận. Tổng thất sau



thu hoạch trong chuỗi giá trị rau tại Hà Nội, Nghệ An và Phú Thọ đã giảm xuống, đây là kết quả tập huấn do FAO và UNIDO tài trợ về xử lý sau thu hoạch và tăng cường liên kết thị trường. Ngoài ra, các nhà sản xuất dược phẩm địa phương tại Cần Thơ, Hà Nội và thành phố HCM đã cải thiện hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và về sản xuất thuốc gốc tại khóa tập huấn do UNIDO và UNCTAD tổ chức với sự phối hợp của Hiệp hội doanh nghiệp dược Việt Nam.

Và cuối cùng, **ủng hộ các chính sách việc làm mạnh mẽ hơn để ngăn ngừa phân biệt đối xử và bóc lột các nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương, đặc biệt là lao động di cư cả trong và ngoài nước** (kết quả 1.2.4). Năm 2014, các nhà hoạch định chính sách đã xây dựng được nền tảng dựa trên bằng chứng cho các vấn đề di cư và giới, bao gồm một tóm tắt chính sách chung của UN về người di cư quay trở lại, và bản đánh giá về việc thực thi Luật người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng. ILO và UN Women cũng hỗ trợ tiếp cận và củng cố Hiệp hội xuất khẩu lao động Việt Nam và giám sát việc thực hiện bộ quy tắc ứng xử liên quan tới 47 công ty tuyển dụng.

Câu chuyện điển hình:

Nuôi dưỡng khả năng cạnh tranh nông nghiệp

Hàng năm ở Việt Nam, 16 phần trăm ngũ cốc và 22 phần trăm các loại hoa quả và rau đã bị thất thu sau khi thu hoạch. Con số này chiếm tới 6,4 triệu tấn lúa, 0,8 triệu tấn ngô và 1,6 triệu tấn trái cây và rau quả. Những tổn thất này khá lớn so với mức trung bình 10 phần trăm của ASEAN.

Tổn thất sau thu hoạch là một rào cản lớn đối với khả năng cạnh tranh nông nghiệp của Việt Nam. Vì vậy, cải thiện công nghệ sau thu hoạch là ưu tiên khẩn cấp. Số lượng các sản phẩm nông nghiệp chế biến tại Việt Nam còn thấp, với các công nghệ chế biến thường đạt dưới tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đồng nghĩa với việc sản phẩm được chế biến có mức giá thấp hơn trên thị trường quốc tế.

Mục tiêu hiện tại của Chính phủ là đến cuối năm 2020, giá trị của các nông lâm ngư sản sẽ tăng trung bình 20 phần trăm, và tổn thất sau thu hoạch của nông và ngư sản giảm 50 phần trăm so với tỷ lệ hiện tại.

Năm 2014, LHQ đã hỗ trợ cung cấp giải pháp công nghệ sau thu hoạch nhằm tăng cường khả năng cung ứng và tính cạnh tranh trong

Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013





chuỗi giá trị rau quả. FAO và UNIDO phối hợp làm việc để hỗ trợ xây dựng năng lực và giới thiệu công nghệ cải tiến sau thu hoạch.

Sáu mươi lãnh đạo hợp tác xã và chuyên gia kỹ thuật được đào tạo thành giảng viên.

Đến lượt mình, các giảng viên đào tạo lại cho 492 nhà sản xuất trong chuỗi giá trị rau quả tại Nghệ An, Phú Thọ và Hà Nội. Kết quả, các nhà sản xuất được trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành tốt trong thu hoạch, đối phó, tích trữ và tiêu dùng rau an toàn, và quản lý chuỗi giá trị sản xuất rau. Mang lại kiến thức về kỹ thuật sản xuất, quản lý và giá trị tăng thêm, các khóa đào tạo giúp cải thiện chất lượng rau và giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch.

Bằng cách cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, một mô hình thí điểm về đối phó với tình trạng sau sản xuất đã được thử nghiệm tại chỗ, ví dụ chuỗi giá trị chuối tại tỉnh Phú Thọ, rau cải xanh tại tỉnh Nghệ An và rau có lá ở khu vực ngoại ô Hà Nội.

Khóa đào tạo đã trực tiếp giúp tăng thu nhập của hộ sản xuất nhỏ thông qua công nghệ thích hợp để bảo quản và gia tăng giá trị. Khóa đào tạo cũng hỗ trợ kỹ thuật tổ chức và quản lý cho hộ sản xuất nhỏ.

Giá trị tăng thêm và tổn thất sau thu hoạch là những đề tài chính trong thảo luận tại Hội nghị toàn thể thường niên Chương trình hỗ trợ quốc tế được Bộ NN & PTNT tổ chức ngày 9 tháng 12 năm 2014, trong đó Chính phủ kêu gọi hỗ trợ từ các đối tác phát triển.

LHQ, thông qua hiểu biết của FAO và UNIDO, cam kết giúp đỡ chuyển đổi ngành, tăng cường công nghệ thích hợp để giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch. Bằng cách đó, giá trị của nông sản và thu nhập ở tất cả các khâu trong chuỗi giá trị cũng tăng lên.

FAO, UNIDO

Kết quả 1.3: Thực hiện các cam kết của Việt Nam để đối phó và giảm nhẹ biến đổi khí hậu và quản lý thiên tai

Biến đổi khí hậu tiếp tục là một thách thức lớn đối với phát triển ở Việt Nam. LHQ đã có những hỗ trợ quan trọng trong các hoạt động điều phối đa ngành trong công tác chuẩn bị và ứng phó, đặc biệt trong bốn lĩnh vực: xây dựng các chính sách, kế hoạch và chương trình cấp quốc gia về biến đổi khí hậu; tăng cường khả năng ứng phó của các nhóm dễ bị tổn thương đối với các thảm họa thiên nhiên, thiết lập một hệ thống quốc gia có hiệu quả để giúp giảm thiểu các hậu quả của việc phá rừng và quản lý tài nguyên rừng bền vững; xây dựng các chính sách về biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xanh dài hạn.

Bối cảnh

Năm 2014 chứng kiến sự quan tâm chính trị lớn hơn đối với biến đổi khí hậu trên toàn cầu và tại Việt Nam. Ủy ban quốc tế về Biến đổi khí hậu đã công bố Đánh giá thứ năm của mình. Các bên tham gia vào Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu đang đẩy nhanh tiến trình đi đến thỏa thuận về biến đổi khí hậu dự kiến tại Paris cuối năm 2015, trong đó yêu cầu các quốc gia đặt ra “những đóng góp dự kiến” mà Việt Nam đã bắt đầu xây dựng từ năm 2014. Việt Nam cũng tích cực tham gia vào các cuộc đàm phán về khí hậu quốc tế tại hội nghị COP20 tại Lima, Peru.

Tập trung vào tầm quan trọng ngày càng tăng của biến đổi khí hậu, Chính phủ Việt Nam đã thành lập Ban chuyên gia về biến đổi khí hậu (VPCC) để tham vấn cho Ủy ban Quốc gia về Biến đổi Khí hậu do Thủ tướng Chính phủ làm chủ tịch. Các ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu được xác định trong Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu năm 2012 đã bắt đầu được triển khai, như đối thoại và lập kế hoạch đầu tư về thích ứng biến đổi khí hậu tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long và tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ bờ biển trong Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SPRCC). Sự phát triển của cơ sở hạ tầng có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, các khu nghỉ dưỡng du lịch, khu công nghiệp và các dự án mở rộng đô thị đã bắt đầu ở quy mô nhỏ. Các chương trình thí điểm đang được thực hiện nhằm đạt được nền nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, để tăng cường an toàn lương thực thông qua khả năng phục hồi sinh kế trước những cú sốc khí hậu, giới thiệu các phương án ứng phó với lũ lụt và hạn hán, các nghiên cứu ứng dụng, dự trữ nước và các can thiệp khác.

Chính phủ đã đưa ra những cam kết cụ thể rõ ràng để đầu tư phát triển kinh tế phát thải carbon thấp và tăng trưởng xanh, với trọng tâm dịch chuyển từ chính sách sang hành động. Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh đã được thông qua năm 2014 và các kế hoạch về tăng trưởng xanh của từng ngành và địa phương đang được xây dựng. Các Hành động giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quốc gia (NAMA), với những cam kết rất cụ thể, đang được xây dựng trong các lĩnh vực chủ chốt. Một ví dụ trong công nghiệp là hệ thống quản lý năng lượng và tối ưu hóa hệ thống khí nén và hơi tại các doanh nghiệp công nghiệp đang được triển khai, giúp giảm phát thải khí nhà kính



Quản trị rủi ro thiên tai

Việt Nam không trải qua thiên tai lớn trong năm 2014. Cơ cấu mới của Chính phủ về quản lý rủi ro thiên tai (DRM), được trình bày trong Luật Quản lý rủi ro thiên tai, đã hình thành và Cục Phòng Chống Thiên Tai đã được thành lập. Các hệ thống thực tế được cải thiện hơn với cách tiếp cận đa rủi ro phức hợp của luật, trong đó đặt trọng tâm vào công tác chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với thiên tai và phục hồi sau thiên tai, bên cạnh công tác ứng phó. Việt Nam đã đóng góp vào công tác đánh giá Khung hành động Hyogo thông qua các cuộc họp tham vấn với các tổ chức xã hội dân sự và hỗ trợ thỏa thuận toàn cầu mới về giảm thiểu rủi ro thiên tai dự kiến sẽ hoàn thiện năm 2015. Các bộ đã tăng cường tham gia vào quản trị rủi ro thiên tai trong năm 2014, với trao đổi chính thức và tăng cường giữa các ban ngành cũng như đặt trọng tâm mạnh mẽ hơn vào khu vực miền núi vùng sâu vùng xa. Chương trình quốc gia về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được triển khai mạnh mẽ trong năm 2014, đến với 1000 xã trên toàn quốc. Các ủy ban cấp xã về kiểm soát lũ lụt và mưa bão cũng đã được chỉ đạo để xây dựng kế hoạch chuẩn bị ứng phó thiên tai.

(GHG). Lần đầu tiên, mười công ty Việt Nam đã nhận được chứng nhận ISO 50001 về các tiêu chuẩn quản lý năng lượng cho phép các công ty này cạnh tranh trên toàn cầu. Ngành năng lượng đang có những chuyển biến rõ ràng khi thực hiện giảm trợ cấp gián tiếp cho sử dụng than đá. Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo đang được xây dựng và hệ thống thuế ưu đãi đã được đưa ra vào năm 2014 nhằm khuyến khích sản xuất năng lượng từ chất thải rắn đô thị. Việt Nam cũng đang có những bước tiến vững chắc trong thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+².

Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật bảo vệ môi trường vào tháng 6 năm 2014, trong đó có một chương mới về biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Nghị quyết về giám sát tiến trình biến đổi khí hậu năm 2013 cũng đã được thông qua cùng với các hành động giám sát biến đổi khí hậu khác tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long cũng được thông qua tháng 12 năm 2014.

Tài trợ của quốc tế về biến đổi khí hậu cho thấy tiềm năng to lớn, với hơn 10 tỷ USD cam kết cho Quỹ khí hậu xanh và 4,43 tỷ USD cho Quỹ môi trường toàn cầu cho chu kỳ chương trình thứ 6 từ năm 2014 đến 2018, trong đó Việt Nam được phân bổ 26,5 triệu USD. Các khoản viện trợ song phương và đa phương và các khoản cho vay dự kiến, đặc biệt thông qua cơ chế của Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu và trọng tâm vào tăng trưởng xanh, mà Việt Nam tiếp tục xây dựng các chính sách và kinh nghiệm thực hiện đồng thời đưa hệ thống quản lý tài chính vào vận hành.

Kết quả năm 2014

LHQ tiếp tục tham vấn về chính sách và hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức quốc gia và địa phương trong bốn lĩnh vực chính sau đây:

Đưa và lồng ghép biến đổi khí hậu vào các chính sách, kế hoạch, chương trình quốc gia và các quy trình lập kế hoạch và đầu tư có liên quan (đầu ra 1.3.1). Trong năm 2014, Luật bảo vệ môi trường sửa đổi đã được thông qua, bao gồm tham vấn của LHQ về biến đổi khí hậu, vai trò của xã hội dân sự và nguyên tắc tôn trọng lợi ích tốt nhất của trẻ em và các nhóm người dễ bị tổn

² REDD+: Giảm phát thải do phá rừng và suy thoái rừng; và vai trò của bảo tồn, quản lý bền vững rừng; và tăng cường dự trữ carbon rừng tại các quốc gia đang phát triển



thương khác trong các hành động về biến đổi khí hậu. Các cơ quan quốc gia nhận thức được rằng các cách tiếp cận dựa trên lập bản đồ khả năng bị tổn thương vì biến đổi khí hậu và bước mấu chốt trong việc xác định hành động ưu tiên để bảo vệ cơ sở hạ tầng nông thôn tại 15 tỉnh miền núi của Việt Nam. Lộ trình cải cách chính sách tài khóa về năng lượng hóa thạch được triển khai bao gồm các phương án chính sách dựa trên thực chứng, khả thi và hiệu quả nhằm hỗ trợ tăng trưởng xanh và toàn diện. Phân tích các chính sách này sẽ góp phần tham mưu điều chỉnh Kế hoạch phát triển năng lượng quốc gia và hình thành Chiến lược Năng lượng tái tạo, dự kiến sẽ được công bố trong năm 2015. Mặc dù dự thảo cuối cùng của Đánh giá Chi tiêu và Đầu tư công về Khí hậu do UNDP hỗ trợ đã được công bố năm 2014 và sẽ được thực hiện trong năm 2015, nhưng đánh giá này đã có ảnh hưởng đến các hệ thống và thực hành quản lý tài chính khí hậu mới tại Việt Nam.

Một mảng quan trọng khác trong vai trò của LHQ là hỗ trợ **các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi để có thể chống chịu với thiên tai tốt hơn** (đầu ra 1.3.2). Trong năm 2014, UNDP tiếp tục làm việc với hơn 40 nhà nghiên cứu từ nhiều viện nghiên cứu quốc gia để xây dựng Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro các sự kiện cực đoan và thiên tai tiến tới thích ứng với biến đổi khí hậu. Báo cáo này phản ánh mức độ hiểu biết về các sự kiện cực đoan và các thiên tai có liên quan đến khí hậu tại Việt Nam. UNDP cũng đã hỗ trợ đánh giá năng lực và xây dựng các kế hoạch tăng cường năng lực cho các ủy ban trung ương và địa phương về phòng chống thiên tai. Do LHQ ủng hộ việc thực thi Luật Phòng chống rủi ro thiên tai có hiệu lực từ tháng 5 năm 2014, UNDP đã tiếp tục nghiên cứu các chỉ số nguy cơ thảm họa

thiên nhiên, giúp xác định các nhóm mục tiêu và diện mạo nguy cơ của các cộng đồng, đồng thời rà soát các cơ chế tài chính giảm thiểu rủi ro thiên tai. Công tác này đã góp phần vào việc thực hiện các quy định trong một số lĩnh vực chính bao gồm các mức độ rủi ro, quản lý thông tin và huy động ngân sách cho giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) đã được thực hiện trên phạm vi cả nước với sự tham gia của LHQ trong năm 2014, đồng thời hơn 1.300 cán bộ địa phương và 54 cán bộ cấp xã đã tiến hành đánh giá rủi ro thiên tai. Với dữ liệu đầu vào thu thập từ hơn 8.700 người dân địa phương, các kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai đã được Bộ NN&PTNT kết hợp với UNDP thực hiện. Tất cả 63 tỉnh đã sử dụng các tài liệu và quy trình đơn giản, dễ hiểu, chi phí hiệu quả về CBDRM và đánh giá nguy cơ thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRA) cho cấp xã do Bộ NT và PTNT và UNDP biên soạn. Trung bình quá trình CBDRM ở cấp xã tiêu tốn khoảng 5.000USD, và ít nhất một nửa chi phí này cho các hoạt động. Các tài liệu này là kết quả của sự dự án giữa Bộ NN&PTNT và UNDP do Úc tài trợ cùng cộng tác với Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ và tổ chức Oxfam. Các tài liệu này sau đó được các dự án khác của Ngân hàng Thế giới, và các hoạt động CBDRM do JICA tài trợ sử dụng lại. Về giáo dục, các chương trình đặc thù theo Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rủi ro thiên tai của Bộ GD&ĐT đã được thực hiện. Các kế hoạch hành động cấp tỉnh cũng được xây dựng với sự hỗ trợ của UNICEF. Trung tâm Quốc gia về Nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn thuộc Bộ NN&PTNT đã xây dựng khung dự thảo quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân cùng với kế hoạch hành động cấp tỉnh được các ủy ban

nhân dân tình phê duyệt.

Một trọng tâm khác đặt vào các nhóm trẻ em dễ tổn thương, trong đó có kế hoạch bảo vệ trẻ em trong trường hợp khẩn cấp, đã được đưa vào các hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng thông qua công tác tuyên truyền, tập huấn và xây dựng năng lực cho Bộ LĐTBXH do UNICEF hỗ trợ. Hội Phụ nữ hiện cũng đang tham gia tích cực vào các hành động giảm thiểu rủi ro thiên tai, bao gồm xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cấp xã. Với sự hỗ trợ của UNDP và Cơ quan phụ nữ LHQ, 548 hội viên Hội Phụ nữ và các cơ quan, tổ chức khác đã được tăng cường năng lực trong lĩnh vực giới và giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Lĩnh vực thứ ba trong nhiệm vụ của LHQ là **xây dựng các Hành động giảm thiểu khí nhà kính phù hợp với quốc gia (NAMA)** với trọng tâm là hiệu quả năng lượng và sản xuất năng lượng tái tạo, có tính đến nhu cầu năng lượng cho người nghèo, **cũng như việc xây dựng nền tảng và các cơ chế quốc gia hiệu quả nhằm giảm phát thải từ phá rừng và quản lý rừng một cách bền vững** (đầu ra 1.3.3). Trong năm 2014, UNDP tiếp tục hỗ trợ nghiên cứu và xây dựng Hành động giảm thiểu khí nhà kính phù hợp với quốc gia (NAMA) trong ngành phân bón và thép bằng việc hỗ trợ Bộ Công Thương tính toán các đường chi phí gia tăng để đánh giá tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính theo kịch bản các phương án lựa chọn chính sách khác nhau. Trong lĩnh vực hiệu quả năng lượng, UNEP đã cùng xây dựng tài liệu hướng dẫn giảm dần sử dụng đèn sợi đốt, thông tư về việc thu thập và xử lý các sản phẩm thải loại và hướng dẫn sử dụng đèn huỳnh quang compact. Trong khuôn khổ Chương trình UN-REDD, các hoạt động tăng cường năng lực tổ chức đã giúp xây dựng và thực hiện các kế hoạch hành động cấp tỉnh và tỉnh Lâm Đồng đã áp dụng Hệ thống giám sát và kiểm kê rừng quốc gia để tiến hành khảo sát tình hình sử dụng đất. Tập huấn của UNIDO cho các kỹ thuật viên doanh nghiệp công nghiệp và các chuyên gia trong nước giúp tăng thêm 34 doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn quản lý năng lượng trong năm 2014 và thêm 127 doanh nghiệp bắt đầu thực hiện các dự án tối ưu hóa hệ thống, với mức năng lượng tiết kiệm hàng năm là 2.233.299 GJ (52.750 TOE) và mức giảm phát thải khí nhà kính là 196.693 tấn CO₂.

Đồng thời, nhờ có tập huấn của UNIDO, bốn doanh nghiệp trong lĩnh vực cà phê và gạo đã

tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng, tiêu thụ nguyên vật liệu và nước cũng như quản lý chất thải với tổng lợi ích kinh tế là 63.688 USD và tiết kiệm điện là 900.945 kWh.

Về **chiến lược biến đổi khí hậu dài hạn và nền kinh tế xanh** (đầu ra 1.3.4), LHQ đã hướng dẫn hoàn thành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, trong đó chỉ ra trách nhiệm cụ thể cho các bộ và các tỉnh để đạt được mục tiêu phát thải khí nhà kính quốc gia. Hơn 100 cán bộ cấp tỉnh đã được tập huấn về phân tích các tác động chính sách để giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Các mô hình tài trợ sản xuất công nghiệp bền vững được đề xuất với ngành tài chính và các nhà cung cấp dịch vụ dựa trên nghiên cứu và đánh giá của UNDP. LHQ cũng góp phần xây dựng năng lực cho nhóm đàm phán về biến đổi khí hậu của Việt Nam tại COP20. Bảy mươi nhà thương thuyết từ Việt Nam và các quốc gia ASEAN khác đã được hưởng lợi từ khóa tập huấn và các buổi giới thiệu chính sách tiền COP20.

Câu chuyện điển hình:

Quản lý rủi ro thiên tai – môi trường cho sự thay đổi

Việt Nam là quốc gia hay gặp thiên tai, xếp thứ 7 trong Bảng chỉ số rủi ro khí hậu 2015. Mỗi năm, trung bình Việt Nam có 392 trường hợp tử vong vì thiên tai trong giai đoạn từ 1994 đến 2013 và tổng sản phẩm quốc nội thiệt hại hơn 1% do các thiên tai khí hậu³. Tham vấn và tuyên truyền trong nhiều năm qua đã giúp Chính phủ xây dựng được một nền tảng chính sách quốc gia mạnh mẽ để thực hiện giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ năm 2009, LHQ đã phối hợp chặt chẽ với Chính phủ Việt Nam trong chương trình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Đây là mấu chốt để xử lý các tác động của biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai trong điều kiện khó khăn hơn do sự phát triển kinh tế xã hội và đô thị hóa nhanh chóng của Việt Nam cũng như suy thoái đa dạng sinh học và hệ sinh thái mang lại.

3 S. Kreft, D. Eckstein, L. Junghans, C. Kerestan and U. Hagen (2014). Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu 2015 Ai chịu tác động nhiều nhất từ các sự kiện thời tiết cực đoan? Những thiệt hại liên quan đến khí hậu năm 2013 và giai đoạn 1994 đến 2013. Germanwatch, Bonn. www.germanwatch.org



Luật phòng, chống thiên tai bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 5 năm 2014 đã tạo điều kiện triển khai hoạt động giảm thiểu rủi ro thiên tai ở cả cấp quốc gia và địa phương, với trọng tâm chính nhằm vào hợp tác giữa Chính phủ và xã hội dân sự thúc đẩy phương pháp tiếp cận hòa nhập và có sự tham gia.

LHQ đang hỗ trợ Chính phủ đảm bảo các cam kết pháp lý và chính sách được chuyển thành hành động ở các cấp địa phương. Việc tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống và con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em là rất quan trọng. Trong năm 2014, LHQ đã hỗ trợ tập huấn Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho hơn 50 xã thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và hỗ trợ xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai tại 20 tỉnh chịu nhiều thiên tai nhất.

Sau khi Ban Chỉ đạo Phòng chống Lụt bão Trung ương, với hỗ trợ của LHQ, thực hiện đánh giá năng lực và nhu cầu tham gia, một chương trình xây dựng năng lực theo các quy định của luật mới đã được bắt đầu triển khai. Hơn 100 trường nhóm và thành viên các nhóm trong lĩnh vực phòng chống thiên tai cấp tỉnh đã được tập huấn trong năm 2014 về việc áp dụng công nghệ thiết kế và xây dựng sinh học tại các công trình bảo vệ bờ biển và tăng cường các hệ thống bảo vệ phòng chống thiên tai khác ngoài lũ lụt. LHQ cũng đóng góp nhiều ý kiến cho việc xây dựng các nghị định hướng dẫn thi hành Luật phòng, chống thiên tai, bao gồm cả việc tài trợ một số biện pháp can thiệp quản lý rủi ro thiên tai.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cũng đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình này. Với sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan LHQ trong hoạt động tuyên truyền vận động, Luật phòng chống thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã thể hiện mạnh mẽ nguyên

tắc bình đẳng giới. Hội Phụ nữ là một thành viên trong Ban Chỉ đạo Phòng chống Lụt bão Trung ương và các tỉnh. Để hỗ trợ Hội Phụ nữ trong vai trò mới này, LHQ đã giúp xây dựng năng lực về giới và giảm thiểu rủi ro thiên tai tại tám huyện thường xuyên bị thiên tai tại Quảng Bình và Thừa Thiên Huế, đồng thời huy động và xây dựng năng lực cho Hội Phụ nữ thành một trong những lực lượng nòng cốt trong công tác CBDRM tại tất cả các tỉnh. Điều này cũng giúp tăng cường nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của vấn đề bình đẳng giới trong các hoạt động giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Mô hình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) của Việt Nam tại địa phương được tổ chức theo cơ cấu đòi hỏi duy trì một lượng tối thiểu đại diện nữ giới trong các ban chỉ đạo phòng chống lụt bão. Tuy nhiên, nhiều khó khăn vẫn tồn tại trong việc đảm bảo các thành viên nữ có thể đóng vai trò thực chất cũng như đảm bảo các vấn đề về giới được phản ánh trong công tác lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó thiên tai.

Đồng thời, LHQ cũng đã góp phần giúp Bộ GD&ĐT xây dựng một học phần giáo dục quan trọng về Chương trình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Bộ GD&ĐT đã phê duyệt khuôn khổ lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu vào chương trình giảng dạy năm 2014 và đề ra mục tiêu học tập cho mỗi giai đoạn trong hệ thống giáo dục chính thức. Chương trình học giúp các em học sinh có được hiểu biết và khả năng đánh giá các loại nguy cơ và rủi ro khác nhau, để có phản ứng dựa trên thông tin từ các hệ thống cảnh báo sớm và thực hành diễn tập sơ tán. Cùng với đó, LHQ cũng thúc đẩy sự tham gia tích cực của trẻ em với vai trò là đối tượng cần được hỗ trợ tăng cường khả năng



thích ứng, đồng thời là tác nhân thay đổi, trở thành những tấm gương về hành vi an toàn và thông minh thích ứng với khí hậu. Đây là một yếu tố đặc biệt quan trọng để xây dựng năng lực ứng phó của quốc gia.

Dựa trên những nỗ lực truyền thông vận động và hỗ trợ kỹ thuật của LHQ, Chính phủ Việt Nam đã và đang lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu vào tất cả các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội ở cấp tỉnh cho giai đoạn 2016-2020. Điều này đang tạo ra cơ hội để giải quyết các vấn đề về thiên tai và biến đổi khí hậu một cách bền vững thông qua các quy trình lập kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách chính thức của Chính Phủ.

Dù đã có sự cam kết và hợp tác mạnh mẽ giữa LHQ và Chính phủ, nhưng Chương trình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng vẫn gặp những khó khăn, đặc biệt là về giải ngân ngân sách. LHQ sẽ tiếp tục huy động tài trợ để giúp các tỉnh tập trung vào các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và sẽ làm việc với Chính phủ về các ưu tiên mới nổi, bao gồm di dân, tái định cư và các hành động thích ứng với biến đổi khí hậu khác. Tiếp tục đầu tư vào cấp địa phương là mấu chốt để thực hiện không chỉ chiến lược quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của Việt Nam, mà cả tăng trưởng xanh và các mục tiêu phát triển bền vững khác.

UNDP, UNESCO, UNICEF, UN Women

Trường hợp nghiên cứu – Giáo dục vì sự phát triển bền vững

Trong năm 2014, LHQ và Bộ GD&ĐT, với sự cộng tác của khu vực tư nhân, đã áp dụng các cách thức tiếp cận mới dựa vào cộng đồng theo sáng kiến Giáo dục vì sự phát triển bền vững. Sáng kiến này kết nối giữa học sinh, sinh viên, phụ huynh, các thành viên trong cộng đồng, chính quyền, và giới truyền thông địa phương với vấn đề giảm nhẹ tác động, thích ứng biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai và bảo tồn đa dạng sinh học, đồng thời coi đó là giải pháp dài hạn. Trường học, phụ huynh, cộng đồng và chính quyền cùng hợp tác để xác định những vấn đề và giải pháp chính thông qua kế hoạch sẵn sàng ứng phó được xây dựng cho trường học và kế hoạch hành động của cộng đồng. Giáo viên, học sinh, sinh viên và phụ huynh xây dựng các dự án hỗ trợ cộng đồng sinh sống của mình. Ngược lại, cộng đồng và chính quyền cũng xây dựng và thực hiện các kế hoạch có sự tham gia của các trường học và phương tiện truyền thông để truyền tải thông điệp rộng rãi hơn đến xã hội.

Một loạt các chương trình tập huấn đã được tổ chức cho 129 học viên giúp họ có thể sử dụng hình ảnh vệ tinh để tăng cường nhận thức và ra quyết định. 25 cán bộ truyền thông đại chúng ở địa phương đã tham gia tập huấn kỹ năng đưa tin về phát triển bền vững, và 105 người tham gia tăng cường nhận thức về ESD, hướng đến việc xây dựng thí điểm 5 kế hoạch sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học cho các trường học. Sáng kiến ESD cũng bao gồm việc xây dựng kế hoạch hành động cộng đồng cho 5 xã thông qua 7 buổi làm việc với 62 thành viên cộng đồng và tập huấn quản lý rủi ro thiên tai cho 20 cán bộ quản lý và nhân viên kỹ thuật tại 3 Di sản thế giới, cùng với các hoạt động khác.

Kết quả 1.4: Sử dụng tài nguyên và quản lý môi trường hiệu quả hơn

Môi trường là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững được nhấn mạnh trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế xã hội 2011-2015. Mặc dù Việt Nam tiếp tục các cam kết của mình chuyển đổi sang phát triển xanh và hiệu quả hơn, thực hiện Chiến lược Tăng trưởng Xanh của Chính phủ, tiến độ thực hiện mục tiêu MDG7 như đã vạch ra trong Báo cáo Quốc gia MDG năm 2013 vẫn chưa đạt được. LHQ đang hỗ trợ Việt Nam giải quyết các thách thức này trong bốn lĩnh vực: phát triển kinh tế xanh, sản xuất sạch hơn và gìn giữ tài nguyên thiên nhiên; củng cố quản lý các vùng được bảo vệ và các khu bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện các chính sách và kế hoạch quản lý các chất ô nhiễm và các chất hóa học nguy hại đồng thời tăng cường công tác lập kế hoạch và quản lý hiệu quả đất đai.

Bối cảnh

Năm 2014 là một thời điểm quan trọng trong quá trình xây dựng khuôn khổ pháp lý liên quan đến quản lý môi trường và tài nguyên. Việt Nam đã phê chuẩn Nghị định thư an toàn sinh học Cartagena và Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen, cho phép Việt Nam tuân thủ các chuẩn mực và biện pháp bảo vệ quốc tế trước tình trạng buôn bán vật liệu sinh học không mong muốn. Chiến lược quản lý hệ thống rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển, và khu bảo tồn vùng nước nội địa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đã được Thủ tướng phê duyệt đầu năm 2014. Đây là một bước tiến quan trọng về cách tiếp cận hài hòa và hiệu quả trong việc bảo vệ các khu bảo tồn. Sự quan tâm đối với sinh thái/môi trường ngày càng tăng lên do nhận thức về đánh giá tài sản tự nhiên ngày càng tăng. Điều này dự báo sẽ giúp đẩy mạnh hơn nữa nhận thức và hành động bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Luật bảo vệ môi trường sửa đổi đã được thông qua vào tháng 6, bao gồm các vấn đề về biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, các biện pháp thực thi mạnh mẽ hơn để giải quyết các vấn đề môi trường cấp khu vực và ghi nhận sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự và các cộng đồng địa phương trong các hoạt động bảo vệ môi trường. Do Việt Nam đã ký Công ước Minamata về Thủy ngân vào tháng 10 năm 2013, nên công tác chuẩn bị để phê chuẩn và thực hiện Công ước này cũng đã bắt đầu trong năm 2014. Việt Nam đang điều chỉnh kế hoạch thực hiện quốc gia Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và các tiêu chuẩn về xử lý dioxin và thuốc trừ sâu đã thông qua vào năm 2014.

Việt Nam đã nhận ra những khó khăn trong thực thi pháp luật, bao gồm việc thực hiện Luật đa dạng sinh học và Luật khoáng sản. Các vấn đề quan trọng như việc hợp tác hiệu quả giữa các Bộ, ngành và việc bảo vệ có hiệu quả đa dạng sinh học bị đe dọa đã được thảo luận tại Quốc Hội và tại các sự kiện có sự tham gia rộng rãi. Theo các báo cáo thống kê, tội phạm buôn bán động vật hoang dã ở Việt Nam có xu hướng tăng lên, đòi hỏi phải chỉnh sửa các quy định pháp luật về tội phạm môi trường. Các điều khoản về vấn đề này đã được đề xuất trong quá trình sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự diễn ra trong năm 2015.

Kết quả trong năm 2014

Để giúp Việt Nam thực hiện cam kết của mình theo các công ước quốc tế, LHQ đang tham vấn về chính sách và kỹ thuật cũng như tăng cường năng lực của các bên hữu quan chính trong bốn lĩnh vực sau đây:

Các lĩnh vực về **phát triển kinh tế xanh, quản lý tài nguyên và sản xuất sạch hơn** (đầu ra 1.4.1) là các lĩnh vực quan trọng trong nhiệm vụ của LHQ và là yếu tố quyết định để đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và thân thiện với môi trường. Trong năm 2014, LHQ đã tham gia vào việc điều chỉnh và xây dựng các khung pháp lý quan trọng, như Luật bảo vệ môi trường sửa đổi đã được phê duyệt tháng 6 năm 2014, trong đó có một chương mới về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu và các điều khoản mới liên quan đến quyền trẻ em và bình đẳng giới. LHQ cũng đã hỗ trợ soạn thảo Luật tài nguyên, môi trường Biển và Hải đảo, trình lên Quốc hội tháng 10 năm 2014, để cập đến việc quản lý tích hợp biển và hải đảo và tài nguyên. Một nghiên cứu đã được thực hiện để hỗ trợ cho việc sửa đổi các điều khoản trong Bộ luật hình sự có liên quan đến tội phạm môi trường.

UNDP đã khởi xướng một quy trình tham vấn trong năm 2014 để xây dựng “Chỉ số hiệu quả quản lý môi trường” dựa trên bảng chứng ở cấp tỉnh để đo lường và xếp hạng chất lượng và năng lực quản lý môi trường giữa các tỉnh và xây dựng các biện pháp can thiệp chính sách ở cấp quốc gia và địa phương. Tương tự như vậy, “Chỉ số thực hiện thành phố xanh” do UN-Habitat hỗ trợ, được thực hiện trong khuôn khổ Diễn đàn Đô thị Việt Nam thuộc Bộ Xây dựng là một công cụ chính sách quan trọng được lồng ghép trong các chiến lược phát triển đô thị. Cũng ở cấp địa phương, thông qua hỗ trợ của UNEP, năng lực chính quyền địa phương được tăng cường để đấu tranh với tình trạng buôn bán bất hợp pháp xuyên biên giới rác thải và hóa chất. UN-Habitat và UNIDO cùng chia sẻ các kinh nghiệm tốt nhất về tăng trưởng xanh và tham gia vào năm cuộc họp bình chọn của Mạng lưới thành phố sinh thái Đông Nam Á. Với những nỗ lực đó, chính quyền thành phố Đà Nẵng và điểm du lịch nổi tiếng lân cận là thành phố Hội An hiện nay đã có thể đảm bảo tốt hơn khả năng ứng phó, thích ứng với khí hậu và phát triển bền vững.

LHQ cũng đã hỗ trợ trong lĩnh vực **tăng cường quản lý khu bảo tồn và bảo tồn đa dạng sinh học** (đầu ra 1.4.2). UNDP đã phối hợp với Bộ TN&MT xây dựng và đệ trình báo cáo cập nhật về Bảo tồn đa dạng sinh học theo Công ước của LHQ về Đa dạng sinh học. Báo cáo này lần đầu tiên trình bày những tiến bộ đạt được của Việt Nam trong các mục tiêu Aichi về bảo vệ đa dạng sinh học. Cơ chế tài chính đối với các khu bảo tồn cấp quốc gia và địa phương cũng đã được rà soát lại với sự hỗ trợ của UNDP, cung cấp căn cứ và tham mưu xây dựng các phương án để tăng cường tính bền vững. Kết quả là, thông tư liên bộ về nguồn phân bổ thường xuyên từ Ngân sách nhà nước giữa Bộ Tài chính và Bộ TN&MT đã được soạn thảo. Ở cấp tỉnh, vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học được lồng ghép trong các kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Lạng Sơn và Sơn La với hỗ trợ kỹ thuật từ UNDP. Ngoài ra, cán bộ từ 97 ban quản lý khu bảo tồn đã có cơ hội tăng cường năng lực quản lý hiệu quả thông qua các khóa tập huấn của UNDP. Hiện nay các khóa tập huấn này đang được Bộ NN&PTNT thể chế hóa.

Quản lý các hóa chất nguy hại và chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) (đầu ra 1.4.3) vẫn là một thử thách lớn đối với Việt Nam. Trong năm 2014, Kế hoạch hành động quốc gia đầu tiên về Quản lý hóa chất toàn diện dưới sự chỉ đạo của Bộ Công Thương với những hỗ trợ về kỹ thuật và tham vấn cộng đồng của UNDP. Là một phần trong dự án của UNDP-GEF, vấn đề dioxin tại sân bay Biên Hòa đã được đánh giá và các biện pháp tạm thời đã được thực hiện để khoanh vùng và cách ly 122.400m³ đất nhiễm dioxin để loại bỏ những nguy cơ sức khỏe cho 120.000 người. Ngoài ra, UNDP đã hỗ trợ xử lý tách 560 khối đất nhiễm thuốc trừ sâu POP từ bảy địa điểm tại tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An, và hơn 75% trong số đó đã được xử lý thành công.

Một lĩnh vực quan trọng khác trong các hoạt động của LHQ là hỗ trợ **lập kế hoạch và quản lý sử dụng đất** (đầu ra 1.4.4). Nhiều phân tích tổng quan về quyền sử dụng đất và quy hoạch không gian đô thị được UN-Habitat hỗ trợ trong năm 2014, tạo điều kiện thảo luận và đưa ra khuyến nghị về các cơ chế can thiệp để đảm bảo quyền có nơi ở đàng hoàng của người dân.



Câu chuyện điển hình:

Tiếng nói của cộng đồng được lắng nghe trong cuộc tranh luận về môi trường

Việt Nam đã thể hiện cam kết chính trị và quyết tâm mạnh mẽ về bảo vệ tài nguyên môi trường quốc gia, xây dựng khung pháp lý vững chắc về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

Tuy nhiên, những khó khăn lớn vẫn còn tồn tại khi Việt Nam có vẻ như sẽ khó đạt được trọn vẹn tất cả các mục tiêu trong Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 7 về bền vững môi trường. Hệ thống chỉ số hiệu quả quản lý môi trường toàn cầu năm 2014 xếp hạng Việt Nam đứng thứ 136 trong tổng số 178 quốc gia đối với 20 chỉ tiêu về các hệ sinh thái và sức khỏe con người, với xu hướng giảm thứ bậc về thủy sản, lâm nghiệp, và chất lượng không khí⁴. Cùng với đó, ô nhiễm công nghiệp và tình trạng khai thác tài nguyên không có chiến lược đã gây ảnh hưởng xấu với cuộc sống và sinh kế của con người và gây mối quan ngại trong dư luận về tổn hại môi trường. Ô nhiễm và xuống cấp môi trường, cùng với biến đổi khí hậu và các nguy cơ thiên tai gây ra nhiều thách thức và tác động tiêu cực nên các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Tình trạng này càng trầm trọng hơn do việc thực thi các quy định pháp luật về môi trường còn yếu và nhu cầu cần phải tăng cường sự tham gia của người dân vào các cuộc đối thoại

về môi trường và xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường. Ngoài ra, các vấn đề mới nổi như biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh đòi hỏi sự kết hợp với quản lý bảo vệ môi trường.

Để giải quyết những nhu cầu cấp thiết này, hoạt động sửa đổi bổ sung Luật bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng được thực tiễn phát triển nhanh chóng của đất nước đã được đẩy mạnh trong năm 2014. Với nỗ lực vận động của LHQ, tiếng nói của các thành phần đa dạng trong xã hội đã được phản ánh trong luật sửa đổi. Ngoài việc đóng góp kỹ thuật và hỗ trợ tham vấn, một số tài liệu chính sách và báo cáo thể hiện quan điểm của LHQ cũng như các gợi ý dựa trên bằng chứng thực tế để cải thiện dự thảo luật đã được chia sẻ với Bộ TN&MT và Quốc hội. LHQ đã chủ động vận động để đưa vào các yếu tố quan trọng vào để tăng cường thực thi luật pháp trong tương lai, bao gồm tình hình pháp lý và vai trò của các cộng đồng địa phương và xã hội dân sự, bảo vệ môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu và tăng trưởng, cũng như bình đẳng giới và quyền của phụ nữ và trẻ em. Báo cáo chuyên đề về các vấn đề chính được phát hành là kết quả của các đánh giá chính sách theo phương thức có sự tham gia và dựa trên bằng chứng thực tế, cũng như dựa trên các phân tích của nhóm chuyên gia pháp lý quốc tế và chuyên gia trong nước do LHQ hỗ trợ. Ngoài ra, một ấn phẩm được LHQ hỗ trợ xây dựng với tựa đề “Xây trụ cột cho tương lai xanh”⁵, đã giúp tập hợp những ý kiến thảo

4 <http://epi.yale.edu/the-metric/improving-environmental-data-and-performance-viet-nam>

5 http://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/environment_climate/legalizing_a_greener_future/





luận sâu sắc giữa nhiều bên hữu quan, bao gồm Quốc hội, Chính phủ và đại diện các địa phương liên quan đến việc sửa đổi và thông qua luật này.

Cuộc thảo luận chính sách này cũng có sự tham gia của các chuyên gia tư vấn chính sách và chuyên gia quốc tế của LHQ chia sẻ những hiểu biết về một số vấn đề quan trọng mới nổi trên thế giới.

Một trong những đặc điểm chính của cách tiếp cận có sự tham gia do LHQ khởi xướng đối với quá trình làm luật là tham vấn rộng rãi với trẻ em về các vấn đề biến đổi khí hậu để xây dựng năng lực phục hồi của trẻ em và tham mưu cho công tác sửa đổi luật. Hơn 300 trẻ em ở cả nông thôn và thành thị, là con em trong các gia đình người thiểu số và người di cư tại tỉnh Điện Biên, Ninh Thuận và thành phố Hồ Chí Minh đã được tham vấn. Các em được khuyến khích chia sẻ quan điểm và trải nghiệm của mình về các thách thức liên quan đến khí hậu, cũng như phản hồi về chính sách ứng phó đối với những thách thức này. Việc tham vấn trực tiếp với các em do những điều phối viên trẻ được LHQ đào tạo thực hiện. Thông qua quá trình có sự tham gia này, trẻ em được trao quyền để trở thành một đối tác và tác nhân thay đổi hiệu quả hơn trong việc giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu. Những phát hiện trong quá trình tham vấn được các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận tích cực và qua đó cam kết hỗ trợ việc thực hiện các kế hoạch về biến đổi khí hậu tại mỗi tỉnh. Quan trọng hơn, những phát hiện này cũng được chia sẻ với các đại biểu Quốc hội làm cơ sở tham mưu cho việc rà soát, thẩm định và thông qua luật mới.

Việc thông qua luật này vào năm 2014 trong đó có thể hiện các khuyến nghị chính của LHQ là minh chứng cho tính hiệu quả của cách tiếp cận có sự tham gia và dựa trên bằng chứng thực tế, kết hợp với đối thoại trực tiếp với Chính phủ.

Luật ghi nhận vai trò và quyền của các cộng đồng và các CSO trong công tác bảo vệ môi trường, đồng thời cũng đảm bảo quyền trẻ em và bình đẳng giới là những nguyên tắc cơ bản trong hành động bảo vệ môi trường.

Việc có một chương riêng về ứng phó với biến đổi khí hậu là điểm cải tiến đáng chú ý trong luật nhằm tăng cường chính sách về khí hậu của quốc gia và chiến lược tăng trưởng xanh, phù hợp với UNFCCC.

UNDP, UNICEF

Tiếp cận dịch vụ cơ bản có chất lượng và bảo trợ xã hội



Trong bối cảnh các điều kiện kinh tế xã hội và dân cư thay đổi nhanh chóng, việc Việt Nam giải quyết các hình thái nghèo đói dai dẳng, tình trạng dễ bị tổn thương, và các bất bình đẳng mới xuất hiện có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Sự phân bổ nguồn lực xã hội và đầu tư không hiệu quả cũng tác động đến việc cung cấp các dịch vụ công, đặc biệt ảnh hưởng đến người nghèo và các đối tượng dễ tổn thương.

Trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, LHQ đang hỗ trợ Chính phủ áp dụng cách tiếp cận phổ quát thay thế cho hệ thống các chương trình bảo trợ xã hội phân tán, chồng chéo, phức tạp, thiếu hiệu quả và phạm vi tác động hạn chế hiện nay. Hệ thống giáo dục và y tế thể hiện sự chênh lệch lớn giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa người Kinh chiếm đa số và các nhóm dân tộc thiểu số và người chịu thiệt

thời. Đặc biệt, những thành quả đạt được trong các kết quả liên quan đến y tế đòi hỏi sự phối hợp, lập kế hoạch, giám sát và thực hiện giữa các ngành để đảm bảo tính hiệu quả liên tục. Rất nhiều khó khăn còn tồn tại xuất phát từ chênh lệch kinh tế xã hội. Và giải quyết những khó khăn này đòi hỏi phải xây dựng những liên kết vững chắc giữa kế hoạch phát triển y tế và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Trong lĩnh vực trọng tâm này, LHQ đang giúp Việt Nam xử lý các thách thức phát triển lớn thông qua cách thức tiếp cận đa ngành, hỗ trợ xây dựng và thực thi pháp luật, chính sách, và các chương trình quốc gia nhằm tăng cường bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, cũng như tạo ra cách giải pháp bền vững để ứng phó với HIV, giảm bớt kì thị và phân biệt đối xử.

Kết quả 2.1: Hệ thống bảo trợ xã hội hiệu quả hơn

Khi Việt Nam đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình và đang đối mặt với nhiều nguy cơ dễ bị tổn thương liên quan tới bảo trợ xã hội, đây lại chính là động cơ tiềm năng cho phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và do đó phải là một ưu tiên của Chính phủ. Phân tích của LHQ và báo cáo phân tích quốc gia đã hỗ trợ Chính phủ xác định bảo trợ xã hội là một lĩnh vực trọng tâm trong Chiến lược Bảo trợ Xã hội Quốc gia 2011-2020. Để đảm bảo có các dịch vụ bảo trợ xã hội tốt hơn cho những nhóm dễ bị tổn thương nhất và đối phó với các thách thức trong thực hiện, LHQ tập trung các nỗ lực vào bốn lĩnh vực: xây dựng các dữ liệu và thực chứng tốt hơn cho các nhà hoạch định chính sách, đảm bảo tính đồng bộ giữa các trụ cột khác nhau và các khung chính sách thích hợp, các lựa chọn thay thế về tài chính, mục tiêu chính sách và luật pháp; và nâng cao năng lực của nguồn nhân lực và các thể chế.

Bối cảnh

Hệ thống bảo trợ xã hội của Việt Nam (bảo hiểm xã hội toàn diện, trợ giúp xã hội, và các dịch vụ xã hội khác) đang gặp một loạt những khó khăn – bao gồm phạm vi độ phủ hạn chế, thiếu hụt lớn về khả năng cung cấp, và mất cân bằng giữa mức độ đóng góp và thụ hưởng. Cùng với sự dàn trải và thiếu hiệu quả khi thực hiện, điều này khiến cho các kế hoạch cải cách trở nên hết sức khó khăn. Nguyên nhân sâu xa của những vấn đề này là áp lực từ tốc độ tăng trưởng nhanh chóng và việc Việt Nam nổi lên trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, trong khi các chính sách và chương trình trong lĩnh vực này chưa bắt kịp với tốc độ thay đổi kinh tế xã hội đã diễn ra. Các cải cách hậu Đổi Mới chủ yếu mang tính bột phát và tình huống, tập trung vào đối tượng người lao động trong khu vực chính thức và các cựu chiến binh. Ngoài ra, bối cảnh cụ thể của Việt Nam, đặc biệt là tốc độ thay đổi nhanh chóng và di sản lịch sử của thời gian chiến tranh, cũng đã góp phần tạo nên hình hài hệ thống và mô hình bảo trợ như ngày nay. Mặc dù Chính phủ hiện đang cân nhắc và/hoặc thực hiện một số cải cách với hỗ trợ từ các cơ quan của LHQ, nhưng những thử thách vẫn còn rất lớn.

Xét về khả năng vận hành, hệ thống bảo trợ xã hội được chia thành bảo hiểm dựa trên đóng góp và trợ giúp xã hội không dựa trên đóng góp – với đặc điểm điển hình thể hiện ở hai yếu tố bất cập về mức độ bao phủ. Bất cập thứ nhất là về phân bổ. Cách tiếp cận hiện nay là độ phủ bảo trợ đảm bảo hỗ trợ cho hầu hết người nghèo (thông qua trợ cấp xã hội cơ bản cho các nhóm mục tiêu) và cho người lao động làm việc trong lĩnh vực chính thức và công chức Nhà nước (chủ yếu là những người nằm ở phần trên của cán cân thu nhập, thông qua bảo hiểm xã hội). Điều này dẫn đến tình trạng phân khúc giữa bị thiếu (xem hình dưới đây). Phân khúc này chủ yếu là người lao động làm việc trong những lĩnh vực phi chính thức và những người làm việc trong lĩnh vực chính thức nhưng có thu nhập thấp. Thu nhập ở phân khúc này thường bấp bênh và các đối tượng này thiếu những bảo vệ hiệu quả trước các rủi ro. Nhóm cận nghèo (những người không đủ điều kiện được nhận trợ cấp xã hội) là nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương trước những biến động thu nhập dù là mang tính cá nhân hay hệ thống.

Thứ hai, theo quan điểm phân tích theo Vòng đời chuẩn, các bất cập cũng hiện ra rõ nét trong



© UN Viet Nam Jakub Zak

những giai đoạn quan trọng của cuộc sống mà ở đó chỉ có rất ít hoặc không có hỗ trợ nào. Về cơ bản, Việt Nam đang thiếu một chương trình đồng bộ để đảm bảo hỗ trợ được tất cả người trưởng thành trong độ tuổi lao động, đồng thời cũng chưa có kế hoạch quốc gia hỗ trợ riêng cho trẻ em và phụ nữ mang thai. Một chương trình như vậy vốn luôn được coi là phần trọng yếu của các hệ thống phúc lợi và lợi ích từ phát triển. Không có liên hệ đáng kể nào giữa hai nhóm bất cập này – lợi ích vòng đời của người lao động trong khu vực chính thức (bảo hiểm xã hội) lớn hơn nhiều so với trợ giúp xã hội.

Điều này còn thể hiện rõ hơn thông qua sự mất cân đối ngân sách cơ bản giữa các chương trình trợ cấp với nhau. Một định nghĩa rộng về chi tiêu bảo trợ xã hội – bao gồm cả chi tiêu cho bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, và chi tiêu theo các chương trình xóa đói giảm nghèo. Trong khi tổng chi tiêu đạt tới trên 5% GDP, nguồn lực của Nhà nước cho trợ giúp xã hội tổng cộng chỉ chiếm 1,7% GDP và mức trợ cấp xã hội bằng tiền mặt thường xuyên cho người nghèo chỉ chiếm 0,3% GDP. Các khoản mục quan trọng nhất là bao cấp cho Quỹ bảo hiểm xã hội và mức đóng Bảo hiểm xã hội của đơn vị sử dụng lao động (cộng lại là 2,3% GDP)⁶.

Sẽ là rất quan trọng để lưu ý rằng mặc dù cả hai hệ thống này hiện nay đều đang gặp nhiều vấn đề bất cập, nhưng bức thiết nhất vẫn là hệ

thống trợ giúp xã hội. Những bất cập này bao gồm chi trả trùng lặp nhiều lần, sai sót trong việc xác định dẫn đến các chi trả thừa (thanh toán cho cả các đối tượng không đủ điều kiện) và ngược lại, quá thu hẹp mục tiêu và hạn chế chi trả dẫn đến các sai sót thiếu (không công nhận hoặc trả thiếu cho các đối tượng đủ điều kiện).

Đặc biệt, hệ thống trợ giúp xã hội hiện mang nặng tính phân tán, dàn trải với nhiều chương trình và quyền lợi tạo ra mang tính tình huống, thiếu bài bản. Mặc dù chưa có dữ liệu cụ thể, nhưng chi phí quản lý chương trình được cho là cao so với giá trị chuyển giao. Ngược lại, cơ chế thanh toán, theo dõi chi trả, và sau đó là kiểm tra nội bộ, đối với cả hai chương trình, còn yếu. Hệ thống thực hiện chi trả đã lỗi thời và không đáng tin cậy, thủ tục khiếu nại chưa đầy đủ, và thiếu cơ bản về giám sát và đánh giá.

Những thiếu sót này đã dẫn đến những vấn đề cốt lõi như mô tả ở trên. Bảo hiểm xã hội chỉ bao phủ được 20% trong tổng số lực lượng lao động (khoảng 11 triệu người). Bảo hiểm y tế dựa trên đóng góp tự nguyện là lựa chọn thay thế dành cho lao động trong những ngành không chính thức, nhưng cũng mới chỉ thu hút được 140.000 cá nhân tham gia mới. Nam giới chiếm số lượng lớn hơn nữ giới trong chương trình Bảo hiểm xã hội, và nữ giới có xu hướng nhận lương hưu thấp hơn do tuổi nghỉ hưu của nữ giới thấp hơn 5 năm so với tuổi nghỉ hưu của nam giới. Dân số Việt Nam đang già hóa nhanh hơn tốc độ mở rộng của chương trình Bảo hiểm xã hội. Có 7,7% hộ gia đình nhận

6 Ước tính dựa trên số liệu cung cấp phục vụ Báo cáo phát triển con người quốc gia 2015 (chưa phát hành, UNDP/VASS)

lương hưu Bảo hiểm xã hội trong năm 2012 so với 9,5% trong năm 2012. Quỹ Bảo hiểm xã hội đang chịu áp lực nghiêm trọng và đánh giá thống kê bảo hiểm chỉ ra rằng dự trữ của quỹ này sẽ cạn kiệt vào năm 2034 nếu không có biện pháp khắc phục.

Những hạn chế cơ bản trong cung cấp trợ giúp xã hội chính là việc hệ thống chưa tạo ra được một mạng lưới an toàn tối thiểu hiệu quả. Ngay cả chương trình phổ biến nhất – trợ cấp cho người cao tuổi – cũng chỉ đáp ứng được cho 78% người trên 80 tuổi đủ điều kiện (thay vì phổ cập toàn bộ) và 42% cho người ở độ tuổi từ 60 đến 79 tuổi có hoàn cảnh nghèo không nơi nương tựa. Mức bảo trợ chuẩn rất thấp và chỉ bằng 45% theo chuẩn nghèo nông thôn và 36% theo chuẩn nghèo đô thị. Ngoài ra, mức trợ cấp tiền mặt vẫn giữ nguyên từ năm 2010, khiến cho mức hỗ trợ thực sự giảm xuống còn một phần ba từ năm 2010. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi phân tích độc lập dựa trên VHLSS chỉ ra rằng Trợ giúp xã hội không có nhiều tác động trong việc cải thiện tình trạng nghèo và khả năng chống chịu của người dân⁷.

Hoạt động ứng phó của Chính phủ

Chính phủ nhận thức được sự cần thiết hành động nhưng bị hạn chế do sự thiếu hụt khả năng linh hoạt về tài chính để mở rộng và cải cách. Tình hình ngân sách eo hẹp nói chung khó có thể được cải thiện trong vài năm tới, nguyên nhân sâu xa là do mức độ nợ công cao và thu nhập quốc gia không đủ đáp ứng được tăng trưởng của nền kinh tế. Quỹ Bảo hiểm xã hội cũng chịu áp lực do mức tăng đóng góp đang chững lại, trong khi mức tăng chi trả cho người về hưu đã vượt cao hơn tỷ lệ lạm phát. Như đã được đề cập, đánh giá thống kê bảo hiểm đã chỉ ra rằng cần có những thay đổi lớn nếu muốn đảm bảo hoạt động bền vững của quỹ này.

Dù gặp phải những hạn chế vừa nêu, nhưng Chính phủ Việt Nam đã tiếp tục thực hiện những chương trình cải cách chính sách tích cực về cả bảo hiểm xã hội với sự hỗ trợ của các cơ quan LHQ. Hệ thống ngân sách bảo trợ xã hội hiện nay vẫn có khả năng thực hiện tái sắp xếp để phân bổ tài chính theo một mô hình cải tiến mới.

⁷ Phân tích được Ts Stephen Kidd cung cấp cho UNDP/ Những con đường phát triển

Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 đã áp dụng một loạt các khuyến nghị của LHQ để cân đối quỹ thông qua giảm gói trợ cấp (bao gồm hạn chế trợ cấp trả một lần), và tăng tuổi nghỉ hưu thực tế (bằng cách cân bằng chênh lệch giữa nam và nữ). Luật cũng thiết lập các cơ chế mở rộng tham gia bảo hiểm – đặc biệt là sự tham gia của những người đóng góp tự nguyện. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (VSS) đang tiếp tục xem xét làm thế nào để tạo điều kiện cho việc mở rộng này và (nếu cần) có thể khuyến khích bằng cơ chế hỗ trợ đóng góp đối ứng. Luật bảo hiểm xã hội cũng trực tiếp tạo sự bình đẳng hơn giữa nam và nữ thông qua quy định tăng thời gian nghỉ sinh (lên 6 tháng), và lần đầu tiên, cho phép thời gian nghỉ nuôi con ngắn cho người cha có con mới sinh.

Tương tự, dưới sự chủ trì của Bộ LĐTBXH, Đề án đổi mới trợ giúp xã hội đã được đề xuất trong năm 2014, đưa ra phương hướng chiến lược trung hạn cho chương trình trợ giúp xã hội, và đưa vào thực hiện Nghị quyết 136 và Nghị quyết 15 của Đảng. Những việc làm này nhằm hướng đến mở rộng phạm vi bảo trợ đến những người chịu thiệt thòi và dễ bị tổn thương hơn, hiện đại hóa cách thức cung cấp dịch vụ, và giảm sự dàn trải, phân tán. Quy trình này dự kiến sẽ hoàn thành giữa năm 2015 và được nhận được hỗ trợ kỹ thuật từ LHQ và các đối tác phát triển khác.

Song song với đó, thí điểm cải cách về nghiệp vụ trong thực hiện trợ giúp xã hội đã được thực hiện tại 49 huyện trong 4 tỉnh, tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ, giải quyết tình trạng phân tán, dàn trải, và tăng cường tập trung thông qua Dự án tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam (SASSP) do Bộ LĐTBXH chủ trì. Dự án do LHQ và Ngân hàng thế giới hỗ trợ này góp phần vào các nỗ lực hiện đại hóa và củng cố các chương trình và quy trình, và mở rộng phạm vi bảo trợ thông qua cơ chế trợ cấp những năm đầu đời cho tất cả các gia đình nghèo có trẻ em từ 0 đến 15 tuổi.

Kết quả trong năm 2014

Chương trình hỗ trợ của LHQ tập trung vào mở rộng phạm vi cung cấp, tăng cường chất lượng và khả năng tiếp cận công bằng hơn đối với bảo trợ xã hội. Dựa trên những thảo luận và phân tích vừa nêu, các bên đã nỗ lực hướng đến việc mở rộng phạm vi bao quát của hệ thống bảo trợ và tập trung vào bốn lĩnh vực chính sau đây:

1) Xây dựng **dữ liệu và bằng chứng tốt hơn cho người hoạch định chính sách** (đầu ra 2.1.1), đảm bảo ra những quyết định có căn cứ và phù hợp hơn về nguồn lực, mô hình, và chức năng của hệ thống. Trọng tâm tập trung vào trung hạn và đảm bảo rằng sự đóng góp của hệ thống bảo trợ xã hội cho tăng trưởng hòa nhập và phát triển kinh tế xã hội rộng hơn được nhìn nhận đầy đủ. Điều này đặc biệt phù hợp với Việt Nam trong bối cảnh đất nước đang đối diện với những thay đổi có liên quan đến việc trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình, bao gồm những hình thái nghèo đói mới, sự bất bình đẳng gia tăng và tình trạng dễ bị tổn thương tăng lên. Các hoạt động thu thập thông tin, bằng chứng thực tế với sự hỗ trợ của LHQ bao gồm: nghiên cứu về tình trạng nghèo đói và dễ bị tổn thương của trẻ em dân tộc thiểu số trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; Điều tra về lao động trẻ em nhằm cung cấp thông tin cho việc xây dựng dự thảo Kế hoạch hành động về Lao động trẻ em; đánh giá tác động của trợ cấp dựa trên đóng góp và không dựa tiền đóng góp; hỗ trợ kỹ thuật và nghiên cứu đặc thù, như lập bản đồ các rào cản cản trở người cao tuổi tiếp cận trợ giúp xã hội. Ngoài ra còn có những hỗ trợ nhằm tăng cường giám sát và đánh giá trợ giúp xã hội, như việc xây dựng Báo cáo giám sát tác động nhanh (RIM) và việc thể chế hóa RIM trong MPSAR đang đến, cũng như việc xây dựng khung giám sát đánh giá M&E đối với các hoạt động thí điểm Dự án tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội.

2) Tư vấn chính sách và kỹ thuật để **giải quyết các vấn đề về tính liên kết và trùng lặp giữa các chính sách khác nhau** (đầu ra 2.1.2) và củng cố liên kết còn yếu giữa các trụ cột của hệ thống bảo trợ xã hội. Các đóng góp đầu vào chính gồm: vận động chính sách thông qua việc đưa các chuyên gia cấp quốc tế vào phân tích kết quả thực hiện hiện tại của Việt Nam và tham vấn chiến lược cho nhóm soạn thảo MPSAR; hỗ trợ đối thoại chính sách trong Đề án phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số đến năm 2020; nhiều buổi giới thiệu chính sách và phân tích tình huống về bảo đảm thu nhập, bảo hiểm xã hội, an ninh thu nhập và chính sách công về việc làm; hỗ trợ kỹ thuật tham mưu cho việc sửa đổi nội dung về bảo trợ xã hội nhạy cảm với trẻ em trong Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, bao gồm xây dựng tổ chức thanh tra về vấn đề trẻ em, và một loạt các đổi mới được thực hiện thông qua thí điểm Dự án SASSP, bao gồm chiến lược

truyền thông phát triển và hướng dẫn xây dựng mạng lưới cộng tác viên tại địa phương.

3) Đưa ra **các phương án lựa chọn khác nhau về luật pháp, chính sách, mục tiêu và tài chính** nhằm tạo điều kiện mở rộng và tăng cường các hệ thống trợ giúp xã hội, bảo hiểm và bảo đảm phúc lợi (Đầu ra 2.1.3). Nhiều cuộc đối thoại giữa Chính Phủ và các đối tác phát triển đã được tổ chức để chia sẻ kết quả nghiên cứu về nguyên tắc và định hướng chính sách cho MPSAR. Một nghiên cứu đánh giá hiệu quả hoạt động của các hệ thống hiện tại cũng đã được thực hiện. Hỗ trợ kỹ thuật của LHQ tạo điều kiện cho Việt Nam và Trung Quốc đạt được thỏa thuận về đấu tranh phòng chống buôn bán người, tiến hành đánh giá pháp lý về chức năng công tác xã hội, và xây dựng các thông tư về mã ngạch công chức, thang bảng lương, và tiêu chuẩn nghề công tác xã hội. Đồng thời, việc thông qua Luật bảo hiểm xã hội trong đó có thể hiện các khuyến nghị của LHQ về mở rộng phạm vi, củng cố tính đầy đủ và bền vững đã được thực hiện thông qua chương trình hỗ trợ kỹ thuật của LHQ cho VSS.

4) **Xây dựng nguồn nhân lực cần thiết** (Đầu ra 2.1.4) trong đó hỗ trợ của LHQ bao gồm soạn thảo hướng dẫn, tổ chức hội thảo tập huấn, và một loạt các sáng kiến xây dựng năng lực. Cụ thể là, tập huấn cho 320 quản lý thuộc Bộ/Sở LĐTBXH về quản lý và điều hành công tác xã hội; 26 giảng viên đại học và người làm việc trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần đã được tập huấn giảng viên nguồn; 80 nhân viên chủ chốt thuộc các Sở LĐTBXH và Trung tâm bảo trợ xã hội tại 11 tỉnh đã được tập huấn về tìm kiếm gia đình có trẻ em khuyết tật; và 50 cán bộ Chính phủ cấp cao từ các bộ và cơ quan có liên quan tham gia khóa học mùa hè tại địa phương kéo dài 5 ngày về trợ giúp xã hội.

Câu chuyện điển hình:

Giám sát tác động thực tế của các chính sách xã hội

Công cuộc xóa đói giảm nghèo của Việt Nam đã đạt được thành tựu đáng kể từ những cải cách trong Đổi Mới diễn ra từ khoảng 3 thập kỷ trước. Tuy nhiên, trong những năm gần đây và đặc biệt kể từ khi khủng hoảng tài chính toàn cầu diễn ra, mối đe dọa tái nghèo và một loạt vấn đề dễ tổn thương khác đã trở thành mối quan ngại chính đối người lao động bình thường. Người lao động trong khu vực phi chính thức (chiếm khoảng 60-70% lao động tại



Việt Nam) đặc biệt bị ảnh hưởng và buộc phải tìm các chiến lược ứng phó khi mà những công việc được trả lương tốt đang dần ít đi và chi phí sinh hoạt tăng cao. Những bất ổn như vậy xuất phát từ nhiều nguyên nhân, và sự xuất hiện của những bất ổn đó một cách trầm lắng đã không được nhìn thấy trong quá trình tăng trưởng nhanh chóng của đất nước đầu thập kỷ. Mức độ rủi ro cũng tăng lên do các biện pháp bảo trợ xã hội không theo kịp tốc độ chuyển biến kinh tế xã hội, và những rủi ro tăng cao do biến đổi khí hậu và toàn cầu hóa.

Nhằm giúp Chính phủ có cái nhìn thực tế và kịp thời về những thách thức mà bộ phận người lao động dễ bị tổn thương đang gặp phải, LHQ đã hỗ trợ nhiều cuộc khảo sát Giám sát tác động nhanh (RIM), có thể đưa ra đánh giá tại chỗ nhanh chóng. Những hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên đã giúp cho Viện khoa học lao động và xã hội (ILSSA), một cơ quan nghiên cứu hàng đầu của Chính phủ thuộc Bộ LĐTBXH, có thể chuyển giao và áp dụng những công cụ này. Kết quả trong năm 2014 thể hiện trong hình cho thấy trải nghiệm của ba nhóm lao động chính – trong ngành nông nghiệp, xây dựng và bán lẻ. RIM đưa ra các khuyến nghị thực tế quan trọng về quản lý chương trình bảo hiểm xã hội, thực hiện chương trình trợ giúp xã hội và giảm nghèo để tạo ra những thay đổi thực sự cho cuộc sống những người dễ bị tổn thương.

Khảo sát RIM được khởi xướng lần đầu tiên năm 2009, bổ sung cho các điều tra định lượng và dữ liệu hành chính bằng cách áp dụng các phương pháp định tính để đánh giá và tăng cường hiệu

quả chính sách. Nghị quyết 15 về chính sách xã hội cho giai đoạn 2012-2020 đem đến cho Chính phủ cơ hội cân nhắc các phương pháp tiếp cận rủi ro sinh kế và nhấn mạnh vào sự cần thiết phải có dữ liệu phù hợp, kịp thời theo thời gian thực về hoàn cảnh của bộ phận dân số chịu thiệt thòi. Nguồn dữ liệu chỉ mang tính định lượng thông thường dường như không xem xét đến nguyên nhân tại sao thay đổi diễn ra cũng như không hiệu quả trong việc phát hiện các xu hướng nhanh. Thêm vào đó, các điều tra hiện nay thường được thiết kế để trình bày ở cấp quốc gia nên quan điểm địa phương và của các nhóm dân cư dễ thường bị bỏ qua.

Với bản chất là một công cụ có chi phí tương đối thấp và có khả năng bao quát nhiều vấn đề, RIM được các cán bộ, công chức, doanh nghiệp và cộng đồng đánh giá cao. Quan trọng hơn, RIM đã tạo được niềm tin ở Quốc hội và một số phát hiện ban đầu của RIM đã được phản ánh trong Nghị quyết 11 trình bày những thay đổi chính sách nhằm đẩy nhanh quá trình phục hồi kinh tế. Sau khi đạt được kinh nghiệm đáng kể trong việc áp dụng phương pháp luận này, Việt Nam hiện nay đã đi đến một thời điểm quan trọng, trong đó những người có thẩm quyền ra quyết định sẽ cân nhắc việc áp dụng RIM trên toàn quốc trong khuôn khổ giám sát chính sách xã hội của quốc gia. Các cơ quan của LHQ sẽ tiếp tục phối hợp với Chính phủ để thực hiện đợt khảo sát RIM tiếp theo trong năm 2015 và hỗ trợ việc thể chế hóa.

UNDP, UNICEF

Kết quả 2.2: Hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe tốt hơn cho đối tượng dễ bị tổn thương và thiệt thòi

Trong hơn hai thập kỷ vừa qua, những thành tựu đáng ghi nhận đã đạt được trong lĩnh vực y tế ở Việt Nam, dẫn tới tình trạng sức khỏe của nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên, những tiến bộ đạt được chưa đồng đều giữa nông thôn và khu vực thành thị có mức phát triển kinh tế tốt hơn, và có sự khác biệt rõ nét giữa các nhóm kinh tế-xã hội và giữa các vùng địa lý. Tiếp cận tới các dịch vụ y tế còn nhiều hạn chế đối với một số nhóm dân cư như các nhóm dân tộc ít người và thanh thiếu niên. Những thách thức lớn cũng xuất hiện khi đối phó với các bệnh truyền nhiễm cũng như sự gia tăng của các bệnh không truyền nhiễm và tình trạng thương tật. LHQ đang giúp Việt Nam xây dựng một hệ thống y tế toàn diện và bình đẳng thông qua năm lĩnh vực: xây dựng hệ thống y tế vững mạnh, ngăn chặn và kiểm soát hiệu quả các bệnh không truyền nhiễm; ngăn ngừa và kiểm soát các bệnh truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em và cải thiện dinh dưỡng; khả năng tiếp cận bền vững tới nước sạch và vệ sinh môi trường.

Bối cảnh

Trong năm 2014, ngành y tế Việt Nam tiếp tục được định hình bằng những chuyển biến về dịch tễ, dân số, và kinh tế. Về mặt dịch tễ, trọng tâm tác động tiếp tục chuyển từ bệnh truyền nhiễm sang bệnh không truyền nhiễm – ước tính chiếm 73% tổng số lượng tử vong. Các bệnh không truyền nhiễm tạo nên chướng ngại ngày càng lớn cho quốc gia về sức khỏe và kinh tế. Từ năm 2000 đến 2012, số lượng trường hợp tử vong sớm (dưới 70 tuổi) ở nam giới tăng từ 80.000 lên hơn 110.000 ca mỗi năm. Do gia tăng tiêu thụ thuốc lá, rượu, thức ăn nhanh và có hại cho sức khỏe, lối sống ít vận động và dân số già hóa nhanh chóng, các số liệu này dự báo sẽ tiếp tục trầm trọng hơn tại Việt Nam trong tương lai. Mối đe dọa bùng phát các bệnh như Cúm A (H5N1, H7N9), MERS-CoV và Ebola, vẫn tiếp tục hiện hữu. HIV/AIDS là nguyên nhân lớn thứ sáu về gánh nặng bệnh tật năm 2010 tại Việt Nam (cao nhất là các bệnh truyền nhiễm), trong khi Việt Nam vẫn nằm trong danh sách 22 quốc gia có tỷ lệ bệnh lao cao. Việc xuất hiện bệnh sốt rét kháng artemisinin ở nhiều tỉnh đe dọa đảo ngược những thành quả của chương trình loại bỏ bệnh sốt rét. Biến chuyển về dân số tiếp tục với tình hình dân số già hóa tăng lên 7,1% và chỉ số già hóa tăng lên 44,6%⁸, tăng nguy cơ các bệnh không truyền nhiễm và nhu cầu chăm sóc y tế. Cuối cùng, tỷ lệ đô thị hóa – trong năm 2014 tăng lên 33,1%, góp phần thay đổi lối sống và hành vi, đã tạo thêm nguy cơ nghèo đói, rủi ro và đe dọa y tế, cũng như tăng nhu cầu chăm sóc y tế. Việt Nam tiếp tục gặp phải những thách thức về bất bình đẳng y tế ở bộ phận dân số nghèo, dễ bị tổn thương và chịu thiệt thòi, và hiện đang hướng tới hiện đại hóa hệ thống chăm sóc y tế.

Về khuôn khổ pháp lý cấp quốc gia về y tế, các mốc quan trọng trong năm 2014 là:

- Sửa đổi Luật bảo hiểm y tế, mở đường cho việc cung cấp toàn diện dịch vụ y tế cho bộ phận dân số nghèo, dễ bị tổn thương và chịu thiệt thòi
- Phê duyệt Chiến lược quốc gia về phát triển ngành dược, nhằm tăng cường tiếp cận các loại thuốc cơ bản.
- Ban hành Nghị quyết của Thủ tướng Chính

8 Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ, 1/4/2014, do UNFPA trình bày ngày 17/12/2014

phủ để đẩy nhanh các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và xây dựng các thông tư và quyết định nhằm hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số và tăng cường tiếp cận các dịch vụ y tế cho các nhóm dân cư thiệt thòi.

Các chỉ tiêu chính về y tế của quốc gia được xây dựng và công tác đánh giá kết quả hoạt động của ngành y tế hàng năm đã được thực hiện. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2014 đã được tiến hành và các thông tin về y tế trên toàn quốc đã được xây dựng.

Trong tháng 9 năm 2014, Việt Nam đã đăng cai tổ chức hội nghị Bộ trưởng Y tế các quốc gia trong khu vực ASEAN. Tại sự kiện này, cộng đồng ASEAN đã điều chỉnh chương trình nghị sự về y tế của khu vực trong năm 2015.

Kết quả trong năm 2014

Để giúp Việt Nam xây dựng hệ thống y tế toàn diện, có khả năng phục hồi và thích ứng, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các dịch vụ y tế, LHQ đã triển khai các hành động tập trung vào cải thiện bình đẳng, có tác động củng cố lẫn nhau.

Hệ thống y tế mạnh (đầu ra 2.2.1) cần có ngân sách ổn định, khả năng tiếp cận các loại thuốc thiết yếu, nguồn nhân lực có trình độ, được đào tạo bài bản, và hệ thống thông tin vững mạnh. Những yếu tố này sẽ giúp tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ về sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản sức khỏe và dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em, các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm, tăng cường tiếp cận dịch vụ nước sạch và vệ sinh môi trường, và tăng cường năng lực quốc gia về ứng phó với trường hợp khẩn cấp. Trong năm 2014, LHQ đã xây dựng nhiều chính sách, chiến lược, kế hoạch, và các cách tiếp cận để củng cố hệ thống y tế. Cụ thể là:

- Tiếp tục xây dựng các chính sách tăng cường tiếp cận bình đẳng đối với các dịch vụ y tế, như Luật bảo hiểm y tế sửa đổi, Chiến lược quốc gia về phát triển ngành dược và Nghị quyết của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
- Phối hợp xây dựng các chương trình nhằm giải quyết nhu cầu của bộ phận dân số dễ bị tổn thương và những người

sống ở vùng sâu vùng xa, đặc biệt là phụ nữ ở khu vực dân tộc thiểu số, đào tạo và sử dụng nữ hộ sinh người dân tộc thiểu số và thực hiện chăm sóc ban đầu cơ bản cho trẻ sơ sinh để giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh

- Phối hợp rà soát và cải tiến các hệ thống đào tạo y tế và trợ y nhằm tăng cường kỹ năng của nhân viên y tế, xây dựng các chỉ tiêu y tế chính của quốc gia và cải cách mạng lưới y tế cơ sở.

Ngăn ngừa và kiểm soát các bệnh và tình trạng phi truyền nhiễm có hiệu quả (đầu ra 2.2.2) như ung thư, bệnh tim, tiểu đường và các rối loạn tâm thần là lĩnh vực chính trong hoạt động của LHQ tại Việt Nam. Trong năm 2014, LHQ đã hỗ trợ xây dựng chiến lược đa ngành về ngăn ngừa và kiểm soát các bệnh không truyền nhiễm cho giai đoạn từ năm 2015 đến 2025 được phê duyệt trong năm 2015. LHQ cũng ủng hộ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi, với lộ trình tăng thuế đến năm 2019 áp dụng cho thuốc lá và rượu, bên cạnh các mặt hàng khác. Ngoài ra, LHQ cũng tham vấn kỹ thuật về cơ cấu tổ chức và các cơ chế hoạt động của Quỹ phòng chống tác hại của thuốc lá, quỹ này bắt đầu hoạt động vào tháng 7 năm 2014 để tăng cường năng lực phòng chống tác hại của thuốc lá của Chính Phủ.

Một lĩnh vực quan trọng khác là **ngăn ngừa và kiểm soát bệnh truyền nhiễm** (Đầu ra 2.2.3) - vẫn là nguyên nhân dẫn đến tình trạng bệnh tật và tử vong. Các bệnh mới bùng phát và tái bùng phát đe dọa an ninh cũng như sự phát triển kinh tế xã hội quốc gia. Tập trung giải quyết vấn đề này là một ưu tiên chiến lược của Việt Nam. Nhóm phụ trách bệnh truyền nhiễm đã đạt được những kết quả chung sau đây trong công tác ngăn ngừa và kiểm soát bệnh truyền nhiễm trên người và động vật:

- a. **Vận động và tuyên truyền:** Nhóm phụ trách bệnh truyền nhiễm đã hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch dự phòng bổ sung đối với Cúm A H7N9 của Bộ Y Tế và Bộ NN&PTNT, việc xây dựng kế hoạch truyền thông về rủi ro quốc gia và tài liệu thông tin về Cúm A (HPAI H5N1 và H7N9) và bệnh dại. Cán bộ cấp cao của Bộ Y Tế đã được tập huấn về kỹ năng

tuyên truyền và soạn thảo chiến lược truyền thông về tiêm chủng và các bệnh truyền nhiễm mới bùng phát.

b. Xây dựng năng lực và hệ thống bền vững:

Nhóm phụ trách bệnh truyền nhiễm đã hỗ trợ Chính phủ củng cố năng lực ngăn ngừa, phát hiện và ứng phó với các bệnh truyền nhiễm mới bùng phát. Những bước tiến này đã Việt Nam đạt được các yêu cầu chính trong các Quy định y tế thế giới năm 2014. Tổ chức Y tế Thế giới và Tổ chức Nông Lương LHQ đã hỗ trợ ngành y tế và thú y hợp tác chặt chẽ với nhau về chia sẻ thông tin và cùng ứng phó, theo hướng dẫn của Thông tư 16, thông qua:

- Hỗ trợ các Ban chỉ đạo quốc gia của Bộ Y Tế và Bộ NN&PTNT;
- Xây dựng năng lực đánh giá rủi ro giữa Bộ Y Tế và Bộ NN&PTNT;
- Thực hiện và duy trì Chương trình đào tạo dịch tễ tại địa phương và Chương trình đào tạo dịch tễ nâng cao cho bác sỹ thú y (AVET); và
- Hỗ trợ Chương trình hoạt động lồng ghép quốc gia về Cúm gia cầm, chuẩn bị ứng phó với đại dịch và các bệnh truyền nhiễm mới bùng phát cho giai đoạn 2011-2015.

Chiến dịch phòng chống bệnh sởi và rubella quy mô lớn, hướng đến 23 triệu trẻ em, cũng đã được hỗ trợ, với 10,3 triệu trẻ em được tiêm chủng tính đến tháng 12 năm 2014. Ngoài ra, nhóm phụ trách cũng đã hỗ trợ Bộ Y Tế trong việc cấm sản xuất và phân phối các thuốc gốc artemisinin đơn trị liệu, giải quyết tình trạng thiếu thuốc điều trị lao và tăng cường ngân sách trong nước nhằm kiểm soát bệnh lao. Nhóm phụ trách cũng đã hỗ trợ Bộ Y Tế đánh giá hệ thống y tế dự phòng hiện nay nhằm cung cấp thông tin cho việc tái cấu trúc. LHQ cùng với các đối tác đã hỗ trợ việc thành lập Trung tâm điều hành khẩn cấp. Trung tâm này sẽ đóng vai trò là trung tâm chỉ huy của Bộ Y Tế trong việc điều phối công tác phản ứng với trường hợp khẩn cấp trong các mối đe dọa sức khỏe cộng đồng.

c. Theo dõi, nghiên cứu hoạt động và giám sát, đánh giá:

Nhóm phụ trách đã hỗ trợ việc tiến hành giám sát quốc gia dựa trên sự vụ, giám sát Nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính nghiêm trọng (SARI) và chương trình quốc gia giám sát bệnh trên gia súc (tại trang trại và thị trường). Nhóm cũng hỗ trợ tăng cường năng lực phòng thí nghiệm về y tế cộng đồng và thú y, bao gồm năng lực an toàn sinh học và các hệ thống đảm bảo chất lượng. Nhóm phụ trách cũng đã hỗ trợ nghiên cứu hoạt động về các biện pháp can thiệp có tác động cao đối với HIV, hỗ trợ đổi mới trong thí nghiệm, áp dụng điều trị kháng virus và cung cấp dịch vụ.

d. Phối hợp đa ngành và Y Tế Chung:

Đưa ra tư vấn tổng thể để tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa ngành y tế cộng đồng và thú y, bao gồm việc xây dựng nền tảng hợp tác quốc gia với tên gọi Y Tế Chung (One Health), và các hoạt động vận động, tuyên truyền, tiếp cận cộng đồng đang diễn ra trong phạm vi One Health đã được hỗ trợ. Việc xây dựng Quy trình hoạt động chuẩn trong thu thập và chia sẻ thông tin, tiến hành giám sát và điều tra ổ dịch, và ứng phó với các bệnh dịch động vật bùng phát đang được thực hiện.

e. Hỗ trợ các chiến lược, chính sách, chỉ đạo, hướng dẫn và các quy định pháp lý khác:

Nhóm phụ trách đã hỗ trợ xây dựng kế hoạch quốc gia về ứng phó với các sự kiện khẩn cấp liên quan đến sức khỏe cộng đồng, chiến lược quốc gia về cúm gia cầm và các kế hoạch dự phòng đối với cúm H7N9 và các bệnh cúm khác. Kế hoạch chiến lược quốc gia về kiểm soát bệnh lao đã được xây dựng và phê duyệt cùng với Kế hoạch y tế quốc gia và “Chiến lược loại bỏ bệnh lao” toàn cầu mới, vận động cho các cách thức đổi mới sáng tạo vượt ra khỏi phạm vi ngành y tế. Kế hoạch thực hiện chi tiết cho chiến lược phòng chống sốt rét quốc gia đã được xây dựng và dự trù kinh phí, bao gồm nội dung về kiểm soát kháng artemisinin. Dự thảo kế hoạch hành động loại bỏ bệnh sốt rét P Falciparum cũng đã bắt đầu được xây dựng. Cuối cùng, Nhóm JPG về y tế đã



hỗ trợ Bộ Y Tế xây dựng hướng dẫn lâm sàng và kế hoạch hành động quốc gia về viêm gan virus.

Tăng **cường sức khỏe tình dục, sinh sản, sức khỏe và dinh dưỡng bà mẹ trẻ em** (Đầu ra 2.2.4) là một thách thức lớn do sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng miền, đặc biệt trong các nhóm dân tộc. Điều này một phần là do sự thiếu thốn nghiêm trọng về nhân sự cung cấp dịch vụ y tế, đặc biệt là các chuyên gia sản khoa và nhi khoa do xa xôi, giao thông hạn chế và mức lương thấp. Trong năm 2014, LHQ đã đưa ra nhiều bằng chứng thu được từ các điều tra định tính và định lượng với thiết kế phù hợp và các sáng kiến khác để chỉ ra các bất bình đẳng và chênh lệch lớn mới xuất hiện về khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế. Những bằng chứng này sẽ giúp Chính Phủ giải quyết tình trạng bất bình đẳng về kết quả hoạt động y tế và có đầu tư phù hợp đảm bảo đạt được các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ về y tế trên khắp các vùng miền đến năm 2015. Một số luật và chính sách liên quan đã được xây dựng bao gồm:

- Hướng dẫn quốc gia về năng lực hộ sinh có tay nghề
- Hướng dẫn quốc gia về chăm sóc tích cực trong chăm sóc cấp cứu sản khoa
- Hướng dẫn quốc gia về tiêm chủng
- Hướng dẫn quốc gia về các yêu cầu cơ bản đảm bảo chất lượng đào tạo hộ sinh
- Thông tư về phân loại các biện pháp tránh thai.

Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chính sách và chương trình quốc gia ở cấp địa phương và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của bộ phận dân số dễ bị tổn thương, LHQ đã tạo điều kiện xây dựng năng lực cho các cán bộ cung cấp dịch vụ và cán bộ quản lý tại một số tỉnh được chọn thông qua tập huấn giảng viên nguồn; giám sát và hỗ trợ kỹ thuật. Ngoài ra, nhiều biện pháp can thiệp có tính nhạy cảm về mặt văn hóa, bao gồm tuyên truyền thay đổi hành vi cho bộ phận dân số dễ bị tổn thương, đã được thực hiện. Điều này giúp các cộng đồng địa phương truyền thông chia sẻ các bài học kinh nghiệm và mô hình hoạt động hiệu quả nhất tới những người có thẩm quyền ra quyết định ở cấp quốc gia nhằm giúp họ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cộng đồng để tiến đến việc tiếp cận phổ cập các dịch vụ chất lượng.

Một lĩnh vực ưu tiên khác của LHQ trong Kết quả này là **tiếp cận nước sạch và vệ sinh cơ bản một cách bền vững** (Đầu ra 2.2.5) phù hợp với Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 7. Mặc dù Việt Nam đã có bước tiến đáng kể về tăng cường cung cấp nước sạch và vệ sinh, nhưng vẫn còn tồn tại sự chênh lệch ở mức độ cao trong các nhóm dân tộc và người dân ở vùng sâu vùng xa. Do đó, LHQ đã hỗ trợ Chính phủ củng cố Kế hoạch cấp nước an toàn, tăng cường năng lực thể chế của Cục quản lý môi trường y tế, và năng lực quản trị cơ sở hạ tầng kỹ thuật để xây dựng chương trình quản lý rác thải an toàn cho khu vực đô thị. LHQ đã phối hợp với Bộ Y Tế nhằm giới thiệu phương thức tiếp cận vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ nhằm tạo điều kiện cho việc huy động cộng đồng và hỗ trợ tiếp



thị vệ sinh vì người nghèo. LHQ cũng đã làm việc với Chương trình nước sạch và vệ sinh của Ngân hàng thế giới để lập bản đồ tình trạng đói nghèo và vệ sinh, nhằm hỗ trợ các tỉnh được chọn giải quyết vấn đề chênh lệch về vệ sinh đang tồn tại.

Với hỗ trợ kỹ thuật của LHQ, nhiều tỉnh trọng điểm đã áp dụng huy động cộng đồng và áp dụng các kỹ thuật tiếp thị vệ sinh để thuyết phục các cộng đồng xóa bỏ hình thức phóng uế bừa bãi. Các Trung tâm y tế dự phòng cấp tỉnh – với hỗ trợ của lãnh đạo xã, Hội Phụ Nữ và thợ thủ công địa phương – là những tác nhân giúp hiện thực hóa mục tiêu này. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã cho vay để hỗ trợ các hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh.

Hướng dẫn mới về việc kiểm tra và chứng nhận cộng đồng không còn tình trạng phóng uế bừa bãi đã được UNICEF áp dụng tại ba tỉnh trọng điểm để khuyến khích các xã và lãnh đạo địa phương nhận thức được tình hình. Đã có 50 làng và lãnh đạo địa phương đạt được mục tiêu không còn tình trạng phóng uế bừa bãi. Nhiều làng khác đang trong quá trình đạt được chứng nhận này. Chính phủ Việt Nam đã đưa ra cam kết quốc tế tại Diễn đàn hợp tác toàn cầu về nước sạch và vệ sinh môi trường cho mọi người hưởng đến năm 2015 loại bỏ hoàn toàn tình trạng phóng uế bừa bãi. Hợp tác chiến lược giữa LHQ và Ngân hàng thế giới đã giúp huy động được 300 triệu USD cho Chính phủ để hỗ trợ

chương trình Mở rộng vệ sinh tại 19 tỉnh có mật độ vệ sinh thấp, với dân số phần lớn là người dân tộc thiểu số.

Câu chuyện điển hình:

Nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ sơ sinh

Việc giảm thiểu tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh góp phần quan trọng vào việc giải quyết hiệu quả tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới năm tuổi tại Việt Nam và hoàn thành MDG 4. Đáng chú ý, con số tử vong ở trẻ sơ sinh hiện nay chiếm 52% trong tổng số ca tử vong ở trẻ trong độ tuổi dưới năm tuổi tại Việt Nam, trong đó 75% trường hợp tử vong xảy ra trong ba ngày đầu sau sinh và thường trong vòng 24 giờ đầu sau sinh. Thực tế này đã đặt ra yêu cầu áp dụng các biện pháp can thiệp chăm sóc thiết yếu cho bà mẹ và trẻ sơ sinh (EENC) trong khi và ngay sau khi sinh để có thể giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh. EENC là nhóm các biện pháp can thiệp chi phí thấp dành cho bà mẹ và trẻ sơ sinh trong giai đoạn từ lúc sinh cho đến ba ngày đầu sau sinh giúp ngăn chặn tình trạng tử vong ở trẻ sơ sinh do những nguyên nhân phổ biến nhất gây ra.

Để hướng dẫn các nhà quản lý và quy hoạch y tế trong việc giải quyết tình trạng tử vong sớm ở trẻ sơ sinh tại Việt Nam, LHQ đã phối hợp với Bộ Y Tế xây dựng khuôn khổ “Xóa bỏ tình trạng tử vong sớm ở trẻ sơ sinh vì những



nguyên nhân có thể phòng ngừa thông qua phổ cập các dịch vụ chăm sóc thiết yếu chất lượng dành cho trẻ sơ sinh và bà mẹ trước, trong và sau khi sinh". Trên cơ sở khuôn khổ này, LHQ đã hỗ trợ xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia về nhân rộng EENC trong giai đoạn 2014-2020.

Mục tiêu chính của kế hoạch hành động này là tăng khả năng tiếp cận sử dụng các dịch vụ chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh chuyên nghiệp và dịch vụ EENC chất lượng cho sản phụ và trẻ sơ sinh trên cả nước. Các hoạt động liên quan bao gồm thiết lập ba trung tâm điển hình về EENC chịu trách nhiệm tập huấn cho các cán Bộ Y Tế làm việc trong lĩnh vực chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, phổ cập chương trình tập huấn về EENC, tăng cường hỗ trợ các cơ sở y tế áp dụng EENC, lồng ghép EENC vào chương trình đào tạo hiện nay và đánh giá tác động mà các biện pháp can thiệp trong EENC mang lại.

LHQ hướng dẫn Bộ Y Tế xây dựng tài liệu hướng dẫn quốc gia về EENC mang tên "Cái ôm đầu tiên" nhằm khuyến khích tất cả các cơ sở sản khoa trên cả nước áp dụng EENC trong và ngay sau khi sinh. Các chuyên gia của LHQ đã được cử đến tập huấn cho 24 giảng viên nguồn và 444 cán Bộ Y Tế của ba trung tâm điển hình EENC và cùng với đó, Bộ Y Tế cũng tổ chức các khóa đào tạo giảng viên cho tất cả các tỉnh thành trong cả nước. Đã có khoảng 126 cán Bộ Y Tế tỉnh đã được đào tạo thành giảng viên EENC và lực lượng

cán bộ này sẽ mở rộng hoạt động đào tạo về EENC tại các tỉnh thành mà họ phụ trách. Một đoạn phim ngắn về "Cái ôm đầu tiên" đã được Bệnh viện Phụ sản Trung ương thực hiện để sử dụng làm công cụ trợ giảng cho các khóa tập huấn được tổ chức trong cả nước.

Bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng tại miền trung Việt Nam là đơn vị đi đầu trong phong trào áp dụng EENC. Tại đây, "Cái ôm đầu tiên" đã được áp dụng cho tất cả các ca sinh thường và sinh mổ.

Bà Châu, y tá trưởng tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương cho biết "Việc áp dụng "Cái ôm đầu tiên" theo EENC giúp mang lại nhiều lợi ích cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và nhân viên y tế. Trẻ sơ sinh sẽ được ủ ấm, hồng hào và sẽ có cảm giác an toàn khi được ôm ấp vào lòng mẹ. Trẻ cũng sẽ chủ động bú mẹ khi được tiếp xúc da thịt trực tiếp với mẹ và mẹ sẽ cảm thấy hạnh phúc và bình yên khi được ôm con vào lòng ngay sau khi sinh. Nhân viên y tế có thể tiết kiệm thời gian cho mỗi ca sinh vì khi áp dụng EENC, một số thủ thuật không cần thiết đã được loại bỏ.

Theo Chương trình Hành động Quốc gia, đến năm 2020, tối thiểu 80% các cơ sở sinh đẻ sẽ triển khai áp dụng EENC và tối thiểu 80% nhân viên điều dưỡng sản khoa lành nghề sẽ áp dụng EENC vào tất cả các ca sinh.

UNICEF, WHO

Lĩnh vực trọng tâm 2

Báo cáo kết quả thường niên năm 2013: Thống nhất Hành động



Kết quả 2.3: Tăng cường chất lượng và mức độ phổ cập giáo dục

Cả Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội và Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội đều nhìn nhận sự cần thiết phải có những thay đổi căn bản trong hệ thống giáo dục và đào tạo trong thập kỷ tới nhằm cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp. Thêm nữa Chính phủ Việt Nam cam kết mạnh mẽ để đạt được các mục tiêu Giáo dục cho tất cả mọi người và cũng đã đạt được các thành tựu đáng ghi nhận trong thập kỷ qua. Với việc Việt Nam gia nhập WTO, một số lượng lớn các trường tư nhân và quốc tế đã xuất hiện mang lại nhiều cơ hội giáo dục với chất lượng cao hơn. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều quan ngại về sự khác biệt về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền, giữa lý thuyết và thực hành còn có nhiều khoảng cách, cũng như hệ thống và cơ chế đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục. Để đảm bảo khả năng tiếp cận cũng như chất lượng và bình đẳng trong giáo dục, LHQ đang nỗ lực trong ba lĩnh vực: sử dụng kiến thức và thực chứng để nâng cao chất lượng các điều luật và chính sách giáo dục, xây dựng các cơ sở giáo dục có năng lực để có được chất lượng giáo dục cao hơn và xây dựng một hệ thống quản lý dựa vào thực chứng để giúp nâng cao chất lượng dạy và học.

Bối cảnh

Việc đổi mới chương trình giảng dạy có vai trò ngày càng quan trọng đối với Việt Nam vì đây chính là yếu tố định hình sự phát triển ở hiện tại và trong tương lai của học sinh sinh viên cũng như mức độ đóng góp của lực lượng này vào sự phát triển bền vững của đất nước. Hoạt động này cũng là trọng tâm giúp người học thành công trong môi trường học đường cũng như trở thành những công dân toàn cầu có trách nhiệm, những người lao động hiệu quả, những thành viên tâm huyết của cộng đồng và những người học tập suốt đời. Lực lượng lao động chất lượng chính là chìa khóa cho sự phát triển quốc gia và là yếu tố cần thiết để có thể thực hiện được chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng đón nhận nền kinh tế thị trường hiện đại trong bối cảnh hội nhập khu vực.

Trong bối cảnh này, Nghị trình đổi mới giáo dục được thông qua tháng 11 năm 2013 tại Nghị quyết 29 của Đảng Cộng sản Việt Nam hướng tới mục tiêu nâng cao hệ thống giáo dục theo chuẩn khu vực và quốc tế vào năm 2030. Nghị trình là cơ hội chiến lược cho hoạt động xây dựng chính sách và phát triển thể chế nhằm giải quyết tình trạng chênh lệch và thiếu bình đẳng trong giáo dục, đặc biệt đối với trẻ em thiệt thòi và phát triển toàn diện năng lực của người học như đổi mới, sáng tạo và tư duy phản biện. Bên cạnh ưu tiên rõ ràng của Nghị trình đổi mới giáo dục là cải cách chương trình giảng dạy, các khía cạnh khác như phát triển năng lực giáo viên và đội ngũ nhà quản lý giáo dục cũng sẽ được giải quyết. Nghị quyết 44 của Chính phủ xác định rõ hơn trách nhiệm và nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan hữu quan. Tại Hội nghị bổ sung lần 2 của Quỹ Hợp tác Toàn cầu về Giáo dục, Việt Nam cam kết tiếp tục phân bổ 20% ngân sách Nhà nước cho giáo dục, bao gồm nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo bình đẳng giới, tăng cường tài trợ cho giáo dục trong những trường hợp khẩn cấp và nâng cao hệ thống thông tin. Việc sửa đổi Luật trẻ em hiện nay là cơ hội quý giá để tác động lên pháp luật hiện hành về giáo dục của trẻ em trong sự phát triển tổng thể của trẻ.



Kết quả năm 2014

LHQ đã và đang đóng vai trò quan trọng thu hút sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách giáo dục đối với vấn đề công bằng và chất lượng trong giáo dục, tác động tới định hướng của các kế hoạch quốc gia và kế hoạch cấp tỉnh trong lĩnh vực giáo dục cũng như nêu bật khoảng cách trong thực thi chính sách. Để có nền giáo dục công bằng, chất lượng và bền vững, LHQ đang nỗ lực đạt được ba kết quả cụ thể sau:

Kết quả thứ nhất là **sử dụng bằng chứng thực tế và kiến thức để tăng cường việc thực hiện các chính sách và pháp luật về giáo dục** (kết quả 2.3.1) nhằm thực hiện quyền tiếp cận bình đẳng đối với giáo dục chất lượng ở tất cả các cấp học, đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương và các nhóm thiệt thòi. Năm 2014, Báo cáo quốc gia về giáo dục cho mọi người đã được xây dựng để chuẩn bị cho Diễn đàn giáo dục thế giới tại Hàn Quốc vào tháng 5 năm 2015 trong đó đánh giá những thành tích đã đạt được trong tiến trình thực hiện thành công sáu mục tiêu Giáo dục cho mọi người. UNESCO cùng với UNICEF đã có những hỗ trợ kỹ thuật trong công tác xây dựng tài liệu hướng dẫn báo cáo và góp ý đối với báo cáo tổng hợp của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. LHQ ủng hộ việc xây dựng các nội dung kiến thức liên quan đến sự không đồng đều trong giáo dục để tiến hành vận động chính sách và tăng cường khả năng tiếp cận

giáo dục của nhóm trẻ em thiệt thòi. Nguồn thông tin kỹ thuật đầu vào do UNICEF cung cấp đã giúp định hình thiết kế, triển khai và phổ biến các nội dung Sẵn sàng cho trẻ khuyết tật đến trường, Đánh giá kết quả học tập hàng năm trong khuôn khổ các nghiên cứu Giáo dục song ngữ bằng tiếng mẹ đẻ và Trẻ em ngoài nhà trường.



© UNICEF Viet Nam/Truong Viet Hung

Nghiên cứu Trẻ em ngoài nhà trường ở Việt Nam

Đây là nghiên cứu do Bộ GD&ĐT chủ trì thực hiện phối hợp với một sáng kiến toàn cầu và nghiên cứu cấp khu vực trong đó UNICEF và Viện Thống kê UNESCO hỗ trợ hướng dẫn các phương pháp tiếp cận sáng tạo nhằm phân tích mức độ bình đẳng trong giáo dục. Hoạt động này bao gồm phân tích dữ liệu, phân tích các rào cản và nút thắt và xác định các lựa chọn chính sách giúp xóa bỏ những rào cản này. Nghiên cứu đánh dấu sự kiện lần đầu tiên tại Việt Nam, số liệu thống kê được sử dụng phục vụ một nghiên cứu về giáo dục và xác định được những bằng chứng vững chắc về sự thiếu đồng đều, đặc biệt thông qua phân tích số liệu cấp tỉnh.

Tỷ lệ trẻ em ngoài trường học cao nhất trong số trẻ em khuyết tật, trẻ em thuộc các nhóm dân tộc thiểu số và trẻ em di cư độ tuổi từ 14 đến 15.

- Theo nghiên cứu này, tỷ lệ trẻ em khuyết tật chưa bao giờ đến trường hoặc bỏ học (ngoài trường học) chiếm trên 80% trong tất cả các nhóm ở độ tuổi đến trường. Tỷ lệ này là 91,4% đối với trẻ khuyết tật ở độ tuổi từ 11 đến 14.
- Tỷ lệ trẻ chưa bao giờ tới trường đặc biệt cao trong nhóm trẻ em dân tộc thiểu số. Khoảng một phần tư trẻ em người Mông ở độ tuổi đến trường chưa bao giờ được đi học dưới bất kỳ hình thức nào.
- Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các nhóm trẻ em di cư thường có thành tích thấp

hơn so với các nhóm trẻ em không di cư và sự khác biệt gia tăng theo độ tuổi. Các gia đình di cư thường có tỷ lệ trẻ em ngoài trường học cao hơn so với các gia đình không di cư, cụ thể là 1,3 lần ở độ tuổi 5 tuổi, 1,8 lần ở độ tuổi tiểu học và 2,4 lần ở độ tuổi trung học cơ sở.

Nghiên cứu giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những rào cản và nút thắt khiến trẻ không được đến trường cũng như khơi dậy các cuộc đối thoại chính sách và quy hoạch ngành để có thể xác định được các biện pháp mục tiêu nhằm tăng cường hoạt động quản lý trẻ em ngoài trường học và giúp các em có cơ hội tiếp cận giáo dục tốt hơn.

LHQ cũng có những hoạt động nhằm giải quyết khoảng cách số liệu gây cản trở cho việc giám sát giáo dục hòa nhập. UNICEF hỗ trợ Bộ GD&ĐT áp dụng bộ chỉ số mới cho Niên giám thống kê giáo dục 2013-2014 với các số liệu về giới, dân tộc, tỷ lệ học sinh – giáo viên và tỷ lệ học sinh – lớp học cũng như sự phân bố dân tộc ở các cấp giáo dục theo vùng và tỉnh thành.

Ví dụ:

- Mặc dù tỷ lệ bỏ học ở cấp tiểu học trên cả nước là 0,21%, tỷ lệ này tại một số tỉnh lại cao hơn như 1,077% (tại Đồng Tháp) và 1,188% (tại An Giang), qua đó cho thấy còn tồn tại khoảng cách lớn trong lĩnh vực giáo dục chất lượng tại một số tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long (năm học 2012-2013).
- Tỷ lệ giáo viên – lớp học trên cả nước đạt

1,39 với 1,49 tại Điện Biên, 1,14 tại Sơn La và Đồng Tháp là 1,25 cho thấy tình trạng thiếu giáo viên tại một số tỉnh, đặc biệt giáo viên dạy cả ngày (năm học 2013-2014).

- Tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học trên toàn quốc là 92,25% - trong khi đó tỷ lệ này ở tỉnh Sóc Trăng là 76,07%, tại Hà Giang là 76,71% và 78,74% tại tỉnh Gia Lai cho thấy sự không đồng đều về giáo dục chất lượng và kết quả học tập (năm học 2012-2013).

Những vấn đề mới được đặt ra liên quan đến bình đẳng và chất lượng trong giáo dục như đổi mới chương trình giảng dạy và phát triển giáo viên đã làm nổi ra nhiều tranh luận trong năm 2014. Tuần lễ toàn cầu hành động vì giáo dục cho mọi người năm 2014 do Bộ GD&ĐT tổ chức thực hiện với sự hỗ trợ của UNESCO, ILO, UNICEF và UNDP là một diễn đàn tổ chức các cuộc thảo luận này với chủ đề trọng tâm là “Người khuyết tật có quyền thụ hưởng một nền giáo dục chất lượng, thân thiện và bình đẳng”. Sáng kiến này cũng xem xét phương thức đảm bảo giáo dục chất lượng và hòa nhập và tạo điều kiện cho người khuyết tật vượt qua các rào cản cũng như thực hiện quyền thụ hưởng giáo dục của họ.

Diễn đàn liên ngành về giáo dục, với sự tham gia của UNESCO, ILO và UNICEF là cơ hội để mở rộng đối thoại giữa các bên hữu quan trong lĩnh vực giáo dục về cải cách giáo dục và sửa đổi chương trình giảng dạy cũng như thảo luận các sáng kiến nhằm hỗ trợ việc triển khai Kế hoạch chiến lược về phát triển giáo dục.

LHQ đã có nhiều nỗ lực đáng kể góp phần vào thực hiện các kết quả thứ hai và thứ ba, cụ thể là **tăng cường năng lực của các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao kết quả học tập** (kết quả 2.3.2) và **nâng cao năng lực của các tổ chức và nhà quản lý giáo dục để xây dựng, triển khai và giám sát các chính sách và chương trình nâng cao chất lượng giáo dục cho mọi người** (kết quả 2.3.3).

Việc áp dụng các công cụ và hướng dẫn mới đã giúp tăng cường năng lực của các nhà quản lý giáo dục và giáo viên trong việc hiểu và vận dụng các phương pháp thân thiện với người học và lấy trẻ em làm trung tâm. ‘Hướng dẫn truyền thông vận động về Đẩy mạnh đào tạo giáo viên hòa nhập’ hướng dẫn hoạt động tuyên truyền giáo dục hòa nhập tại địa phương. Sáng kiến này do Bộ GD&ĐT triển khai cùng với Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Khoa học Giáo dục Quốc gia Việt Nam và UNESCO. Bản dịch của tài liệu này được chia thành sáu phần với mục tiêu thay đổi tư duy của các nhà hoạch định chính sách giáo dục, các chuyên gia đào tạo sư phạm, các giáo viên, và các bên hữu quan khác trong việc hỗ trợ hơn nữa cho các nhóm thiệt thòi bao gồm các bé gái, trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ khuyết tật giúp họ được tiếp cận bình đẳng với nền giáo dục chất lượng tốt.

Tài liệu hướng dẫn lồng ghép các giá trị Di sản văn hóa phi vật thể vào chương trình giảng dạy đã hỗ trợ giáo viên áp dụng phương pháp có sự tham gia của người học vào các hoạt động tại học đường nhằm củng cố hiểu biết của học sinh về văn hóa địa phương. UNESCO phối hợp với Bộ GD&ĐT xây dựng tài liệu Hướng dẫn dành cho Giáo viên trong đó có 5 bài mẫu về lồng ghép Di sản Văn hóa Phi vật thể vào chương trình giảng dạy của bậc trung học cơ sở. Đối tượng tham gia gồm 20 chuyên gia xây dựng chương trình giảng dạy của Hà Nội và Hòa Bình cùng với 20 giáo viên từ ba trường thí điểm. Nhờ hoạt động tuyên truyền trên cả nước, 600 chuyên gia xây dựng chương trình giảng dạy đã tiếp cận được tài liệu này thông qua hệ thống xuất bản của Bộ GD&ĐT với 3.000 bản in đã được cấp phát cho 63 tỉnh thành và thông qua cổng điện tử www.giaoducphothong.edu.vn.

Cuối cùng, LHQ đã có hoạt động hỗ trợ kỹ thuật sâu rộng nhằm tăng cường năng lực của ngành giáo dục trong việc sẵn sàng và ứng phó với DRR và biến đổi khí hậu ở cấp trung ương và địa phương. Hoạt động điều phối dưới sự chỉ đạo



của Bộ GD&ĐT đã nhận được sự hỗ trợ từ các hoạt động đánh giá và giám sát tình huống và xây dựng cơ chế điều phối hoạt động ứng phó trong tình huống khẩn cấp. Với sự hỗ trợ của UNESCO và UNICEF, khung chương trình giảng dạy về DRR và Giáo dục Biến đổi Khí hậu đã được phê duyệt và phổ biến làm cơ sở xây dựng chương trình giảng dạy quốc gia chi tiết. Thông qua hỗ trợ kỹ thuật của UNESCO và UNICEF như tận dụng các nguồn lực cho các kế hoạch của ngành giáo dục và thông qua việc xây dựng các khóa đào tạo giáo viên phụ trách học tập điện tử dành cho các giáo viên tiểu học trên cả nước về Giáo dục Phát triển Bền vững, năng lực của Bộ GD&ĐT đã được tăng cường phục vụ triển khai các Kế hoạch Hành động cấp tỉnh và khung chương trình giảng dạy về DRR, Giáo dục Biến đổi Khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học.

Câu chuyện điển hình:

Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật

Việt Nam hiện có 6,7 triệu người khuyết tật, trong số đó có 1,3 triệu trẻ em. Mặc dù khung pháp lý đảm bảo việc tiếp cận giáo dục hòa nhập, đặc biệt ở các trường chính quy đã được quy định rõ ràng tại Luật Người khuyết tật và Công ước về Quyền của Người khuyết tật, nhưng việc tiếp cận bình đẳng giáo dục

hòa nhập chất lượng vẫn còn nhiều thách thức và khoảng cách chưa thể xóa bỏ. Trẻ khuyết tật chiếm phần lớn trong tổng số trẻ em ngoài nhà trường với tỷ lệ 83,1% so với trẻ em bình thường (11,8%).

Tuy nhiên, trong năm 2014 LHQ đã góp phần tạo ra động lực mạnh mẽ nhằm gia tăng cơ hội giáo dục cho trẻ khuyết tật. Trong tháng 5, Tuần lễ toàn cầu hành động vì giáo dục cho mọi người đã được phát động tại Việt Nam với chủ đề “Người khuyết tật có quyền thụ hưởng một nền giáo dục chất lượng, thân thiện và bình đẳng”. Dưới sự điều phối của LHQ cùng với sự hỗ trợ của 20 tổ chức, bao gồm các NGO trong nước/quốc tế và mạng lưới người khuyết tật, sự kiện này đã tạo dựng được tiếng vang lớn đối với việc thực thi các chính sách, chương trình và các biện pháp nhằm hỗ trợ quyền và cơ hội bình đẳng trong giáo dục và trong cuộc sống cho tất cả mọi người.

Nhằm tạo điều kiện cho tất cả trẻ em được đến trường và học tập, LHQ đã phối hợp chặt chẽ với Bộ GD&ĐT cùng các đối tác khác nhằm đẩy mạnh việc thực hiện các quyền giáo dục của trẻ khuyết tật. Hoạt động này không những hướng đến mục tiêu tác động tới hoạt động xây dựng chính sách mà còn đảm bảo việc triển khai chính sách một cách hiệu quả. LHQ có thể có những đóng góp ý nghĩa vào hoạt động xây dựng chính sách thông qua hỗ trợ kỹ thuật và xúc tiến tham

Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013





vấn với người khuyết tật cũng như giám sát chính sách phục vụ công tác xây dựng Thông tư 42/2013 quy định các chính sách giáo dục hỗ trợ cụ thể cho người khuyết tật. Sau khi chính sách này có hiệu lực vào tháng 3/2014, LHQ đã tiến hành giám sát việc thực hiện chính sách này tại một số tỉnh qua các hoạt động tập huấn giáo viên về giáo dục hòa nhập, nâng cao nhận thức của cộng đồng để giảm thiểu kỳ thị và giám sát cũng như ghi chép phục vụ mục tiêu tuyên truyền phổ biến trên cả nước. Hoạt động giám sát chính sách đã cho thấy những thay đổi quan trọng bao gồm việc quản lý trẻ khuyết tật có hệ thống hơn, kịp thời chứng nhận khuyết tật để trẻ có thể nhập học vào các trường chính quy, phụ huynh có thái độ tích cực hơn và giáo viên sau khi được tập huấn thể hiện các kỹ năng cao hơn khi tiếp xúc với trẻ gặp khó khăn trong học tập. Tất cả những thay đổi này đã góp phần quan trọng vào việc tăng cường sự hòa nhập trẻ khuyết tật vào môi trường học đường.

Bên cạnh đó, ấn phẩm Hướng dẫn truyền thông vận động về Đẩy mạnh đào tạo giáo viên hòa nhập dành cho khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cũng đã được dịch sang tiếng Việt và áp dụng vào bối cảnh trong nước. Đây cũng là công cụ cho các nhà hoạch định chính sách, giáo viên và cộng đồng nhằm đẩy mạnh tuyên truyền về giáo dục hòa nhập.

Ở cấp độ vĩ mô hơn, LHQ đang phối hợp với các đối tác giáo dục nhằm lồng ghép nhận thức về khuyết tật vào hoạt động giáo dục chuẩn bị sẵn sàng cho tình huống khẩn cấp, giáo dục về DRR và biến đổi khí hậu nhằm nâng cao khả năng phân tích dữ liệu liên quan đến yếu tố khuyết tật. Đây là yếu tố giúp tăng cường hoạt động theo dõi tình huống và lồng ghép các vấn đề liên quan đến trẻ khuyết tật vào hoạt động quy hoạch ngành giáo dục để tận dụng nguồn vốn dành cho giáo dục hòa nhập.

Hòa nhập chính là những thay đổi thiết thực giúp trẻ em, đặc biệt là trẻ em có xuất thân và khả năng khác nhau có thể đến trường và học tập tốt. Những thay đổi này sẽ không chỉ mang lại lợi ích cho những trẻ bị gạt ra lề do bị khuyết tật mà còn có lợi cho tất cả trẻ em, phụ huynh, giáo viên và cộng đồng.

UNESCO, UNICEF

Kết quả 2.4 (I): Phòng chống HIV

Giới và HIV đã được Chính phủ Việt Nam cũng như LHQ và các đối tác phát triển xác định là những lĩnh vực quan trọng, thể hiện trong Phân tích Quốc gia chung và phân tích của LHQ đồng thời trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội. Giải quyết các hình thức bất bình đẳng dai dẳng, đặc biệt bất bình đẳng giới cùng với sự phân biệt đối xử và kỳ thị là rất quan trọng để đảm bảo tăng trưởng toàn diện và bền vững. Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã đạt được những tiến bộ tích cực trong điều phối, tư vấn chính sách vĩ mô và xây dựng năng lực quốc gia về giới và HIV. Tuy nhiên, vẫn còn sự cách biệt khá lớn giữa nông thôn và thành thị, giữa vùng nghèo và vùng có điều kiện kinh tế khá cũng như giữa các nhóm kinh tế-xã hội khác nhau. Để giải quyết các thách thức còn tồn tại, LHQ đang hỗ trợ các cơ quan của Chính phủ trong bốn lĩnh vực: xây dựng khung pháp lý và chính sách tốt hơn dựa vào bằng chứng trong các ứng phó với HIV; khuyến khích sự tham gia nhiều hơn của những người đang sống chung với HIV vào quá trình ra các quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của họ; những thay đổi về chính sách pháp lý giúp nâng cao hiệu quả các nỗ lực chấm dứt phân biệt đối xử và bạo lực giới cùng với các cơ chế giúp thực thi có hiệu quả các nỗ lực này từ cấp quốc gia tới cơ sở.

Bối cảnh

Năm 2014, công tác phòng chống HIV tại Việt Nam đang đứng trước những ngã rẽ lớn. Trong hơn 25 năm qua đã có rất nhiều tiến bộ đạt được trong việc ngăn ngừa các ca nhiễm mới và giảm tỷ lệ tử vong liên quan đến AIDS. Số lượng các ca nhiễm mới báo cáo lên Bộ Y Tế đã giảm nhanh chóng giai đoạn 2007 và 2009 và đã duy trì ổn định ở con số khoảng 14.000 ca mỗi năm kể từ năm 2010. Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm tiêm chích và lao động tình dục đã giảm mạnh mẽ một phần lớn là nhờ vào các biện pháp can thiệp mục tiêu giảm tác hại. Công tác chống truyền nhiễm từ mẹ sang con cũng đã đạt được nhiều tiến bộ. Cuối cùng, tỷ lệ nhiễm và tử vong liên quan đến AIDS đã giảm nhờ nhân rộng các dịch vụ xét nghiệm, điều trị và chăm sóc dành cho người sống chung với HIV và đưa tỷ lệ người được điều trị bằng thuốc kháng retrovirus lên đến 67,6% trong số những người thuộc diện điều trị trong năm 2013.

Tuy nhiên, AIDS hiện nay vẫn là nguyên nhân chính gây ra tử vong sớm trong khi tình trạng kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người sống chung với HIV vẫn còn rất cao. Năm 2011, một cuộc khảo sát các hộ gia đình trên toàn quốc chỉ ra rằng 29% số phụ nữ trưởng thành tại Việt Nam cho biết họ sẽ đối xử với người sống chung với HIV như người không nhiễm HIV. Cuộc khảo sát này được tiến hành lần 2 vào năm 2014 và thu được kết quả tương đồng mặc dù Chính phủ đã có nhiều hoạt động nâng cao nhận thức của người dân về HIV trong ba năm qua. Nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ đang hạn hẹp dần và nguồn tài chính trong nước chưa được phân bổ để lấp đầy khoảng trống này. Việt Nam cần phải có các quyết định mạnh mẽ nếu không muốn đối mặt với tình trạng tái gia tăng các ca lây nhiễm HIV và tử vong vì AIDS.

Mặc dù phải đối mặt với những thách thức trên, năm 2014 không những Chính phủ tái khẳng định cam kết hoàn thành các mục tiêu quốc gia theo các mục tiêu MDG và Tuyên bố Chính trị năm 2011 của Đại hội đồng LHQ về HIV/AIDS mà Việt Nam đã trở thành quốc gia đầu tiên tại Châu Á thông qua các mục tiêu mới tham vọng về xét nghiệm và điều trị HIV “90-90-90”.



© UNICEF Viet Nam/Truong Viet Hung

Những mục tiêu này đồng nghĩa với việc đến năm 2020, 90% người nhiễm HIV sẽ biết được tình trạng HIV của bản thân; 90% người được chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng retrovirus suốt đời; và 90% tất cả những người sử dụng liệu pháp kháng retrovirus sẽ đạt tải lượng virus ở dưới ngưỡng ức chế và ổn định.

Tuy nhiên, hiện nay các khía cạnh quyền con người và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động phòng chống HIV đang vướng phải một thách thức lớn. Trước áp lực mạnh mẽ từ các tính có tỷ lệ nghiện ma túy và tội phạm liên quan đến ma túy ngày một gia tăng, vào tháng 11 Quốc Hội đã đồng ý cho phép chính quyền địa phương tạm giữ những người được cho là có sử dụng ma túy trái phép và không có nơi cư trú ổn định tại các “trung tâm xã hội” đặc biệt (có thể là tại các trung tâm điều trị bắt buộc số 06) trong khi chờ xét xử. Cộng đồng quốc tế xem đây là một bước thụt lùi về mặt pháp lý và quyền con người.

Kết quả năm 2014

Năm 2014, LHQ đã có những nỗ lực chung đáng kể góp phần hỗ trợ Chính phủ đảm bảo **khung pháp lý và chính sách mạnh mẽ hơn cho hoạt động phòng chống HIV dựa trên thực chứng** (kết quả 2.4.1) và **người nhiễm HIV tham gia mạnh mẽ hơn vào các quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ** (kết quả 2.4.2). Trước những mục tiêu tham

vọng của Việt Nam trong hoạt động phòng chống HIV và những thách thức nghiêm trọng ở phía trước, Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) trực thuộc Bộ Y Tế đã xây dựng khung đầu tư chiến lược phòng, chống HIV với sự tham vấn của của các đối tác phát triển và các bên liên quan. Khung đầu tư này sẽ giúp xác định các hành động ưu tiên thực hiện để phòng chống HIV hữu hiệu, hiệu quả và bền vững hơn tiến tới hoàn thành mục tiêu xóa bỏ AIDS vào năm 2030. Đây là quy trình nhận được sự hỗ trợ chặt chẽ từ phía UNAIDS và WHO với các hoạt động tóm lược và thu thập các thông tin đầu vào do các cơ quan khác của LHQ cung cấp. UNAIDS cũng ủng hộ quyết định của Chính phủ thông qua các mục tiêu điều trị mới 90-90-90. Năm 2014, LHQ cũng đã hỗ trợ việc triển khai một số trụ cột của khung đầu tư này. Trước thách thức trong việc kiểm soát các chi phí điều trị cho số lượng ngày một lớn người nhiễm HIV, UNFPA, UNICEF và WHO đã hỗ trợ Bộ Y Tế lồng ghép hơn nữa HIV vào các dịch vụ khác như sức khỏe tình dục và sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em và các dịch vụ phòng chống bệnh lao. Việc phân cấp hoạt động xét nghiệm và điều trị HIV xuống các cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu cấp xã đã được mở rộng thông qua sáng kiến Điều trị 2.0 do WHO và UNAIDS hỗ trợ. Khung đầu tư này cũng là một phần quan trọng trong báo cáo đánh giá chương trình phòng chống HIV của ngành y tế và là đề xuất giải trình của Việt



Nam trong hồ sơ xin hỗ trợ tài chính từ Quỹ Toàn cầu. Quỹ Toàn cầu đã phê duyệt hồ sơ này vào tháng 11 và các hoạt động đàm phán chi tiết đang diễn ra với mục tiêu giúp giúp Việt Nam tiếp nhận khoản hỗ trợ tài chính lên đến 107 triệu đô-la Mỹ dành cho các hoạt động phòng chống HIV và bệnh lao giai đoạn 2014-2017.

Các dự án thí điểm và nghiên cứu điển hình do LHQ hỗ trợ đã tạo ra bằng chứng giúp các nhà hoạch định chính sách và quản lý chương trình cấp quốc gia và cấp tỉnh có thể triển khai các hoạt động phòng chống HIV một cách hiệu quả và đạt hiệu suất cao hơn. Những bằng chứng về điều kiện làm việc của lao động tình dục được thu thập thông qua sự hỗ trợ của ILO và UNAIDS và cùng với đó WHO hỗ trợ các nghiên cứu về mở rộng hoạt động xét nghiệm HIV và áp dụng điều trị bằng thuốc kháng virus (ART) từ sớm cho nhóm dân cư chính. UNODC và WHO cũng hỗ trợ thành lập mô hình cai nghiện tại cộng đồng thay cho các “trung tâm 06” thông qua việc tổ chức các hội thảo và tập huấn cũng như xây dựng chính sách và tài liệu hướng dẫn. Tài liệu hướng dẫn điều trị dài hạn bằng methodone tại trại giam đã được xây dựng và dự kiến sẽ được hoàn thiện vào năm 2015. LHQ cũng hỗ trợ hài hòa hóa đơn giá cho dịch vụ điều trị HIV, dự toán nhu cầu tài chính

và dự báo tác động tương lai mà một số kịch bản nhân rộng công tác phòng chống HIV có thể tạo ra. Đã có nhiều nỗ lực nhằm nâng cao chất lượng số liệu thu thập được từ hoạt động giám sát trọng điểm HIV cũng như đưa ra các con số ước tính và dự báo, xây dựng số liệu chương trình để Chính phủ báo cáo về các cam kết quốc tế và xây dựng cũng như triển khai thí điểm hệ thống giám sát điện tử việc cung cấp các dịch vụ xét nghiệm, chăm sóc và điều trị người nhiễm HIV.

Thành công và thách thức là hai yếu tố luôn song hành trong nỗ lực tăng cường sự tham gia của xã hội dân sự vào công tác phòng chống, giảm thiểu kỳ thị và phân biệt đối xử cũng như tạo dựng môi trường thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ về HIV tới người nhiễm HIV và các nhóm dân cư chính có nguy cơ nhiễm HIV cao hơn. LHQ đi đầu trong việc nhanh chóng có các hoạt động liên kết vận động cấp cao trong bối cảnh các quan chức cấp cao của Chính phủ xem xét sửa đổi việc tạm giữ và điều trị bắt buộc đối với người nghiện ma túy. Cơ quan Phụ nữ của LHQ (UN Women), UNDP, UNFPA, UNODC và UNAIDS đã thực hiện xây dựng năng lực cho người có quyền nhằm vận động thực hiện những quyền này và tham gia vào quá trình ra quyết định thông qua thu thập chứng cứ, tập huấn cho người có nghĩa vụ, người có quyền và

các đơn vị cung cấp dịch vụ cộng đồng, các sáng kiến nâng cao nhận thức và đối thoại về cách thức nâng cao chất lượng hoạt động phối hợp liên ngành. UNFPA, UNAIDS và ILO phối hợp chặt chẽ với Bộ LĐTB&XH, các CSO và mạng lưới lao động tình dục quốc gia nhằm tạo dựng sự phối hợp và hợp tác mạnh mẽ hơn giữa các cán bộ xã hội, cơ quan công an, đơn vị y tế và lao động tình dục để có thể triển khai các biện pháp can thiệp giảm tác hại bao gồm các dịch vụ về sức khỏe tình dục và sinh sản và HIV. Cùng với việc UNFPA hỗ trợ mô hình can thiệp giảm tác hại tại Hải Phòng, ILO và UNAIDS đã xây dựng năng lực cho các CSO phụ trách vấn đề lao động tình dục nhằm vận động cải thiện điều kiện làm việc cho những người phục vụ trong các cơ sở giải trí có khả năng diễn ra hoạt động mua bán dâm. UNAIDS hỗ trợ Mạng lưới quốc gia của những người sống chung với HIV/AIDS tại Việt Nam (VNP+) tiến hành một nghiên cứu về “Chỉ số kỳ thị” trong năm 2015 để mạng lưới sử dụng vào hoạt động vận động triển khai các biện pháp mạnh mẽ hơn giúp bảo vệ quyền của người nhiễm HIV và các nhóm dân cư chính có nguy cơ nhiễm HIV cao hơn và cùng với đó UN Women hỗ trợ các thành viên trong mạng lưới nghiên cứu những lợi ích mà Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ mang lại cho công tác vận động chống phân biệt đối xử và bảo vệ quyền lợi của các thành viên.

Tháng 4 năm 2014, cuộc trưng bày về tình dục lành mạnh cho thanh thiếu niên mang tên “Chuyện của người đang lớn” do UNESCO tài trợ cùng với sự phối hợp của Bộ GD&ĐT và các cơ quan khác của LHQ đã kết thúc sau sáu tháng. Sự kiện này đánh dấu lần đầu tiên loại hình trưng bày này được tổ chức tại Việt Nam và phương pháp tiếp cận có sự tham gia của thanh thiếu niên giúp người trẻ được tiếp cận các vấn đề về tình dục một cách thú vị và hiệu quả. Trưng bày đã thu hút được 68.000 lượt người tham quan trong đó 36% là thanh thiếu niên có độ tuổi từ 11-24. Một cuốn sổ tay hỏi đáp thường gặp về tình dục an toàn cũng đã được soạn thảo trong năm 2014 nhằm duy trì và lan tỏa tác động của cuộc trưng bày với sự tham gia tích cực của thanh thiếu niên. Bộ GD&ĐT sẽ phân phối cuốn sổ tay này tới các trường học và các trung tâm học tập cộng đồng trong năm 2015.

Câu chuyện điển hình:

Đầu tư chiến lược vào HIV và quyền con người

Mặc dù đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong công tác phòng ngừa các ca lây nhiễm HIV mới, giảm tỷ lệ tử vong liên quan đến AIDS và dần dần nhân rộng các biện pháp can thiệp giảm nguy hại cũng như điều trị và chăm sóc tại các tỉnh có tỷ lệ nhiễm HIV cao, Việt Nam hiện đang đối mặt với những thách thức to lớn trong việc duy trì hoạt động phòng chống HIV trên quy mô toàn quốc.

Đóng góp của các nhà tài trợ quốc tế đang trên đà suy giảm trong khi nguồn lực trong nước còn hạn hẹp. Số lượng lũy kế các ca nhiễm HIV và tử vong liên quan đến AIDS tiếp tục gia tăng. Những thành quả mà khó khăn lắm Việt Nam mới đạt được có thể sẽ tiêu tan nếu Việt Nam không tăng cường đầu tư mạnh mẽ vào HIV trong những năm tới thay vì tập trung vào việc tiếp tục đạt được những tiến bộ liên quan đến dịch bệnh này.

Năm 2014, Bộ Y Tế⁹ đã xây dựng khung đầu tư toàn diện phòng chống HIV. LHQ thông qua UNAIDS đã có những tư vấn chiến lược trong quá trình xây dựng bao gồm hướng dẫn về “phương pháp đầu tư” giúp đầu tư có trọng tâm và xác định ưu tiên tốt hơn trên cơ sở những hiểu biết khác biệt về dịch bệnh cùng với các biện pháp can thiệp đã phát huy hiệu quả trên thực tế. UNAIDS và WHO cung cấp hỗ trợ kỹ thuật toàn diện tập trung vào việc xây dựng một Mô hình Dịch AIDS nhằm dự toán chi phí và dự báo tác động của các phương án chính sách và mức độ bao phủ của chương trình. Cuối cùng khung đầu tư xác định được sáu hành động ưu tiên để có thể tăng cường hiệu quả, hiệu suất và tính bền vững của hoạt động phòng chống HIV cũng như đưa đất nước bắt kịp tiến độ xóa bỏ AIDS, một nguy cơ sức khỏe cộng đồng, vào năm 2030 (xem khung).

Kể từ khi khung đầu tư được hoàn thiện vào tháng 8 năm 2014, Chính phủ đã triển khai một số bước đi quyết liệt. Trong chuyến công du tới Hà Nội vào tháng 10 của Giám đốc Điều hành UNAIDS, ông Michel Sidibe, Phó

9 (Cục Phòng Chống HIV, viết tắt là VAAC)



Lĩnh vực trọng tâm 2

Thủ tướng Vũ Đức Đam đã cam kết Chính phủ sẽ xóa bỏ AIDS vào năm 2030 và Việt Nam trở thành quốc gia đầu tiên trong khu vực thông qua các mục tiêu tham vọng về xét nghiệm và điều trị HIV mới 90-90-90. Khung đầu tư này cũng là một văn bản quan trọng trong bộ hồ sơ trình lên Quỹ Toàn cầu và được Quỹ này phê duyệt vào tháng 11.

Mặc dù tiến bộ đã đạt được nhưng vẫn còn đó những thách thức lớn lao. Một thách thức to lớn đối với tính bền vững của hoạt động này là kiểm soát chi phí điều trị cho số lượng ngày một gia tăng người nhiễm HIV cần được điều trị. UNFPA, UNICEF và WHO hỗ trợ Bộ Y Tế tiếp tục lồng ghép hơn nữa HIV vào các lĩnh vực sức khỏe tình dục và sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em và các dịch vụ điều trị bệnh lao. Ngoài ra, hiện tượng kỳ thị và phân biệt đối xử với người nhiễm HIV vẫn là một rào cản cho việc tiếp nhận dịch vụ. Có nhiều bằng chứng cho thấy việc điều trị bằng thuốc kháng virus muộn đã dẫn tới tốc độ truyền nhiễm HIV và tỷ lệ tử vong cao hơn.

WHO và UNAIDS hỗ trợ VAAC triển khai một dự án thí điểm tại bốn tỉnh nhằm điều trị HIV sớm cho các nhóm dân cư chính và bạn đời của họ thông qua phân cấp triển khai các dịch vụ liên quan đến HIV và vận động mạnh mẽ hơn sự tham gia của các cộng đồng chính chịu ảnh hưởng. Dự án thí điểm bao gồm tiến hành một nghiên cứu khả thi tại Điện Biên và Cần Thơ về xét nghiệm và tư vấn HIV cho các cặp vợ chồng và áp dụng ngay điều trị ART cho các cặp vợ chồng có một người xét nghiệm dương tính. Các kết quả ban đầu cho thấy phần lớn bệnh nhân được giữ lại chăm sóc và đạt được tỷ lệ ức chế virus cao.

Hiện nay một nghiên cứu liên quan đang được triển khai tại hai tỉnh Thái Nguyên và Thanh Hóa về hoạt động xét nghiệm HIV định kỳ và áp dụng ngay biện pháp điều trị ART cho người tiêm chích ma túy và bạn đời của họ. Tính đến tháng 10 năm 2014, 175 người đã được mời tham gia nghiên cứu này và dự kiến kết quả nghiên cứu sẽ được công bố vào năm 2015. Dự án thí điểm này sẽ giúp

Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013





Lĩnh vực trọng tâm 2

thu thập thông tin phục vụ hoạt động sửa đổi chính sách nhằm tối đa hóa lợi ích phòng ngừa và điều trị mà ART mang lại giúp định hình chính sách và tài liệu hướng dẫn quốc gia về phòng ngừa, chăm sóc và điều trị HIV.

Tình trạng lây nhiễm HIV ở người tiêm chích ma túy vẫn là thách thức chính và Chính phủ đã và đang phải đấu tranh mạnh mẽ với tình trạng gia tăng sử dụng heroin, chất kích thích dạng amphetamine và các loại ma túy trái phép khác. Thực tế cho thấy việc xây dựng các biện pháp điều trị cai nghiện hiệu quả là một thách thức lớn đối với Chính phủ và LHQ đã thể hiện quan ngại đối với việc chữa bệnh bắt buộc người sử dụng ma túy tại các “trung tâm 06”.

Trong năm 2014, UNODC đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo tham vấn cấp tỉnh về điều trị cai nghiện tại cộng đồng với sự tham gia của các bộ chủ quản và chính quyền 19 tỉnh cũng như các tổ chức CSO. Tài liệu hướng dẫn toàn diện về các dịch vụ điều trị và chăm sóc tại cộng đồng cho người nghiện ma túy đã được

xây dựng và UNODC cùng với WHO đã tiến hành đánh giá toàn diện các dịch vụ dành cho người nghiện ma túy tại một số tỉnh thành nhằm hỗ trợ thiết kế một dự án điều trị tại cộng đồng thí điểm tại cấp tỉnh.

Trong thời gian tới, hỗ trợ xây dựng các phương án minh bạch, thực chứng và tự nguyện thay thế cho biện pháp quản chế bắt buộc hiện nay là trọng tâm hàng đầu trong hoạt động hỗ trợ tổng thể của LHQ dành cho Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng y tế, điều kiện lao động và công bằng cho người nhiễm HIV và những nhóm dân cư dễ bị tổn thương khác.

UNAIDS, WHO, UNODC, UNFPA và UNICEF

Kết quả 2.4 (II): Thúc đẩy bình đẳng giới

Giới và HIV đã được Chính phủ Việt Nam cũng như LHQ và các đối tác phát triển xác định là những lĩnh vực quan trọng, thể hiện trong Phân tích Quốc gia chung và phân tích của LHQ đồng thời trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội. Giải quyết các hình thức bất bình đẳng dai dẳng, đặc biệt bất bình đẳng giới cùng với sự phân biệt đối xử và kỳ thị là rất quan trọng để đảm bảo tăng trưởng toàn diện và bền vững. Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã đạt được những tiến bộ tích cực trong điều phối, tư vấn chính sách vĩ mô và xây dựng năng lực quốc gia về giới và HIV. Tuy nhiên, vẫn còn sự cách biệt khá lớn giữa nông thôn và thành thị, giữa vùng nghèo và vùng có điều kiện kinh tế khá cũng như giữa các nhóm kinh tế-xã hội khác nhau. Để giải quyết các thách thức còn tồn tại, LHQ đang hỗ trợ các cơ quan của Chính phủ trong bốn lĩnh vực: xây dựng khung pháp lý và chính sách tốt hơn dựa vào bằng chứng trong các ứng phó với HIV; khuyến khích sự tham gia nhiều hơn của những người đang sống chung với HIV vào quá trình ra các quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của họ; những thay đổi về chính sách pháp lý giúp nâng cao hiệu quả các nỗ lực chấm dứt phân biệt đối xử và bạo lực giới cùng với các cơ chế giúp thực thi có hiệu quả các nỗ lực này từ cấp quốc gia tới cơ sở.

Bối cảnh

Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc thực hiện MDG 3. Tình trạng bất bình đẳng giới tại bậc tiểu học đã được xóa bỏ. Năm 2012, lao động nữ chiếm 48,7% lực lượng lao động trong cả nước và phụ nữ nắm giữ 48% lượng công việc mới được tạo ra. Việt Nam tự hào là một trong những quốc gia có tỷ lệ đại biểu nữ trong Quốc Hội cao nhất Châu Á và tỷ lệ phụ nữ được bầu cử vào nhiệm kỳ 2011-2016 của Quốc Hội đạt 24,4%.

Tuy nhiên, đối với khả năng tiếp cận giáo dục cao học và cơ hội việc làm tốt, tình trạng bất bình đẳng giới vẫn còn hiện hữu. Số liệu của TCTK cho thấy năm 2011, mức thu nhập của lao động nữ thấp hơn lao động nam 13% và vào năm 2012 kết quả của một cuộc khảo sát quốc gia chỉ ra rằng phụ nữ chỉ được hưởng mức lương tương đương với 70-80% mức lương mà đồng nghiệp nam được hưởng. Tỷ lệ giới khi sinh tiếp tục tiến triển theo hướng trầm trọng hơn.

Bạo lực giới (GBV) vẫn là vấn đề nhức nhối trong đó hơn 85% nạn nhân là nữ giới. Năm 2010 tình trạng bạo lực gia đình phổ biến đã thu hút sự quan tâm đặc biệt sau khi kết quả một cuộc điều tra quốc gia cho thấy 58% phụ nữ đã lập gia đình đều đã từng trải qua một vài hình thức bạo lực gia đình. Năm 2014, một nghiên cứu do tổ chức Action Aid Quốc tế tại Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong Phát triển thực hiện tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy 87% phụ nữ và bé gái đã trải qua một vài hình thức quấy rối tình dục tại nơi công cộng. Một nghiên cứu khác do tổ chức Plan Quốc tế tại Việt Nam chỉ ra rằng chỉ có 13% bé gái và 8% bé trai cho rằng các bé gái được an toàn khi xuất hiện tại những địa điểm công cộng. Với sự hỗ trợ của LHQ, Chính phủ đang nỗ lực giải quyết vấn đề này. Tháng 2 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng chống bạo lực gia đình đến năm 2020 do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đề xuất, dẫn tới việc thành lập một mạng lưới phòng chống bạo lực gia đình trong cả nước. Ngoài ra, Chính phủ đã bắt tay vào việc xây dựng một chương trình quốc gia với chủ đề phòng chống GBV để tập trung giải quyết GBV cho giai đoạn 2016-2020.



© UN Viet Nam/Vakub Zak

Ngân sách Nhà nước dành cho triển khai Chương trình Quốc gia về Bình đẳng Giới đã bị cắt giảm 20% vào năm 2013 và tiếp tục cắt giảm thêm 50% vào năm 2014 đã gây thêm nhiều thách thức cho các bộ và tỉnh thành trong việc hoàn thành các mục tiêu quốc gia đề ra trong Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới giai đoạn 2011-2015.

Để chuẩn bị cho các cuộc bầu cử diễn ra vào năm 2016, nhiều bước đi tích cực đã được triển khai nhằm gia tăng tỷ lệ nữ giới nắm giữ các vị trí lãnh đạo, bao gồm các cuộc thảo luận cấp cao tại các tỉnh nhằm khuyến khích nữ giới tham gia vào các cơ quan đại diện và nắm giữ các vị trí lãnh đạo. Bên cạnh đó, Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ cũng đã trình dự thảo nghị định lên Thủ tướng về việc tăng cường vai trò của nữ giới trong các tổ chức đảng bên cạnh việc triển khai Nghị quyết 11 năm 2007 của Đảng.

Luật hôn nhân và gia đình sửa đổi được thông qua vào tháng 6 năm 2014. Luật mới nhấn mạnh quyền bình đẳng giữa các thành viên gia đình và quyền hợp pháp của nữ giới và có một số tiến bộ với việc xóa bỏ quy định cấm kết hôn đồng giới. Luật này cũng công nhận công việc nội trợ được coi như lao động có thu nhập trong quá trình phân chia tài sản. Tuy nhiên, luật mới vẫn chưa tuân thủ đầy đủ các thông lệ quốc tế về quyền con người của phụ nữ cũng như còn có những điều khoản chưa đồng bộ với các quy định

khác của pháp luật. Độ tuổi nghỉ hưu của nữ giới – một vấn đề được LHQ vận động mạnh mẽ kể từ năm 2012 – vẫn giữ nguyên là 55 tuổi và với nam giới là 60 tuổi mặc dù vấn đề này đã được thảo luận rộng rãi trong quá trình sửa đổi Luật bảo hiểm xã hội.

Các hoạt động tập trung vào vấn đề giới của xã hội dân sự đã được mở rộng trong năm 2014 đặc biệt thông qua những góp ý vào quy trình báo cáo của Ủy ban về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) cũng như tham gia vào công tác xây dựng Báo cáo quốc gia về Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, hướng tới báo cáo đánh giá toàn cầu (Bắc Kinh +20) vào năm 2015. Ngoài ra, trong năm 2014, hoạt động vận động thực chứng của tổ chức xã hội dân sự vì thành phố an toàn hơn cho phụ nữ và bé gái đã thu hút được sự quan tâm lớn của chính quyền. Tại thành phố Hồ Chí Minh, hưởng ứng cuộc khảo sát của nhóm xã hội dân sự về tình trạng quấy rối tình dục phụ nữ tại nơi công cộng, Sở Giao thông Vận tải đã phát động chiến dịch nhà vệ sinh công cộng an toàn và sạch sẽ và tại Hà Nội, sở này đề xuất sử dụng xe buýt riêng cho phụ nữ và bé gái. Việc ngày càng có nhiều cộng đồng LGBT hoạt động công khai cũng như sự gia tăng số lượng các cuộc thảo luận mở về những vấn đề mà các cộng đồng này đang gặp phải là những bước tiến đầy hứa hẹn.

Kết quả năm 2014

Việc ứng phó hiệu quả vấn đề bất bình đẳng giới ở cấp quốc gia đòi hỏi có các khuôn khổ và thực tiễn pháp lý cũng như chính sách về giới mạnh mẽ hơn nữa cùng với hoạt động quy hoạch, giám sát và lập ngân sách dựa trên bằng chứng thông qua sự điều phối đa ngành.

Trong năm 2014, LHQ đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc **tăng cường khuôn khổ chính sách, pháp luật, các chương trình và mô hình hoạt động nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử giới và bạo lực giới** (mục tiêu 2.4.3) thông qua hoạt động hỗ trợ dành cho Chính phủ và các bên liên quan. Với sự hỗ trợ của LHQ, Bộ LĐTB&XH đã xây dựng các công cụ tiêu chuẩn nhằm giám sát hoạt động lồng ghép giới trong ba lĩnh vực chọn lọc của Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới. Bên cạnh đó, Bộ này cũng đã tổ chức tham vấn để xác định các vấn đề quan ngại liên quan đến GBV để đưa vào đề xuất quốc gia về phòng chống GBV giai đoạn 2016-2020 bên cạnh vấn đề bạo lực gia đình. 105 cán bộ thuộc các bộ ngành liên quan đã được tập huấn sử dụng các công cụ này. Cùng với việc tăng cường kiến thức và năng lực cho một số bộ ngành thông qua các hoạt động tập huấn và đối thoại chính sách giúp cải thiện hoạt động hỗ trợ y tế dành cho các nạn nhân của tội phạm buôn bán người, giúp giải quyết tình trạng bất cân bằng trong tỷ lệ giới khi sinh và thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục cao học, các lĩnh vực khác cũng đã được hỗ trợ thông qua hoạt động xây dựng các công cụ mới như danh mục công việc phòng chống bạo lực gia đình (Bộ Công an (BCA)) và các chỉ số nhạy cảm giới trong truyền thông (MIC). Về thí điểm gói dịch vụ can thiệp tối thiểu phòng chống bạo lực gia đình – một trong những chỉ số thành công của mục tiêu này, các hợp phần chính của gói dịch vụ này như số điện thoại đường dây nóng và các hoạt động phòng ngừa ban đầu, chăm sóc sức khỏe cho nạn nhân cũng như trợ giúp pháp lý luôn trong tình trạng sẵn sàng phục vụ tại ba tỉnh mục tiêu. Đối với vấn đề quấy rối tình dục, hành vi bị cấm kể từ năm 2013 theo Bộ luật Lao động sửa đổi, với sự hỗ trợ của LHQ, vấn đề này đã có thêm những bước tiến mới khi Bộ LĐTB&XH đã thống nhất với các đối tác về lộ trình tiến

tới một bộ quy tắc hành động chống quấy rối tình dục tại nơi công cộng. Để có thể tạo ra môi trường thuận lợi và loại bỏ các hủ tục và tập tục cứng nhắc là nguyên nhân gốc rễ của tình trạng bất bình đẳng, một chiến dịch quốc gia kéo dài một tháng vận động tăng cường vai trò của nam giới và bé trai trong việc xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ đã được tổ chức nhân kỷ niệm chiến dịch 16 Ngày Hành động chống lại bạo lực giới năm thứ hai với sự hỗ trợ của LHQ. Chiến dịch đã quy tụ được hơn 20.000 thanh thiếu niên tham gia hơn 40 hoạt động và thông điệp của chiến dịch đã được tuyên truyền rộng rãi thông qua các phương tiện truyền thông trong đó có 230 đài truyền hình và gần 600 bài báo.

Hoạt động **tăng cường cơ chế điều phối đa ngành** (kết quả 2.4.4) nhằm nâng cao khả năng phòng chống phân biệt đối xử giới và GBV. Một lần nữa, LHQ có các hoạt động hỗ trợ nhóm Đối tác Hành động về giới, đơn vị đã góp ý cho việc xây dựng báo cáo đánh giá của Chính phủ trong năm 2014 về 20 năm triển khai Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh. Bên cạnh đó, hơn 200 đại diện của các bộ chủ quản, các cơ sở nghiên cứu và 25 CSO địa phương hoạt động về bình đẳng giới và trao quyền cho nữ giới đã đóng góp vào bản báo cáo này thông qua phương pháp tiếp cận có sự tham gia của nhiều bên. Báo cáo trình bày các nội dung thông tin và phân tích về các phương thức toàn diện giúp giải quyết 12 lĩnh vực trọng điểm của Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh cũng như xác định các ưu tiên của Chính Phủ trong vấn đề bình đẳng giới trong năm năm tới. Mạng lưới chống bạo lực gia đình cho Bộ VHNT&DL quản lý hiện nay đã đi vào hoạt động đầy đủ thông qua các cuộc họp sáu tháng một lần giúp Chính Phủ có thể điều phối và vận động tốt hơn sự tham gia của các CSO và các đối tác phát triển chính.

Trong năm 2014, với việc hoàn tất sáu nghiên cứu của LHQ, các nhà hoạch định chính sách và quy hoạch chương trình đã **được tiếp cận cơ sở bằng chứng phong phú giúp giải quyết hiệu quả hơn vấn đề GBV**. Các nghiên cứu này bao gồm nghiên cứu về hoạt động điều tra và khởi tố hành vi bạo lực tình dục đối với phụ nữ với sự tham gia của Bộ Tư pháp làm cơ sở cho việc sửa đổi Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự, đánh giá mô hình tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị



mua bán trở về trong số tay tập huấn của Bộ LĐTB&XH cấp cho các đơn vị hỗ trợ và một báo cáo thảo luận chung của LHQ hỗ trợ hoạt động xây dựng Chương trình Quốc gia về Phòng, Chống Bạo lực Giới. Bên cạnh đó, LHQ đã hỗ trợ việc xây dựng và áp dụng hướng dẫn chuẩn hóa dành cho cán bộ cấp tỉnh và cấp quốc gia trong việc sử dụng các số liệu thống kê quốc gia về giới phục vụ công tác báo cáo trong khuôn khổ Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới. Chín mươi cán bộ thuộc các sở ngành đã được tập huấn trang bị kiến thức chung về cách thức người sử dụng mục tiêu hiểu về chiến lược này và sẽ hỗ trợ các tỉnh trong việc tổng hợp số liệu để nâng cao hiệu quả giám sát và báo cáo.

Câu chuyện điển hình:

Cuộc chiến chống bạo lực giới

GBV tiếp tục là vấn đề nhức nhối của xã hội Việt Nam với 58% phụ nữ Việt Nam từng lập gia đình đều đã trải qua ít nhất một hình thức bạo lực thể chất, tình dục và tình cảm do bạn đời gây ra vào một thời điểm bất kỳ trong đời. Quan trọng hơn cả, 87% số phụ nữ này không tìm đến các dịch vụ trợ giúp công do không có sẵn và do lo ngại bị kỳ thị và phân biệt đối xử. Mặc dù Chính phủ đã chủ động đối phó với vấn đề GBV trong thời gian vừa qua nhưng đây vẫn là một vấn đề nghiêm trọng và phổ biến trong xã hội.

Để nghiên cứu sâu hơn vấn đề GBV và xác định khoảng cách trong công tác phòng chống của Việt Nam, năm 2014 LHQ đã tham gia thực hiện các nghiên cứu giúp hình thành cơ sở bằng chứng góp phần hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách giải quyết vấn đề này. Sáu báo cáo chính sách đã được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu và khảo sát được tiến hành trong thời gian gần đây về GBV, bạo lực gia đình, tỷ lệ giới khi sinh thiếu cân bằng, buôn bán người và phụ nữ trong hệ thống tư pháp. LHQ, Chính phủ và các đối tác liên quan có thể sử dụng những bằng chứng này vào công tác vận động tại các cuộc đối thoại chính sách, các hội thảo và các cuộc họp để có thể biến các số liệu về phòng chống GBV thành những hành động cụ thể.

Bên cạnh hỗ trợ xây dựng chính sách, LHQ cũng giúp Chính phủ triển khai thí điểm gói can thiệp tối thiểu cho nạn nhân GBV tại một số tỉnh bao gồm các dịch vụ về y tế, pháp lý và giới thiệu luật sư có thể nhân rộng trên toàn quốc vào năm 2016.

Do GBV là một hiện tượng phức tạp và đa diện và đòi hỏi phải có sự can thiệp từ nhiều ngành khác nhau nên trong năm 2014 LHQ đã tăng cường năng lực cho các đối tác của Chính phủ phụ trách GBV như các bộ, Hội nông dân, Hội phụ nữ để có thể điều phối tốt hơn hoạt động phòng chống GBV của các đơn vị này. Cùng với việc giới thiệu các công cụ và tài liệu tập huấn, LHQ cũng đã hỗ trợ kỹ thuật cho công tác xây dựng năng lực



cho trên 620 cán bộ Chính phủ về các lĩnh vực khác nhau như phương pháp tiếp xúc với nam giới và bé trai cũng như tội phạm GBV, các dịch vụ y tế, trợ giúp pháp lý và đội phản ứng nhanh của lực lượng công an để can thiệp vào các vụ việc GBV.

Về khía cạnh chính sách, khoảng cách mà LHQ đã chỉ ra trong khung pháp lý bảo vệ phụ nữ khỏi GBV đã được chia sẻ tại một hội thảo xây dựng năng lực có sự tham gia của các thành viên ban soạn thảo Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự từ các bộ liên quan, các chuyên gia nghiên cứu và chuyên gia tư pháp. Cùng với các thành viên thuộc xã hội dân sự và các nhà cung cấp dịch vụ, thành viên ban soạn thảo đã được nghe trình bày về những kịch bản mà phụ nữ có thể gặp phải và tham gia thảo luận tích cực phương thức nâng cao khả năng bảo vệ của pháp

luật đối với nạn nhân GBV cũng như cần có các biện pháp trừng phạt mạnh mẽ hơn. LHQ vận động vì mục tiêu đảm bảo các nạn nhân bạo lực gia đình có thể tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ theo quy định tại Chương trình Hành động Quốc gia về Phòng, Chống Bạo lực gia đình đã được thông qua vào tháng 2 năm 2014.

Nhờ vào nỗ lực chung của các cơ quan LHQ, các chiến dịch và các hoạt động truyền thông khác trong năm 2014, các đối tác của Chính phủ dần nhận thức được tầm quan trọng của việc vận động sự tham gia của nam giới và bé trai vào hoạt động phòng ngừa bạo lực với phụ nữ và bé gái và phương pháp tiếp cận mới này đã được chuyển thành các chương trình truyền thông phòng chống GBV. Ví dụ, Hội nông dân đã xây dựng một chương trình quốc gia vận động nam giới và bé trai tham

Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013





gia vào công tác phòng chống bạo lực gia đình và đã trình đề xuất có quy mô 2,4 triệu đô-la Mỹ này lên Chính phủ phê duyệt.

Ngoài ra, những hỗ trợ kỹ thuật và tài chính mà LHQ đã thực hiện giúp tăng cường năng lực của các đối tác của Chính phủ để có thể điều phối tốt hơn hoạt động phòng chống GBV trên cả nước. Chiến dịch phối hợp tuyên truyền hàng năm về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và bé gái cho thấy năng lực của Chính phủ về điều phối, hợp tác và truyền thông đã được cải thiện. So với chiến dịch của năm trước, trong năm 2014 sự quan tâm của truyền thông đối với chiến dịch này đã tăng gấp hai lần với trên 42 sự kiện thu hút sự tham gia của hơn 22 tổ chức bao gồm cả LHQ. Chiến dịch cũng đã thu hút được sự tham gia trực tiếp của hơn 20.000 thanh thiếu niên, chủ yếu là nam giới và bé trai với

sự theo dõi đưa tin của hơn 230 kênh truyền thông và 564 lượt tin bài trên các phương tiện báo chí, phát thanh và truyền hình.

UNFPA, UN Women, UNODC, IOM, UNV

Lĩnh vực trọng tâm 2

Báo cáo kết quả thường niên năm 2013: Thống nhất Hành động



Tăng cường quản trị công và sự tham gia



Cải cách hoạt động quản trị công hiện nay là nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện để có thể đối phó và quản lý các thách thức phức tạp mà Việt Nam sẽ gặp phải trong vòng 5 đến 10 năm tới. Chiến lược PTKTXH giai đoạn 2011-2020 nêu rõ nhu cầu cần “tăng cường năng lực và thiết lập các cơ chế để người dân thực hiện quyền của mình” với mục tiêu đảm bảo nền quản trị hiệu quả, có trách nhiệm và minh bạch hơn cho phép người dân Việt Nam được góp tiếng nói vào các quyết sách tác động đến mình.

Tiếp cận tư pháp, thực thi pháp luật có hiệu quả và hỗ trợ tư pháp cho tất cả các công dân, đặc biệt là những công dân dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất là một trụ cột quan trọng giúp tăng cường pháp quyền. Người dân vẫn cần có các phương tiện hiệu quả hơn để có thể bày tỏ ý kiến và phản hồi về những quyết sách có tác động đến họ cũng như các cơ chế hiệu quả tăng cường giám

sát hoạt động của Nhà nước mà cụ thể là các chính sách và kế hoạch kinh tế, xã hội. Các tổ chức xã hội trong Đảng cũng có vai trò quan trọng trong hoạt động giám sát. Cần có thêm các quy định mạnh mẽ hơn về trách nhiệm giải trình của các cơ quan Nhà nước trước người dân cũng như về việc minh bạch hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính công và hiệu quả sử dụng nguồn lực công. Cần có sự phối hợp đa ngành để giải quyết các yếu tố cản trở người dân tiếp cận các dịch vụ tư pháp và bảo vệ quyền lợi. Cần đạt được tiến bộ trong việc hội nhập sâu hơn nữa với các chuẩn mực về quyền con người quốc tế bao gồm các chiến lược hiệu quả giúp thực thi luật pháp và thông lệ chuẩn mực quốc tế phù hợp với các hiệp ước và công ước mà Việt Nam là thành viên. Để có thể thực hiện được những mục tiêu này, LHQ đã và đang tạo cơ hội cho người dân tham gia mạnh mẽ hơn vào quá trình ra quyết định về các ưu tiên chính sách và chi tiêu công.

Đây là năm đánh dấu lần thứ hai Việt Nam thực hiện Kiểm điểm Định kỳ Phổ quát (UPR) tại Hội đồng Nhân quyền cũng như đạt được một số chuyển biến pháp lý sau khi bản Hiến pháp mới được thông qua vào năm 2013. Trong những năm trở lại đây, đặc biệt kể từ khi trở thành thành viên của Hội đồng Nhân quyền của LHQ (<http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/HRC/Pages/CurrentMembers.aspx>) vào năm 2013, Quốc hội đã tham gia tích cực hơn vào những kiến nghị liên quan đến quyền con người với Chính phủ và cùng với Chính phủ tập trung mạnh mẽ hơn vào vấn đề quyền con người ở trong nước. Trên thực tế, một Nghị quyết của Bộ Chính trị ban hành năm 2013¹⁰ về hội nhập quốc tế đã nhấn mạnh việc hoàn thành các nghĩa vụ trong các công ước LHQ mà Việt Nam đã thông qua. Nghị quyết này là cơ sở chính trị để Chính phủ biến những cam kết này thành những hành động cụ thể trong năm 2014. Định hướng nội bộ này của Đảng được xem là dấu hiệu đáng khích lệ để LHQ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động vận động vì quyền con người và hỗ trợ Chính phủ phù hợp với sứ mệnh về quyền con người của LHQ.

UPR lần thứ hai đã đánh dấu một bước quan trọng nữa trong việc Việt Nam hội nhập hơn nữa vào các cơ chế quyền con người quốc tế. Các báo cáo của Chính phủ, xã hội dân sự và LHQ đã được xem xét đánh giá và 106 quốc gia thành viên của LHQ đã đưa ra 227 kiến nghị với Chính phủ giúp nâng cao hơn nữa hoạt động thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Phái đoàn cũng ghi nhận những bước tích cực đã đạt được trong vấn đề nhân quyền của Việt Nam, bao gồm việc đẩy mạnh thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và các bước thực hiện giảm tỷ lệ nghèo (bao gồm cổng thông tin điện tử về kiểm điểm lần hai tại địa chỉ: <http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/UPR/Pages/VNSession18.aspx>).

Phù hợp với sứ mệnh bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, LHQ đã hỗ trợ Chính phủ trong suốt quy trình UPR và đi cùng phái đoàn tới Geneva. LHQ cũng hỗ trợ tổ chức đối thoại định kỳ giữa Chính phủ với xã hội dân sự, các học giả và cộng đồng quốc tế cũng như tổ chức buổi tổng kết với các bên liên quan vào tháng 4 năm 2014 nhằm thảo

luận báo cáo quốc gia và kiến nghị đã tiếp nhận. Để quy trình UPR được hòa nhập hơn, LHQ đã hỗ trợ dịch và phổ biến bản dịch tiếng Việt báo cáo của LHQ.

Tháng 6 năm 2014, Chính phủ tiếp thu 182 kiến nghị (chiếm 83%), tương tự quy trình kiểm điểm lần 1 diễn ra vào tháng 5 năm 2009 (96 trong tổng số 123 kiến nghị). Ở lần 2 này, cộng đồng quốc tế ghi nhận những bước tiến tích cực, bao gồm việc tiếp thu những kiến nghị liên quan đến việc cấp thêm tư cách pháp nhân các tổ chức NGO và các nhóm xã hội dân sự và mở cửa hơn nữa để các cơ quan truyền thông ngoài Nhà nước hoạt động. Xin truy cập vào đường dẫn sau để xem các báo cáo và bảng tổng hợp các kiến nghị the Viet Nam page on the UPR website.

Cơ quan LHQ tại Việt Nam cam kết hỗ trợ các nỗ lực của quốc gia nhằm đảm bảo, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người thông qua Kế hoạch Chung 2012-2016 và triển khai các kiến nghị của UPR. Từ những kiến nghị từ hai lần kiểm điểm, một số tiến bộ quan trọng đã đạt được trong năm 2014 bao gồm:

- **Thông qua các Công ước Quốc tế về Quyền con người:** Một dấu mốc quan trọng diễn ra vào cuối năm 2014 khi Việt Nam thông qua Công ước về Quyền của người khuyết tật và Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Đây là hai công ước mà LHQ đã có nhiều hoạt động vận động tích cực.
- **Quyền được sống:** Việc áp dụng án tử hình tiếp tục là vấn đề khiến cộng đồng quốc tế, bao gồm các tổ chức NGO quan ngại. Trong quá trình thực hiện hai lần kiểm điểm UPR, các quốc gia đã có 37 kiến nghị về việc tạm dừng hoặc giảm mạnh việc áp dụng án tử hình. Việc Việt Nam công khai cam kết theo UPR giảm số tội danh chịu án tử hình dường như đã nhận được sự đồng thuận từ phía các nhà hoạch định chính sách cấp cao mặc dù việc thực hiện giảm số lượng án tử hình là biện pháp thiết thực duy nhất có tiến triển. Đáng chú ý, Bộ Tư pháp đã chính thức kiến nghị năm 2015 Bộ luật

10 Nghị quyết 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013.

Hình nên được sửa đổi theo hướng hạn chế áp dụng án tử hình. Về việc giam giữ hành chính đối với người sử dụng ma túy trái phép, dưới áp lực của công chúng đòi hỏi luật hóa quy định về giam giữ người sử dụng ma túy nhằm giảm tỷ lệ tội phạm đường phố đã gây khó khăn cho Quốc hội trong việc ban hành các cải cách pháp lý giúp tăng cường quyền lợi cho người bị giam giữ. Việc triển khai chậm chạp Luật xử lý vi phạm hành chính đã cản trở hệ thống tư pháp trong việc xử lý các vi phạm hành chính theo các công ước quốc tế và bảo vệ quyền con người, đặc biệt liên quan đến trẻ em vi phạm pháp luật và người sử dụng ma túy.

- **Tự do tôn giáo và tín ngưỡng:** Báo cáo viên Đặc biệt về tự do tôn giáo và tín ngưỡng đã được Chính phủ mời tới Việt Nam vào tháng 7 năm 2014. Báo cáo chính thức của quan chức này sẽ được trình bày trước phiên họp lần thứ 28 của Hội đồng Nhân quyền vào tháng 3 năm 2015.
- **Quyền im lặng:** Thông qua các cuộc hội thảo được LHQ hỗ trợ về các chuẩn mực xét xử công bằng quốc tế, về Công ước chống tra tấn và các kiến nghị từ UPR, trong năm 2014 Quốc Hội đã tổ chức nhiều cuộc hội đàm về quyền im lặng của người bị bắt giữ trong quá trình hỏi cung.
- **Được xét xử công bằng và trợ giúp pháp lý:** Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự đã được rà soát vào năm 2014 và sẽ được Quốc hội bàn thảo vào năm 2015. Hai văn bản luật này là cơ hội để Việt Nam đồng bộ hệ thống tư pháp của mình với chuẩn mực và cam kết quốc tế qua việc thông qua Công ước chống tra tấn và các kiến nghị UPR đã tiếp thu. Luật Tổ chức Tòa án quy định việc thành lập tòa án đầu tiên chuyên trách về trẻ em sau khi Ủy ban về Quyền trẻ em của LHQ nhiều lần kiến nghị. Bên cạnh đó, kiến nghị sửa đổi Bộ luật Tố tụng Hình sự cũng sẽ làm gia tăng quyền tư vấn ở giai đoạn đầu của quá trình tố tụng và cho phép bị cáo đưa ra chứng cứ độc lập trước tòa.

- **Quyền tham gia vào đời sống công cộng và đời sống chính trị:** Các CSO đang hoạt động ngày một tích cực hơn – và đóng vai trò quan trọng hơn trong quy trình lập pháp, tạo cơ hội để lồng ghép quan điểm của các tổ chức này vào quá trình ra quyết sách. Việc này diễn ra song song với việc Quốc hội cởi mở hơn trong việc lắng nghe ý kiến của xã hội dân sự. Các cuộc thảo luận về Luật Hiệp hội, dự kiến được thông qua trong năm 2015, tập trung vào khả năng xây dựng cơ sở pháp lý cho quyền tự do lập hội. Một số ví dụ về sự tham gia của xã hội dân sự bao gồm:

- Cung cấp thông tin cho việc soạn thảo Luật Đất đai, Luật Hộ tịch, Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Tham gia xây dựng Báo cáo UPR của xã hội dân sự Việt Nam cũng như cử một đại diện từ một tổ chức NGO của Việt Nam tham gia hoạt động kiểm điểm.
- Tham gia chuẩn bị cho các hội nghị Bắc Kinh+20 theo yêu cầu của Bộ LĐT&XH, cơ quan ghi nhận những thông tin mà xã hội dân sự cung cấp có thể giúp nâng cao hiệu quả phối hợp của Chính phủ với cộng đồng quốc tế.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các CSO có thể sẽ tiếp tục phải hoạt động trong một môi trường rất hạn chế và đòi hỏi phải được sự cho phép của Chính Phủ để hoạt động tại cấp địa phương, tình trạng gián đoạn cung cấp dịch vụ cho cử chi và sự công khai mạnh tay với những cán bộ phụ trách quyền tự do thể hiện và các vấn đề nhạy cảm khác.

Việc thông qua Hiến pháp mới năm 2013 đã tạo động lực cho nhiều chuyển biến lập pháp quan trọng trong năm 2014, cụ thể là việc rà soát các “luật tổ chức” quy định tổ chức của các cơ quan Nhà nước, Quốc hội, các Bộ và Tòa án. Việc xây dựng Luật tổ chức Chính phủ chú trọng vào việc thiết kế quyền lực của các định chế, tăng cường tính tách biệt – hay cơ chế tam quyền phân lập – quyền lực. Hoạt động cải cách lập pháp đang là cơ hội để nâng cao trách nhiệm giải trình của khu vực



công. Ví dụ, vai trò giám sát của Quốc hội đối với việc chi tiêu ngân sách của Chính phủ ngày càng được tăng cường và góp phần vào nâng cao trách nhiệm giải trình của Chính phủ. Tương tự, Đảng Cộng sản đang tham gia ngày một mạnh mẽ hơn vào hoạt động chống tham nhũng thông qua việc tăng cường chức năng giám sát của các đảng ủy. Chính phủ đã có những biện pháp mạnh mẽ để đẩy nhanh nghị trình cải cách công trên tất cả các lĩnh vực và tăng cường mức độ tuân thủ Công ước chống tham nhũng

nhưng các tiến độ thực hiện của các ngành không đồng đều.

Trong thời gian tới, để chuẩn bị cho Đại hội Đảng sẽ diễn ra vào đầu năm 2016, các bộ đã được giao nhiệm vụ xây dựng “tầm nhìn tới năm 2030” cho lĩnh vực mà bộ chủ quản và đây có tiềm năng trở thành lĩnh vực trọng điểm mà LHQ có thể hỗ trợ giúp xây dựng quy hoạch chiến lược dài hạn.

nh vực trọng tâm 3

Báo cáo kết quả thường niên năm 2013: Thống nhất Hành động



Kết quả 3.1: Các cơ quan dân cử có trách nhiệm hơn

Để đảm bảo các cơ quan dân cử có khả năng xây dựng luật và giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước trong việc xử lý các vấn đề cấp thiết về phụ nữ, dân tộc thiểu số và các nhóm dân cư dễ bị tổn thương và thiệt thòi, LHQ hiện đang hỗ trợ hai lĩnh vực. Lĩnh vực thứ nhất liên quan tới việc xây dựng và tiếp cận những nghiên cứu và dữ liệu chất lượng cao nhằm định hướng các nhiệm vụ lập pháp và tăng tiếp xúc với cử tri.

Kết quả năm 2014

Lĩnh vực thứ nhất liên quan tới việc xây dựng và tiếp cận những **nghiên cứu và dữ liệu chất lượng cao nhằm định hướng các nhiệm vụ lập pháp** (kết quả 3.1.1). Trong năm 2014, bằng việc cung cấp các nghiên cứu và dữ liệu liên quan, LHQ đã hỗ trợ công tác soạn thảo các văn bản luật sau:

Luật	Nghiên cứu và dữ liệu của LHQ	Hiện trạng
Luật Dân số (dự thảo)	Cuốn sổ tay hỏi đáp về các vấn đề dân số, quyền sinh sản và quyền phụ nữ đã được hoàn thiện và cấp cho các cán bộ dân cử trong quá trình tranh luận về dự thảo Luật Dân số.	Đang xây dựng
Luật Bảo vệ Môi trường	Các vấn đề liên quan đến trẻ em và biến đổi khí hậu được tổng hợp bằng phương pháp có sự tham gia của người dân, được soạn thảo và trình lên Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, cơ quan thẩm định	Đã thông qua: lồng ghép nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em
Luật Tổ chức chính quyền địa phương	Các vấn đề chính (bình đẳng, hiệu quả và hiệu suất trong phân bổ và sử dụng ngân sách hay vai trò, trách nhiệm và tính độc lập của Hội đồng Nhân dân) được xác định thông qua hoạt động tham vấn với cộng đồng và các cán bộ chính quyền địa phương kết hợp với các mô hình chính quyền địa phương theo nghiên cứu đã trình lên Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, cơ quan thẩm định	Đã thông qua bổ sung cụ thể các điều khoản về cơ chế cải thiện trách nhiệm giải trình, với số lượng thành viên UBND tỉnh và vai trò của các lãnh đạo Sở
Luật Ngân sách Nhà nước	Một nghiên cứu và Tuyên bố lập trường chung của LHQ (cùng các nội dung kiến nghị) về minh bạch, trách nhiệm giải trình, sự tham gia của người dân, vấn đề quyền trẻ em và các vấn đề về bình đẳng giới đã được trình lên Ủy ban Tài chính và Ngân sách của Quốc hội, cơ quan thẩm định	Đã thông qua bổ sung các điều khoản về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, sự tham gia và công bằng. Thông tin về ngân sách minh bạch hơn, bình đẳng giới là một nguyên tắc trong xây dựng ngân sách, thêm vào điều khoản cộng đồng giám sát, và các điều khoản cụ thể hơn về trách nhiệm giải trình của đơn vị quản lý ngân sách
Luật Bầu cử	Chia sẻ với ban soạn thảo và Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, cơ quan thẩm định, những thông tin về các chuẩn mực và thông lệ tốt của quốc tế về quyền ứng cử, số lượng phù hợp đại biểu và ứng viên là nữ giới, tính độc lập của Hội đồng Bầu cử Quốc gia.	Đã thông qua bổ sung điều khoản tỷ lệ giới trong đề cử
Bộ luật Dân sự và Luật Hộ tịch, Luật Hôn nhân và Gia đình	Tổ chức nhiều cuộc tham vấn, đối thoại chính sách về lồng ghép giới và trình hai báo cáo thảo luận lên các ban soạn thảo và Ủy ban về các vấn đề xã hội, cơ quan thẩm định	Đã thông qua: bỏ quy định cấm kết hôn đồng giới và bổ sung quy định mới nhằm bảo hộ quyền của phụ nữ
Luật An toàn và Vệ sinh Lao động	Cung cấp và chia sẻ với Bộ LĐTB&XH và Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội thông tin kỹ thuật đầu vào về những chuẩn mực và thông lệ tốt nhất của quốc tế, biên bản ghi nhớ chung giữa ILO và WHO cũng như các hoạt động tham vấn kỹ thuật	Đã thông qua bổ sung điều khoản mở rộng phạm vi bảo vệ và các nỗ lực phòng tránh về an toàn và vệ sinh lao động đối với các lao động trong khối không chính thức và xây dựng một hệ thống quản lý an toàn và vệ sinh lao động toàn quốc

Lĩnh vực thứ hai là **tăng cường năng lực của các cán bộ và cơ quan dân cử trong việc tham vấn với cử tri** (kết quả 3.1.2). Trong năm 2014, LHQ đã thúc đẩy sự tham gia của các nhóm thiết thoi vào hoạt động lấy ý kiến cho Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như các CSO trong việc cung cấp thông tin đầu vào cho dự thảo Luật Ngân sách Nhà nước. LHQ cũng đã chủ động tổ chức các cuộc thảo luận và hoàn thành một bản báo cáo cùng những kiến nghị giúp khắc phục những rào cản cản trở các CSO tham gia vào quy trình lập pháp trong quá trình rà soát Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. LHQ cũng đã hoàn tất hoạt động phân tích khía cạnh sự tham gia của trẻ em và kết quả phân tích được sử dụng riêng cho việc soạn thảo một chương mới về sự tham gia của trẻ em vào quy trình lập pháp trong nỗ lực chung không ngừng nhằm sửa đổi luật trẻ em.

Câu chuyện điển hình:

Tăng cường năng lực của Quốc hội trong công tác bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền

Việt Nam đang ngày càng ưu tiên vấn đề nhân quyền. Việt Nam đã được bầu vào Hội đồng Nhân quyền LHQ vào tháng 11 năm 2013 và vào cuối tháng đó Quốc hội Việt Nam thông qua Hiến pháp năm 2013 với một số quy định mới và tiến bộ về nhân quyền. Một dấu hiệu nữa cho thấy những cam kết của Việt Nam là việc tham gia vòng kiểm điểm UPR thứ hai vào tháng 2 năm 2014 và đã nhận được 227 kiến nghị để có thể thúc đẩy hơn nữa vấn đề nhân quyền.

LHQ đã và đang đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ Việt Nam thực hiện những bước tiến ý nghĩa này. Quy mô hỗ trợ đã được mở rộng trong năm 2014 với việc lần đầu tiên triển khai rà soát pháp lý về những quy định mới trong Hiến pháp năm 2013 và bảy công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia nhằm tăng cường vai trò của Quốc hội trong việc bảo vệ, đảm bảo và thúc đẩy nhân quyền.

Hoạt động rà soát do Ủy ban Đối ngoại Quốc hội triển khai với sự hỗ trợ của các cơ quan LHQ thông qua cung cấp thông tin đầu vào nhằm trang bị cho các thành viên của cơ

quan lập pháp một bức tranh tổng thể về nội dung và việc phê chuẩn các công ước này cũng như khoảng cách cần thu xóa bỏ để hoàn thiện pháp luật về nhân quyền và quyền công dân.

Một trong những điểm chính trong công tác rà soát được LHQ hỗ trợ này là vai trò của Quốc hội trong quy trình UPR và năng lực của cơ quan này trong việc xây dựng và triển khai các báo cáo kiểm điểm định kỳ nhằm đảm bảo Chính phủ phải chịu trách nhiệm giải trình đối với các cam kết đã đưa ra trong phạm vi các chức năng lập pháp, đại diện và giám sát của Quốc hội. Trong quá trình LHQ phối hợp với Bộ Ngoại giao (MoFA) xây dựng các báo cáo UPR quốc gia, vai trò của Quốc hội chưa được phát huy rõ nét. Công tác rà soát cũng cho thấy rõ yêu cầu Quốc hội phải phối hợp với Chính phủ trong việc xây dựng một kế hoạch hành động nhằm để ra những phương thức thực thi những kiến nghị UPR đã được ghi nhận. Quốc hội sẽ là đối tác chủ chốt trong việc giám sát và theo dõi việc triển khai các kiến nghị đã được ghi nhận cũng như thúc đẩy hơn nữa nhân quyền tại Việt Nam.

Tháng 12/2014, nhân Ngày Nhân quyền, LHQ và Quốc hội đã sử dụng ý tưởng của chiến dịch toàn cầu “HR365” với hàm ý mỗi ngày đều là Ngày Nhân quyền và mỗi người đều có quyền được hưởng trọn vẹn các quyền của con người tại tất cả mọi nơi, mọi lúc làm tiền đề thảo luận vai trò của Quốc hội trong bảo vệ nhân quyền phù hợp với Hiến pháp 2013 và các công ước quốc tế về quyền con người. Tại một hội nghị diễn ra tại Hà Nội, các đại biểu đã thảo luận kết quả của cuộc rà soát và đề xuất cần thiết phải có các tổ chức nhân quyền quốc gia và nhấn mạnh yêu cầu đặt ra cho Quốc hội là giám sát việc triển khai những kiến nghị UPR đã được ghi nhận cũng như các cam kết khác về nhân quyền. Hội nghị cũng đã làm sáng tỏ những quy trình mà các nghị viện khác trên thế giới đã áp dụng để bảo vệ nhân quyền thông qua quy trình UPR.

UNDP, UNICEF, UNFPA, UN Women

Kết quả 3.2: Cải cách hệ thống pháp lý và tư pháp

Việc tăng cường khả năng tiếp cận tư pháp và các hoạt động bảo vệ nhân quyền có vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo tất cả người dân Việt Nam đều có thể hiện thực hóa năng lực và nguyện vọng của mình. Chính vì điều này, LHQ đang tập trung vào một số thành tố có tính tương hỗ lẫn nhau trong triển khai bao gồm một khung pháp lý trên cơ sở quyền con người, tăng cường năng lực cho người có nghĩa vụ (cả cơ quan thực thi pháp luật, các cơ quan và cán bộ tư pháp) và người dân nhận thức rõ hơn về quyền của mình.

Kết quả năm 2014

LHQ đang nỗ lực hỗ trợ Việt Nam hoàn thành những nghĩa vụ quốc tế thông qua hỗ trợ xây dựng **khung chính sách, pháp lý và quy định mạnh mẽ hơn** (kết quả 3.2.1). Năm 2014, công việc của LHQ tiếp tục tập trung vào việc đánh giá những tiến bộ đạt được trong việc thực thi các cam kết liên quan đến nhân quyền trong khuôn khổ **vòng đánh giá UPR lần thứ 2**. LHQ đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp các bên liên quan tham gia cuộc đối thoại sau khi kết thúc hoạt động kiểm điểm của Việt Nam tại Hội đồng Nhân quyền. Cuộc đối thoại đa phương giữa các bên liên quan gồm Chính phủ, các CSO, các phái đoàn ngoại giao và các cơ quan của LHQ đã được LHQ hỗ trợ tổ chức. Các bên đã tiến hành thảo luận về kế hoạch hành động hậu UPR của Chính phủ và LHQ sẽ hỗ trợ công tác xây dựng kế hoạch này trong năm 2015. Liên quan đến các công ước quốc tế khác, LHQ đã hỗ trợ tổ chức một số cuộc đối thoại chính sách và hội thảo tập huấn chuẩn bị cho việc thông qua Công ước chống Tra tấn (CAT) và Công ước về Quyền của Người Khuyết tật, sau đó được thông qua trong năm 2014.

Công ước chống Tra tấn:

Thực thi CAT là một thách thức đối với hầu hết các quốc gia vì đòi hỏi có sự tham gia tối đa của các bên liên quan như cơ quan công an, cơ quan công tố cũng như hệ thống pháp lý tư pháp độc lập quốc gia đủ mạnh nhằm đảm bảo pháp luật được thực thi và xử phạt các vi phạm. Với việc Việt Nam tham gia vào CAT ngày 28/11/2014, việc đảm bảo người có nghĩa vụ và người có quyền hiểu được các nghĩa vụ của Việt Nam có vai trò quan trọng. Thông qua quy trình xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức do LHQ phụ trách, hơn 250 đại biểu từ các bộ ngành và những cán bộ chủ chốt của hệ thống tư pháp cùng với đại diện giới học giả và các CSO đã được học tập về kinh nghiệm quốc tế trong triển khai CAT cũng như việc hài hòa hóa hệ thống pháp luật trong nước với các chuẩn mực quốc tế.



© UNDP Viet Nam/Doan Bao Chau

LHQ quốc cũng đã hỗ trợ sửa đổi và xây dựng nhiều khung pháp lý với mục tiêu tăng cường sự phù hợp với Hiến pháp 2013 và các cam kết nhân quyền. LHQ vận động chống phân biệt đối xử đối với những nhóm bị thiệt thòi bao gồm trẻ em, phụ nữ, người LGBT, người nhiễm HIV và những nhóm dân cư có nguy cơ nhiễm HIV. Trong năm 2014 hoạt động hỗ trợ liên quan đến sửa đổi Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự tập trung vào tăng cường mức độ tuân thủ đối với các chuẩn mực quốc tế. Những kiến nghị chính thức của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong việc sửa đổi Bộ luật Tố tụng Hình sự trong năm 2015 gồm những đề xuất tiến bộ theo hướng đồng bộ hệ thống tư pháp hình sự với các chuẩn mực quốc tế.

Về vấn đề **cải cách cơ cấu thực thi pháp luật và hệ thống tòa án** (kết quả 3.2.2), trong năm 2014 LHQ tiếp tục hỗ trợ giới thiệu hoạt động điều tra và khởi tố thân thiện với trẻ em và nhạy cảm về giới. Cùng với việc UNICEF và

UNDP hỗ trợ công tác sửa đổi Luật Tổ chức tòa án nhằm thiết lập một tòa án riêng về trẻ em, UNODC và UNV đã hỗ trợ xây dựng và vận hành thử hệ thống thu thập dữ liệu hỗ trợ cơ quan công an trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình và đã thử nghiệm triển khai đội phản ứng nhanh phòng, chống bạo lực gia đình tại tỉnh Bến Tre.

Một yêu cầu khác cần phải thực hiện là **giáo dục pháp luật giúp cán bộ thực thi pháp luật và cán bộ tư pháp thực hiện nghĩa vụ của mình** theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam cũng như các công ước quốc tế (kết quả 3.2.3). Trong năm 2014, LHQ đã hỗ trợ tổ chức một số khóa tập huấn sau:

Trọng tâm tập huấn	Đại biểu tham dự	Cơ quan của LHQ	Kết quả
Phòng, chống bạo lực giới	180 cán bộ thực thi pháp luật	UNODC, UNFPA	Tăng cường hiểu biết của cán bộ thực thi pháp luật về động lực của bạo lực gia đình, nguyên nhân sâu xa của bạo lực gia đình và khái niệm về bình đẳng giới
Rửa tiền và chống tài trợ khủng bố	200 cán bộ thực thi pháp luật	UNODC	Nâng cao hiểu biết của cán bộ thực thi pháp luật về những thay đổi trong thời gian gần đây đối với các chuẩn mực quốc tế, hoạt động buôn lậu tiền và những nội dung mới sửa đổi đối với luật chống rửa tiền của Việt Nam
Phát hiện các vụ buôn người và quy trình chống buôn người	250 cán bộ thực thi pháp luật	IOM, UNODC	Nâng cao hiểu biết của các cán bộ thực thi pháp luật về các chuẩn mực và luật pháp quốc tế về chống buôn người và nâng cao kỹ năng của các cán bộ này trong việc phát hiện và điều tra hoạt động buôn người
Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân và tư pháp người chưa thành niên	Xây dựng tài liệu tập huấn thẩm phán Công an hành chính	UNICEF, UNAIDS, UNODC	Nâng cao tính công bằng trong xét xử người nghiện ma túy và trẻ em vi phạm pháp luật
Nhân quyền và CEDAW	250 đại biểu Quốc hội và các cán bộ Chính phủ	UN Women	Nâng cao nhận thức của các đại biểu Quốc hội và cán bộ Chính phủ về CEDAW các công ước về nhân quyền khác giúp nâng cao hiệu quả công việc và việc thực thi chức trách nhiệm vụ phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền.
Hỗ trợ pháp lý đối với nạn nhân bạo lực gia đình và bạo lực giới	70 (có 32 nữ) đơn vị hỗ trợ pháp lý	UNODC, UNFPA	Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng hỗ trợ pháp lý
Kỹ năng tranh tụng hình sự (đào tạo giảng viên nguồn)	Sinh viên trường luật	UNDP	Thể chế hóa chủ đề này trong trường luật thông qua việc nhân rộng các giảng viên được đào tạo



© UNDP Viet Nam/Aidan Dockery

Cuối cùng, một thành tố quan trọng trong hoạt động cải cách pháp lý và tư pháp là trao quyền cho nguyên đơn, đặc biệt là những người yếu thế và dễ bị tổn thương thông qua **nâng cao nhận thức, hỗ trợ pháp lý và các dịch vụ hỗ trợ khác** (kết quả 3.2.4), LHQ đã tập trung nỗ lực vào các nhóm dân cư chính gồm:

- Nam giới và bé trai với vai trò là đối tác trong hoạt động phòng ngừa bạo lực giới thông qua nhiều hoạt động tuyên truyền phù hợp với văn hóa trong khuôn khổ chiến dịch quốc gia.
- Người chưa thành niên vi phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp thông qua các hoạt động can thiệp hỗ trợ thử nghiệm tại cộng đồng.
- Người khuyết tật đã được một văn phòng luật (do LHQ hỗ trợ) tư vấn pháp lý thông qua nhiều phương thức khác nhau (gặp mặt trực tiếp, gọi điện, thư điện tử, qua đài tiếng nói Việt Nam) và đã phục vụ hơn 2.000 người khuyết tật. Ngoài ra, 100 người khuyết tật tại Quảng Trị và Huế đã được tư vấn pháp lý trực tiếp. Cuối cùng là 20 đại diện của các tổ chức của người khuyết tật đã được nâng cao kỹ năng vận động thông qua bốn khóa tập huấn và một số cuộc đối thoại chính sách cũng như một chương trình thảo luận trên truyền hình (<http://youtu.be/qm1uWelMT0o->) do LHQ tổ chức.
- Người nhiễm HIV (18 người) tại Cần Thơ, Điện Biên, Hải Phòng, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã được nhận được hỗ trợ pháp lý từ hai trung tâm hỗ trợ pháp lý. Nhìn chung, năng lực quốc gia về xử lý các vụ việc này đã được đảm bảo bền vững hơn nhờ công tác chuyển giao kiến thức từ hai trung tâm này cho 20 đơn vị hỗ trợ pháp lý tại 5 tỉnh thành.
- Người thuộc nhóm LGBT thông qua nghiên cứu định hướng chính sách và các CSO và cụ thể là các tổ chức tại cộng đồng thông qua hoạt động tập huấn về vai trò lãnh đạo và vận động và tới cộng đồng thông qua hoạt động nghiên cứu.



Câu chuyện điển hình:

Hỗ trợ pháp lý nhằm bảo vệ cả xã hội

Cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho các nhóm dân cư dễ bị tổn thương tại Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng có sự tham gia của nhiều cơ quan LHQ trong năm 2014.

Tiến bộ thực chất này là thành quả của bản Hiến pháp sửa đổi mà Việt Nam mới thông qua nhằm bảo vệ quyền của người dân cũng như lời hiệu triệu của Đại Hội đồng LHQ kêu gọi các quốc gia thành viên đảm bảo hoạt động hỗ trợ pháp lý sẽ tạo ra được sự bình đẳng trước pháp luật và quyền được xét xử công bằng và công khai trong một phiên tòa công tâm.

Trong năm 2014, LHQ đã hỗ trợ tăng cường hoạt động hỗ trợ pháp lý tới một số nhóm dân cư rủi ro cao nhất trong xã hội như nạn nhân bạo lực gia đình, người nhiễm HIV, trẻ em và người khuyết tật.

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình và GBV được UNODC tăng cường thông qua các khóa tập huấn cho 69 cán bộ hỗ trợ pháp lý và luật sư tình nguyện trên cả nước. Các phân tích bài tập trước và sau tập huấn đã cho thấy hiệu quả của các khóa tập huấn được thể hiện qua việc kiến thức về hỗ trợ pháp lý của các học viên liên quan đến bạo lực gia đình đã được nâng cao.

Bên cạnh đó, các tờ bướm cung cấp thông tin

về địa chỉ các đơn vị hỗ trợ pháp lý dành cho nạn nhân GBV cũng đã được phát cho Hội phụ nữ, cán bộ y tế, công an, các phòng công tố, tòa án và cộng đồng trên cả nước nhằm hỗ trợ nạn nhân GBV. Các cán bộ Chính phủ “tuyến đầu” cũng sử dụng những tờ bướm này để thông báo cho các đơn vị hỗ trợ pháp lý về các vụ việc tình nghi là GBV.

Nhằm hỗ trợ người nhiễm HIV, UNAIDS đã phối hợp với Liên đoàn Dân chủ và Nhân quyền Châu Âu, Mạng lưới quốc gia của những người sống chung với HIV/AIDS tại Việt Nam (VNP+), Sáng kiến giáo dục pháp luật cộng đồng – Nhịp cầu nối các quốc gia Đông Nam Á và hai NGO trong nước. Đã có 18 trường hợp người nhiễm HIV thông báo về hành vi có khả năng vi phạm Luật phòng, chống HIV/AIDS trong 9 khóa tập huấn mang tên “Học về quyền của bạn” trong năm 2014. Các vụ việc này – chủ yếu liên quan đến vi phạm quyền của người nhiễm HIV đối với các hoạt động bảo trợ xã hội, giáo dục và thừa kế tài sản – đã được chuyển đến các đơn vị hỗ trợ pháp lý. Đáng chú ý là có 16 vụ việc đã được xử lý và giành lại quyền lợi về cho người nhiễm HIV. Để có thể duy trì bền vững hoạt động hỗ trợ pháp lý cho người nhiễm HIV, các luật sư tham gia hỗ trợ các vụ việc này đã chia sẻ kinh nghiệm của mình tại một cuộc hội thảo diễn ra vào tháng 11 với sự tham gia của 10 đơn vị hỗ trợ pháp lý thuộc 5 tỉnh thành bao gồm các trung tâm tư vấn pháp lý Nhà nước cấp tỉnh và trung tâm tư vấn pháp lý thuộc Hội Luật gia Việt Nam (VLA).

Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013





Một lĩnh vực quan trọng khác trong hoạt động hỗ trợ của UNICEF là mở rộng dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho trẻ em thông qua việc ký kết thỏa thuận hợp tác kéo dài 3 năm với VLA và phổ biến kế hoạch và hoạt động tập huấn về hỗ trợ pháp lý thân thiện với trẻ em trong năm 2014.

Nhu cầu hỗ trợ pháp lý của người khuyết tật rất lớn và chưa được đáp ứng đầy đủ vì chỉ có 63 trung tâm hỗ trợ pháp lý phục vụ nhóm dân cư này trong khi số người khuyết tật chiếm 15,3% dân số Việt Nam. Một sáng kiến chung của LHQ về quyền của người khuyết tật đã hỗ trợ việc thành lập một văn phòng hỗ trợ pháp lý đặc thù với sự cộng tác của một đơn vị hỗ trợ pháp lý phi chính phủ tại Hà Nội. Chỉ với một luật sư cùng với sự cộng tác của Đại học Luật Hà Nội trong công tác đào tạo cán bộ của văn phòng và tạo cơ hội thực tập, văn phòng đã hỗ trợ pháp lý cho 2.000 người khuyết tật. Các vấn đề phổ biến liên quan đến quyền được hưởng trợ cấp xã hội, và những thách thức thường gặp như quyền có việc làm, giáo dục và kết hôn. Đáng chú ý, không có đại biểu nào nêu lên thách thức về làm thế nào để luật hình sự có thể bảo vệ người khuyết tật hiệu quả hơn hay làm sao để lồng ghép yếu tố đặc thù này vào hệ thống tư pháp. Một nghiên cứu do LHQ hỗ trợ về tiếp cận tư pháp dành cho người khuyết tật sẽ hoàn thành vào năm 2015.

Tại Huế và Quảng Trị, các hoạt động bổ sung đã được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng

nhu cầu gia tăng đối với mạng lưới văn phòng pháp lý với hơn 100 người đã tham dự các buổi tập huấn công cộng về hỗ trợ pháp lý.

Mặc dù đã đạt được những bước tiến nhất định nhưng vẫn đó nhiều thách thức lớn chưa được giải quyết như nhận thức về quyền của nhóm dân số dễ bị tổn thương, rào cản văn hóa và ngôn ngữ đối với đồng bào dân tộc thiểu số, thiếu lòng tin và năng lực yếu kém cũng như không có nhiều dịch vụ hỗ trợ pháp lý miễn phí hoặc chi phí thấp. Thay đổi chính sách và đầu tư quốc gia là yêu cầu thiết yếu để đảm bảo thay đổi có tính bền vững. Đến cuối năm 2014, LHQ đã cung cấp thông tin đầu vào phục vụ công tác xây dựng dự thảo thông tư liên bộ trong đó quy định cán bộ y tế sẽ giới thiệu người nhiễm HIV tới các đơn vị hỗ trợ pháp lý Nhà nước nếu được thông báo về hành vi vi phạm quyền và LHQ đang hỗ trợ rà soát Chiến lược Hỗ trợ Pháp lý của Chính phủ nhằm tăng khả năng tiếp cận hệ thống tư pháp cho phụ nữ và trẻ em. Hoạt động rà soát sẽ được hoàn tất vào năm 2015 trong bối cảnh các cơ quan của Chính phủ đang rà soát Luật Trợ giúp pháp lý, văn bản dự kiến sẽ được đưa ra tranh luận tại Quốc hội trong năm 2016.

UNAIDS, UNDP, UNICEF, UNODC

Lĩnh vực trọng tâm 3

Báo cáo kết quả thường niên năm 2013: Tổng nhất Hành động



Kết quả 3.3: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khu vực công

Là một phần trong quá trình “Đổi Mới”, Việt Nam đã tích cực tiến hành hiện đại hóa các quy trình xây dựng chính sách và tổ chức của các cơ quan công quyền nhằm giảm bớt khoảng cách về khả năng tiếp cận dịch vụ đồng thời đẩy mạnh trách nhiệm và tính minh bạch của cung cấp dịch vụ công.

Kết quả năm 2014

Việc đảm bảo **cung cấp dịch vụ công có sự tham gia, thực chứng và liên ngành** (kết quả 3.3.1) đang được định hình thông qua những công việc mà LHQ đang thực hiện để đảm bảo sự điều phối hiệu quả giữa các cơ quan Chính phủ cũng như xây dựng năng lực để đảm bảo các tổ chức dịch vụ công hoạt động hiệu quả, đặc biệt ở cấp địa phương. Trong năm 2014, LHQ đã hỗ trợ Bộ KH&ĐT ở cấp quốc gia và tại 8 tỉnh thành trong việc lồng ghép các kết quả và các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, đặc biệt là quyền trẻ em, trong hoạt động quy hoạch triển khai và giám sát công tác cung cấp các dịch vụ công. LHQ cũng phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng cùng với các đối tác khác lồng ghép các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, có sự tham gia và hòa nhập vào hoạt động quy hoạch phát triển bền vững đô thị và quá trình sửa đổi Luật Nhà ở. Lãnh đạo chủ chốt các tỉnh, thành đã có cơ hội nâng cao hiểu biết về công tác quản lý và quản trị đô thị cũng như hoạt động hoạch định chính sách thông qua hoạt động tập huấn của LHQ.

Trong bối cảnh Việt Nam hướng tới trình độ phát triển con người cao hơn, yêu cầu quan trọng đặt ra là **tăng cường các hệ thống quản lý nhân sự**, áp dụng phương pháp tiếp cận lấy khách hàng là trung tâm trong hoạt động giao tiếp với người dân và tăng cường các cơ chế đảm bảo trách nhiệm giải trình và tính minh bạch (kết quả 3.3.2). Trong năm 2014, LHQ đã xây dựng chương trình tập huấn cho các cán bộ công chức chủ chốt tại Bắc Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng và Hà Tĩnh dự kiến sẽ được áp dụng thí điểm và tiến tới áp dụng bắt buộc tại các địa phương này. Tại các tỉnh này, hoạt động cung cấp các dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp đã được cải thiện thông qua tình giảm các thủ tục nội bộ và phát triển ứng dụng phần mềm phục vụ cơ chế một cửa (OSS). Học viện Hành chính Quốc gia đã đưa vào giảng dạy một mô đun tập huấn do LHQ xây dựng về chủ đề công tác quản lý dựa trên kết quả và nhạy cảm đối với trẻ em. Liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã xây dựng chương trình giảng dạy nhạy cảm về giới và một mô đun về giới được lồng ghép vào khóa học dành cho các lãnh đạo chiến lược.



© UN Viet Nam/shutterstock.com

Hơn 280 lãnh đạo cấp cao của Chính phủ và Đảng đã được đào tạo bằng chương trình giảng dạy điều chỉnh này trong năm 2014. 1.720 cán bộ nữ trong khu vực công đã được đào tạo kỹ năng lãnh đạo và tham gia vào các sáng kiến xây dựng năng lực khác. LHQ cũng đã xây dựng sổ tay dành cho các cán bộ điều phối chương trình hướng dẫn, giới thiệu phương pháp xây dựng năng lực cho lãnh đạo nữ. Sổ tay đã được cấp cho 920 cán bộ thuộc 10 cơ quan và hơn 100 cán bộ nữ đã được tham gia tập huấn về công tác hướng dẫn. Tại Đà Nẵng, công tác quản lý nhân sự khu vực công và cơ chế góp ý của người sử dụng về chất lượng dịch vụ công đã được tăng cường bằng các công cụ do LHQ hỗ trợ như hệ thống đánh giá hiện quả công việc hay khảo sát trực tuyến để thu thập ý kiến người sử dụng.

Nâng cao năng lực cho các cơ quan quốc gia để triển khai và giám sát các chính sách quốc gia về chống tham nhũng và Công ước LHQ về chống tham nhũng đã được Việt Nam thông qua năm 2009 là hoạt động cần thiết để hoàn thành kết quả này (3.3.3). LHQ đã hỗ trợ xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức về các chuẩn mực chống tham nhũng quốc tế cho những đơn vị và cá nhân chủ chốt có liên quan bao gồm:

- Các nhóm soạn thảo các khung pháp lý

quan trọng như nhóm soạn thảo Bộ luật Hình sự và Ban Nội chính trung ương thông qua các hoạt động phân tích và kiến nghị về cách thức thu hẹp khoảng cách trong công tác phòng ngừa, điều tra và khởi tố các vụ việc tham nhũng và các nội dung này đã được lồng ghép vào dự thảo lần 2 của Bộ luật Hình sự.

- Các cơ quan tư pháp hình sự như Tòa án nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ thông qua hoạt động giới thiệu cuốn sách Hướng dẫn của LHQ về Tăng cường Năng lực và Liêm chính Tư pháp và và đối thoại đầu tiên về liêm chính trong tư pháp của Việt Nam.
- 140 cán bộ hải quan và 60 sỹ quan công an thông qua các đợt tập huấn của LHQ đã được đào tạo nâng cao năng lực ứng phó với các hoạt động buôn lậu tiền, kiểm soát xuyên biên giới và kỹ năng điều tra.
- Các cán bộ chủ chốt của Thanh tra Chính phủ, Viện kiểm sát và một CSO vì sự minh bạch giúp nâng cao hiểu biết và kỹ năng khi tham gia vào quy trình đánh giá của UNCAC.

Cuối cùng, một thành tố quan trọng khác là yêu cầu tăng cường hoạt động giám sát sự

tham gia của người dân ở địa phương và **cơ chế phản hồi của người dân về chất lượng dịch vụ công** cũng như tác động của những dịch vụ này đối với nhu cầu phát triển của người dân (kết quả 3.3.4). Trong năm 2014, LHQ tiếp tục hỗ trợ hai sáng kiến chủ đạo, tiến hành khảo sát Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) tại 63 tỉnh thành và tổ chức các cuộc đối thoại chính sách sau khảo sát tại 26 tỉnh thành và đã tiếp nhận phản hồi chính sách từ 16 tỉnh thành (<http://papi.vn>). Bên cạnh đó, các hoạt động liên quan đến Thẻ Báo cáo Công dân và Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em đã được tiến hành tại Kon Tum và Điện Biên. Các kết quả và kiến nghị liên quan sẽ sớm được công bố.

Câu chuyện điển hình:

Nâng cao hiệu quả dịch vụ công để giảm nghèo và xóa bỏ bất bình đẳng

Số hộ nghèo nhất được hưởng lợi từ hoạt động hỗ trợ, chính sách và các dự án đã đạt được tỷ lệ mục tiêu năm 2011 và cho đến nay vẫn duy trì ở mức ổn định (2012 VHLSS). Bên cạnh đó, chất lượng dịch vụ phục vụ người dân được xem là một trong hai ưu tiên của Chính phủ trong Cải cách Hành chính công giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, lĩnh vực này vẫn cần có những cải thiện có hệ thống hơn.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao các dịch vụ công thông qua các cơ

quan hành chính địa phương, LHQ đã mở rộng hoạt động hỗ trợ để tập trung vào củng cố hạ tầng dịch vụ công và cơ chế phản hồi của người dân. Cụ thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh Bắc Giang, Cần Thơ và Hà Tĩnh đã phát triển được các ứng dụng phần mềm để vận hành OSS và cơ chế OSS tại các cấp xã, huyện và tỉnh. Nhờ đó, công việc và hoạt động của các OSS tại ba địa phương này đã được triển khai hiệu quả và minh bạch hơn. Điều này đã giúp người dân có thể theo dõi được tình trạng hồ sơ của mình.

Ngoài ra, tại Đà Nẵng, cơ chế phản hồi trực tuyến đã được xây dựng với sự hỗ trợ của LHQ nhằm thu thập khoảng 30.000 phản hồi từ những người sử dụng các dịch vụ hành chính công. Cơ chế trực tiếp, đơn giản và hiệu quả về mặt chi phí này đã giúp chính quyền địa phương thu thập được những thông tin hữu ích để cân nhắc và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công. Bên cạnh đó, một công cụ kiểm toán xã hội mang tên Thẻ Báo cáo Công dân cũng đã được áp dụng tại An Giang và Kon Tum nhằm thu thập phản hồi của khoảng hơn 600 người sử dụng dịch vụ công, đặc biệt là những người thuộc các nhóm thiệt thòi như dân tộc thiểu số và người nghèo lần lượt về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại cấp xã và huyện. Kết quả và kiến nghị từ các cuộc khảo sát này sẽ giúp ngành y tế giải quyết những khó khăn để có thể cung cấp dịch vụ y tế tốt hơn cho phụ nữ và trẻ em thiệt thòi.

Về lĩnh vực chống tham nhũng, các cơ quan quốc gia triển khai và giám sát các chính sách

Tổng nhất Hành động: Báo cáo kết quả thường niên năm 2013





quốc gia về chống tham nhũng và Công ước của LHQ về chống tham nhũng đã được hỗ trợ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực và củng cố khung pháp lý. Cụ thể, UNDP đã phối hợp với Ban Nội chính Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam (VCP) tổ chức hai cuộc đối thoại chính sách quan trọng và thực hiện các nghiên cứu chính sách để cung cấp thông tin đầu vào cho dự thảo sửa đổi Bộ luật Hình sự. Qua đó, các cuộc thảo luận quan trọng về hình sự hóa hành vi tham nhũng, làm giàu bất chính và tính độc lập của cơ quan chống tham nhũng đã được tổ chức. Ngoài ra, một dự án chung giữa UNDP và Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức các cuộc thảo luận và soạn thảo một báo cáo nghiên cứu chính sách về trách nhiệm của các pháp nhân. Tất cả các kết quả này đã được trình lên Quốc hội và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng để tiến hành các hoạt động vận động chính sách và phục vụ các cuộc thảo luận sôi nổi về sự phù hợp trong việc hình sự hóa hành vi tham nhũng, tham nhũng trong khu vực tư nhân, làm giàu bất chính và trách nhiệm của pháp nhân.

Vấn đề liên quan đến trách nhiệm giải trình, minh bạch và giám sát nội bộ của lực lượng công an cũng đã được các lãnh đạo cấp cao của Bộ Công an thảo luận cùng với đại diện Quốc hội, Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ KH&ĐT tại hội thảo đầu tiên về liên chính trong lực lượng công an diễn ra tại Việt Nam do UNODC và Bộ Công an đồng tổ chức. Chuyên gia các cơ quan khác nhau

đã tham gia thảo luận cởi mở về khái niệm liên chính trong lực lượng công an cùng với nhiều chuyên gia thực thi pháp luật của quốc tế cũng như các chuyên gia đến từ trụ sở của UNODC.

Đây là những nỗ lực trong tổng thể hoạt động hỗ trợ của LHQ dành cho Chính phủ nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình của các cán bộ khu vực công bao gồm các cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan tư pháp phù hợp với các kiến nghị của UPR và các cam kết trong Công ước LHQ về chống tham nhũng, ICCPR và Công ước CAT mới được thông qua trong thời gian gần đây. Năm 2014 đã chứng kiến những chuyển biến nội bộ tích cực và quan trọng bao gồm cải cách lập pháp tạo cơ hội nâng cao trách nhiệm giải trình của khu vực công. Việc sửa đổi một số văn bản pháp luật đã tạo cơ hội cho LHQ cung cấp thông tin kỹ thuật đầu vào để tăng cường bình đẳng giới.

UNDP, UNODC

Kết quả 3.4: Sự tham gia hiệu quả và bền vững hơn của xã hội dân sự

Theo kết quả của nhiều báo cáo quốc gia và LHQ, khung thể chế và cơ chế đối thoại hiện có để các tổ chức chính trị, xã hội, chuyên ngành và quần chúng tham gia thảo luận vào quá trình ra quyết định cần phải được cải thiện. Hơn nữa cần đẩy mạnh việc xây dựng năng lực cho cả nguồn nhân lực và tổ chức.

Kết quả năm 2014

Người dân và các PSPMO đóng vai trò tích cực trong tiến trình phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam theo khung pháp lý sửa đổi quốc gia, bao gồm Nghị định về Dân chủ ở Cơ sở. Cùng với Quốc hội và Hội đồng Nhân dân, người dân và các PSPMO cũng như các tổ chức xã hội khác có tiềm năng đóng góp hơn nữa vào công cuộc phát triển đất nước. LHQ hỗ trợ hai lĩnh vực có liên quan đến sự tham gia của các PSPMO.

Thứ nhất, vận động xây dựng **khung pháp lý, chính sách** và **thể chế thuận lợi và cơ chế đối thoại để các PSPMO cũng như các tổ chức xã hội khác tham gia vào các hoạt động thảo luận chính sách và quá trình ra quyết sách** (kết quả 3.4.1). Trong năm 2014, LHQ cùng với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và sự tham gia tích cực của các CSO trong nhiều lĩnh vực đã tiến hành một phân tích về khung pháp lý quốc gia về việc tham gia vào các quá trình hoạch định chính sách cũng như khắc phục những rào cản đối với hoạt động của các CSO ở cấp địa phương cũng như cấp quốc gia để có những điều chỉnh và sửa đổi. Bên cạnh đó, kinh nghiệm ban đầu và bài học mà các CSO rút ra từ hoạt động tham gia vào quá trình lập pháp cũng đã được ghi chép và thảo luận với các đại biểu Quốc hội để xem xét trong quá trình sửa đổi Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Liên quan đến cơ chế đối thoại, trong năm 2014 LHQ đã hỗ trợ các cuộc đối thoại quốc gia giữa các tổ chức của người khuyết tật với Bộ LĐTB&XH và Quốc hội để chuẩn bị cho việc thông qua Công ước về quyền của người khuyết tật.

Thứ hai, LHQ đã có những đóng góp giúp **tăng cường và củng cố nguồn nhân lực và năng lực tổ chức của các PSPMO và tổ chức xã hội** (kết quả 3.4.2), chủ yếu tập trung vào người nhiễm HIV, người khuyết tật và các tổ chức phụ nữ. Trong năm 2014, qua công tác xây dựng báo cáo quốc gia tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc kinh của Chính phủ và báo cáo bổ khuyết của NGO trình lên Ủy ban CEDAW trong năm 2015, LHQ đã có cơ hội quý giá tham gia và hỗ trợ các mạng lưới NGO phụ trách vấn đề bình đẳng giới nhằm tăng cường hoạt động điều phối và năng lực trong việc hình thành thông điệp



vận động thống nhất. Nam, nữ thanh niên, phụ nữ nhiễm HIV và người khuyết tật đã được tập huấn về công tác vận động chính sách và quyền của mình và trực tiếp tham gia vào quá trình này.

Khoảng 225 người nhiễm HIV và nhóm dân cư chủ chốt tại 5 tỉnh thành đã được bồi dưỡng kiến thức về quyền pháp định và các cơ chế bồi thường hiện nay thông qua 9 đợt tập huấn do VNP+ phụ trách có sử dụng cuốn sổ tay “Học về quyền của bạn” của UNAIDS.

Trong năm 2014, nhờ những đợt tập huấn về vận động chính sách do LHQ hỗ trợ, năng lực của các tổ chức người khuyết tật đã được nâng cao và các tổ chức này đã có thể trình một báo cáo về bảo hiểm y tế lên Bộ LĐTB&XH và một báo cáo khác lên Bộ Giao thông Vận tải về những điều chỉnh cần thực hiện để có thể đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

Câu chuyện điển hình:

Trao quyền cho các CSO để tạo ra sự khác biệt

CSO và những người tham gia là các cá nhân và các nhóm tự nguyện cam kết vào các hình thức tham gia của xã hội và có các hoạt động vì các quyền lợi, mục đích và giá trị giống như của LHQ: duy trì hòa bình và an ninh, hiện thực hóa sự phát triển và đẩy mạnh các giá trị quyền con người. Các tổ chức này cũng chủ động đề xuất xây dựng các văn bản pháp luật và chính sách mới và đảm bảo rằng quan điểm của các thành viên sẽ được các nhà hoạch định chính sách xem xét và được thể hiện trong các nội dung sửa đổi của các văn bản pháp luật. Mặc dù có tiềm năng rất lớn nhưng hoạt động của các tổ chức CSO tại Việt Nam đang gặp nhiều thách thức. Những vấn đề đã được Hội đồng Nhân quyền đưa ra trong phiên kiểm điểm UPR năm 2014 bao gồm thiếu minh bạch và sân chơi không bình đẳng cho các tổ chức xã hội.



Nhằm hỗ trợ các CSO tham gia sâu hơn nữa vào các hoạt động tranh luận chính sách, một số cơ quan của LHQ (UNAIDS, UNDP, UNICEF, UNODC và UN Women) trong năm 2014 đã phối hợp với các CSO xem xét vai trò và rà soát các khung pháp lý điều chỉnh sự tham gia của các tổ chức này vào các quy trình lập pháp, bài học kinh nghiệm và xây dựng kiến nghị để tăng cường sự tham gia của các tổ chức này. Cụ thể, một cuộc đối thoại và thảo luận tương tác giữa các CSO và các đại biểu Quốc hội đã làm rõ phương thức tối đa hóa tiềm năng của các CSO phục vụ phát triển và tham gia vào các quy trình lập pháp. Nội dung thảo luận đã được gửi lên Quốc hội để làm tư liệu cho việc sửa đổi Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó, UNODC và UN Women đã phối hợp hỗ trợ Mạng lưới Trao quyền cho Phụ nữ và Trung tâm Phụ nữ và Phát triển vận động sự tham gia của các chuyên gia soạn thảo Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự nhằm nâng cao nhận thức về GBV cũng như những

thách thức trong bảo vệ nạn nhân và khởi tố vụ án.

Nhờ sự phối hợp chặt chẽ, từng cơ quan của LHQ đã có thể phát huy tối đa lợi thế so sánh của mình. Trong khi UNAIDS và UNICEF có các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu để làm rõ vấn đề bất bình đẳng thông qua kinh nghiệm và bài học của các CSO từ hoạt động tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện các chính sách và luật pháp hỗ trợ các nhóm dân cư dễ bị tổn thương, UNDP đã thiết lập mối quan hệ đối tác trực tiếp với Viện Nghiên cứu Lập pháp của Quốc hội và hỗ trợ công tác quản lý trong việc triển khai các hoạt động vận động. ILO, UNDP và UNICEF phối hợp hỗ trợ một CSO (ACDC) thông qua dự án của LHQ về quyền của người khuyết tật để vận động sự tham gia của các tổ chức của người khuyết tật vào công tác vận động và hoạch định chính sách. Hoạt động hỗ trợ đã giúp ACDC tổ chức một lớp tập huấn về vận động chính sách vào tháng 6 năm 2014



nhằm tăng cường năng lực vận động chính sách cho các tổ chức tương đồng. Hơn 20 đại biểu đại diện các tổ chức này là các nhà lãnh đạo trẻ khuyết tật của cộng đồng đã cùng với đại diện các tỉnh Cần Thơ, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu đã tham gia lớp tập huấn. Nhờ đó, các tổ chức này đã được tăng cường năng lực vận động các khu vực bầu cử thông qua việc áp dụng các phương pháp vận động chính sách mới được trang bị.

Các nhóm thiết thòi đại diện cho các thành viên dễ bị tổn thương của xã hội cũng có thể sử dụng những kỹ năng này để tham gia vào quy trình lập pháp của Việt Nam và thực hiện các điều ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam đã tham gia như Công ước LHQ về quyền của người khuyết tật mà Việt Nam đã thông qua vào tháng 11 năm 2014.

**UNAIDS, UNDP, UNICEF, UNODC
và UN Women**



Chương 3

Ngân sách Chung và Quỹ Kế hoạch Chung

Tình hình tài chính của Kế hoạch Chung 2012-2016

Bản chất của ODA tại Việt Nam đã thay đổi kể từ khi quốc gia này chuyển dần thành quốc gia có thu nhập trung bình và cơ hội và các lựa chọn tài trợ ODA không hoàn lại đang ngày một giảm. Hầu hết các nhà tài trợ chính đều ưu tiên các vấn đề liên quan đến thương mại và hạ tầng thay vì hỗ trợ lĩnh vực xã hội. Tuy nhiên, lĩnh vực xã hội vẫn cần phải được hỗ trợ để giúp Việt Nam hoàn thành nghị trình MDG cũng như giải quyết những thách thức mới nổi. Xu hướng này tiếp diễn trong năm 2014 và là lý do để LHQ – phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&ĐT và Phái đoàn Liên minh Châu Âu – đã khởi động và hoàn tất một Báo Đánh giá Tài chính và Hỗ trợ Phát triển để có làm rõ vai trò của tài chính phát triển trong

hiện tại và tương lai. Báo cáo cũng xác định các cơ hội và thách thức liên quan đến tài chính phát triển để có thể thông tin tốt hơn cho hoạt động định hướng chiến lược và chính sách trong tương lai của Việt Nam.

Nhìn chung, những thay đổi trong môi trường phát triển của Việt Nam cùng với sự suy giảm nguồn tài trợ ODA đã tác động tới hoạt động huy động nguồn lực của LHQ phục vụ Quỹ Kế hoạch chung và buộc LHQ phải áp dụng cả phương pháp tiếp cận ngắn và dài hạn vào việc xác định nguồn vốn mới nhằm bù đắp nguồn vốn tài trợ vốn được huy động bằng các phương thức truyền thống hơn.

Trong nội dung chương này, chúng tôi cập nhật tình hình vốn tài trợ cho Quỹ Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016 và mô tả những phân tích và sáng kiến huy động nguồn lực do UNCT triển khai thực hiện trong năm 2014 để có thể góp phần thu hẹp khoảng cách nguồn vốn. Cũng trong chương này,

chúng tôi sẽ trình bày chi tiết số liệu về các khoản đóng góp và phân bổ liên quan đến Quỹ Kế hoạch chung trong năm 2014.

1. Phân tích Ngân sách chung giai đoạn 2012-2016

Để tiến hành phương pháp tiếp cận ngắn hạn trong việc đánh giá những tác động tiềm năng đối với việc triển khai Quỹ Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016 do nguồn vốn tài trợ giảm dần, UNCT đã thực hiện phân tích chi tiết Ngân sách Kế hoạch chung giai đoạn 2012-2016. Phân tích này được thực hiện sau khi có những đánh giá ban đầu trong năm 2013 đi đến kết luận rằng căn cứ lượng vốn tài trợ tiếp nhận đến thời điểm này và dự toán nguồn tài trợ mà LHQ sẽ tiếp nhận trong thời gian còn lại trong chu kỳ lập kế hoạch của Kế hoạch chung, tổng nguồn vốn tài trợ còn thiếu cho Kế hoạch chung 2012-2016 là khoảng 140 triệu đô-la Mỹ.

Trên cơ sở đánh giá ban đầu này, Ban Chỉ đạo Thống nhất hành động đã quyết định cần có những phân tích cụ thể hơn để có thể đánh giá đầy đủ phạm vi triển khai một phần hoặc toàn bộ các mục tiêu của Kế hoạch chung với nguồn vốn tài trợ hiện có.

UNCT đã rà soát chi tiết tình hình nguồn vốn cho từng mục tiêu trong 43 mục tiêu thuộc Kế hoạch chung 2012-2016. Hoạt động rà soát đã giúp xác định được các khoản chênh lệch lớn, ví dụ, sáu mục tiêu mới chỉ tiếp nhận hoặc dự kiến tiếp nhận được dưới 30% vốn cần có. Để đảm bảo phân bổ nguồn vốn hiệu quả, Ban Chỉ đạo Kế hoạch chung đã quyết định trong tương lai, hoạt động phân bổ vốn, bao gồm phân bổ từ Quỹ Kế hoạch chung sẽ được ưu tiên cho các chương trình và dự án đã được Chính phủ phê duyệt. Ban chỉ đạo cũng thống nhất rằng sẽ nỗ lực tối đa để không xây dựng và trình bất kỳ dự án hoặc chương trình mới nào lên để Chính phủ phê duyệt.

2. Sáng kiến mang tính đột phá của LHQ

Để đảm bảo sẵn sàng huy động vốn, UNCT đã xây dựng danh mục các đề xuất mang tính đột phá dựa trên lợi thế so sánh của LHQ

nhằm hỗ trợ giải quyết các thách thức phát triển theo phương pháp tiếp cận liên ngành. Trên cơ sở một số tiêu chí, 10 đề xuất huy động vốn chung đã được các Nhóm thực hiện chương trình chung trong sáng kiến Một Liên Hợp quốc xây dựng và được UNCT chấp thuận. Hai trong số các đề xuất này đã được lựa chọn cấp vốn. Dự án “Chương trình chung về Chiến lược dinh dưỡng tổng hợp và an ninh lương thực cho trẻ em và các nhóm dễ bị tổn thương tại Việt Nam” đã tiếp nhận vốn tài trợ từ Quỹ Mục tiêu Phát triển Bền vững toàn cầu và Quỹ Chung tay thực hiện đã cấp vốn cho một dự án về đẩy nhanh hoàn thành các mục tiêu MDG tại các vùng dân tộc thiểu số.

3. Phân tích về cơ chế góp vốn của Chính phủ và tốc độ giải ngân vốn ODA

Trong năm 2014, UNCT đã tiến hành phân tích cách thức tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của LHQ cũng như các nguồn tài trợ thay thế cho LHQ trong bối cảnh môi trường tài trợ nhiều thách thức.

Nghiên cứu thứ nhất tập trung vào khả năng Chính phủ tham gia góp vốn vào các dự án và chương trình của LHQ. Các hoạt động của nghiên cứu bao gồm rà soát kinh nghiệm của các quốc gia thu nhập trung bình khác. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng hình thức Chính phủ góp vốn vào các chương trình và dự án của LHQ chủ yếu được áp dụng tại các quốc gia thu nhập trung bình. Nhìn chung đây là phương thức để Chính phủ duy trì sự hiện diện và chuyên môn của LHQ ở trong nước trong bối cảnh thay đổi bức tranh tài trợ và khi các nguồn tài trợ khác không đủ để LHQ tiếp tục duy trì hoạt động. Nghiên cứu cũng chứng minh rằng đối với một số quốc gia thu nhập trung bình, nguồn vốn góp của Chính phủ là nguồn tài chính quan trọng chiếm trên 20% tổng ngân sách.

Nghiên cứu đi tới kết luận rằng trước những thay đổi đối với bức tranh tài trợ, vốn góp của Chính phủ có thể được xem là một trong những phương án tài trợ để LHQ tiếp tục triển khai hoạt động của mình tại quốc gia đó. Tuy nhiên, do Chính phủ Việt Nam chưa có kinh nghiệm về cơ chế này nên nghiên



© UN Viet Nam/Lakub Zak

cứ để xuất cần có phân tích chi tiết hơn bao gồm xem xét thủ tục để Chính phủ có thể tham gia góp vốn.

Nghiên cứu thứ hai là một đánh giá độc lập về tốc độ giải ngân vốn ODA tại Việt Nam với trọng tâm là sự liên hệ giữa các lĩnh vực phát triển theo chuyên đề có tốc độ giải ngân chậm và khung chương trình của các ưu tiên trong Kế hoạch chung. Nghiên cứu chỉ ra rằng tính đến tháng 12/2013, khoản vốn vay chưa giải ngân là 19,6 tỷ đô-la Mỹ và 1,22 tỷ đô-la Mỹ tài trợ không hoàn lại được phân bổ cho 463 dự án. Một phần trong số nguồn vốn này được dành cho các lĩnh vực thuộc Kế hoạch chung như nông nghiệp, giáo dục, y tế và quản trị. Nghiên cứu cũng nêu rõ có thể có một số thách thức pháp lý trong việc chuyển vốn giải ngân giữa các dự án và rằng Việt Nam rất ít kinh nghiệm trong áp dụng phương pháp thuê ngoài trong các dự án của Chính phủ được tài trợ bằng nguồn vốn ODA và vốn tài trợ không hoàn lại bao gồm cả thuê ngoài đối với LHQ. Do đó, cần phải tiến hành phân tích sâu hơn bao gồm phân tích các vấn đề pháp lý và thủ tục để tìm hiểu khả năng hợp tác giữa LHQ và Chính phủ trong hoạt động giải ngân và sử dụng nguồn vốn ODA.

4. Quỹ Kế hoạch chung

Được thiết kế nhằm thúc đẩy góp vốn chung, giảm chi phí giao dịch và thu hút nguồn vốn không phân bổ cụ thể, Quỹ Kế hoạch chung (OPF) tiếp tục là một trụ cột quan trọng hỗ

trợ triển khai thể hệ thứ hai của tiến trình DaO tại Việt Nam và đóng vai trò quỹ khuyến khích cho hoạt động lập chương trình chung của Kế hoạch chung. Nguồn vốn tài trợ dành cho Kế hoạch chung dự kiến được huy động thông qua OPF lên đến khoảng 30% hay 135 triệu đô-la Mỹ trong tổng nguồn vốn cần thiết để triển khai Kế hoạch chung 2012-2016. Tuy nhiên, cho tới nay, dự kiến thông qua OPF sẽ chỉ huy động được 35 triệu đô-la Mỹ trong giai đoạn 2012-2016. Con số này tương ứng với khoảng một phần ba trong 95,4 triệu đô-la Mỹ mà các nhà tài trợ đã góp vào OPF trước đây giai đoạn 2007-2011.

Hình 1 tóm tắt các con số đóng góp vào OPF của các nhà tài trợ trong các năm 2012, 2013 và 2014. Số nhà tài trợ đã giảm từ 15 xuống 10. Sự suy giảm này đã kéo theo sự suy giảm mức đóng góp, từ 95,4 triệu đô-la Mỹ cho giai đoạn 2007-2011 xuống còn 25,3 triệu đô-la Mỹ giai đoạn 2012 và 2013 (cộng với khoản cam kết 9 triệu đô-la cho thời gian còn lại của giai đoạn Kế hoạch chung. Ngoài ra, mức đóng góp trung bình vào OPF lần trước là 6,8 triệu đô-la Mỹ mỗi nhà tài trợ và con số này hiện nay là 1,8 triệu đô-la Mỹ.

Các nhà tài trợ góp vốn vào OPF lần này cũng chính là các nhà tài trợ đã góp vốn vào OPF trước. Chính phủ Bỉ là nhà tài trợ mới duy nhất.

Bảng 1: Đóng góp của các nhà tài trợ vào Quỹ Kế hoạch chung II (2012-2016) 31/12/2014

Nhà tài trợ	Quỹ Kế hoạch chung II 2012	Quỹ Kế hoạch chung II 2013	Quỹ Kế hoạch chung II 2014	Tổng (2012-2014)
Bộ Phát triển Quốc tế Anh	1.588.878	2.295.684	781.861	4.666.423
Cơ quan Phát triển và Hợp tác Thụy Sĩ	2.003.309	1.200.000	300.000	3.503.309
Irish Aid	1.492.490	1.305.100	1.305.100	4.102.690
Kênh tài trợ DaO mở rộng	2.225.000	-	-	2.225.000
Quỹ Chung tay thực hiện	-	-	1.480.000	1.480.000
Chính phủ Na Uy	3.619.313	273.304	1.243.588	5.136.205
Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc	-	2.411.180	-	2.411.180
Chính phủ Phần Lan	-	2.656.500	-	2.656.500
Chính phủ Luxembourg	810.197	750.000	1.050.000	2.610.197
Chính phủ Bỉ	1.289.000	1.316.900	1.293.800	3.899.700
Lãi dồn tích từ các khoản tài trợ trước đây trong OPF	22.701	-	-	22.701
Tổng	13.050.886	12.208.668	7.454.349	32.713.903



© UN Women/Vakub Zak

Theo thời gian, các nhà tài trợ đã dần chuyển sang tăng đóng góp có phân bổ cụ thể ở cấp độ mục tiêu của Kế hoạch chung 2012-2016. Trong khi hầu hết vốn phân bổ cho OPF trong giai đoạn trước là không phân bổ cụ thể thì hơn 50% vốn hiện nay là đóng góp có phân bổ cụ thể. Bên cạnh đó, một số nhà tài trợ hiện nay không còn sử dụng OPF như cơ chế hỗ trợ tài chính duy nhất cho LHQ tại Việt Nam và đang tài trợ trực tiếp cho các cơ quan LHQ riêng biệt.

Phân bổ Quỹ Kế hoạch chung năm 2014

Việc phân bổ nguồn vốn góp của các nhà tài trợ trong OPF được thực hiện trên cơ sở cạnh tranh, phụ thuộc vào chất lượng đề xuất trình lên các cơ quan LHQ. Trong năm 2014, lần đầu tiên và sau quyết định của Ban Chỉ đạo Kế hoạch chung vào tháng 11/2013, việc phân bổ nguồn vốn OPF được Chính phủ và LHQ phối hợp thực hiện. Phương pháp tiếp cận mới bao gồm rà soát chung các tiêu chí phân bổ vốn. Các hồ sơ đề xuất trình lên các cơ quan LHQ được Hội đồng Đánh giá Độc lập đánh giá trên cơ sở các tiêu chí phân bổ. Chính phủ và LHQ sẽ cùng quyết định thành phần Hội đồng Đánh giá Độc lập và ra quyết định phân bổ vốn cuối cùng.

Bên cạnh các tiêu chí về thúc đẩy hoạt động lập kế hoạch chung, các đề xuất được đánh giá trên cơ sở ba tiêu chí chính bao gồm ưu tiên của chương trình, các vấn đề liên ngành và hiệu quả trong quá khứ. Một số tiêu chí

phụ bao gồm phù hợp với ưu tiên phát triển quốc gia, đóng góp vào đối thoại chính sách quốc gia và xây dựng chính sách và đóng góp vào phát triển năng lực quốc gia cũng được xem xét. Năm vấn đề liên ngành trong Kế hoạch chung bao gồm bền vững môi trường, bình đẳng giới, phương pháp tiếp cận trên cơ sở quyền, xây dựng chương trình phù hợp về văn hóa và HIV được đánh giá độc lập cũng như hiệu quả hoạt động của cơ quan liên quan trong lần phân bổ vốn OPF trước đây.

Trong năm 2014, tổng nguồn vốn mà các nhà tài trợ chuyển vào OPF là 7.454.349 đô-la Mỹ, đưa tổng vốn góp vào Kế hoạch chung 2012-2016 lên 32.713.903 đô-la Mỹ. Hình 2 đưa ra số liệu về phân bổ vốn theo từng mục tiêu của Kế hoạch chung trong năm 2012 và 2013 và Hình 3 đưa ra số liệu về phân bổ vốn theo cơ quan LHQ có liên quan.

Văn phòng Quỹ Tín thác Đa phương của UNDP thay mặt hệ thống LHQ quản lý OPF và phí quản lý được tính cho Văn phòng Tín thác Đa phương và cơ quan triển khai và tiếp nhận vốn của LHQ. Đây là nguyên nhân lý giải cho khoản chênh lệch giữa vốn góp của các nhà tài trợ và con số phân bổ thực tế.

Bảng 2: Phân bổ Quỹ Kế hoạch chung 2012, 2013 và 2014 theo các Kết quả trong Kế hoạch chung 2012-2016

Kết quả	2012	2013	2014	Tổng phân bổ
Kết quả 1.1 – Chính sách phát triển dựa trên chứng cứ ở một nước Việt Nam thu nhập trung bình thấp	355.175	1.983.462	965.941	3.304.578
Kết quả 1.2 – Cơ hội có việc làm tốt	123.930	704.710	52.800	881.440
Kết quả 1.3 – Quản lý biến đổi khí hậu và nguy cơ thiên tai	756.360	1.870.000	140.000	2.766.360
Kết quả 1.4 – Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường	62.500	40.500	0	103.000
Tổng lĩnh vực trọng tâm 1	1.297.965	4.598.672	1.158.741	7.055.378
Kết quả 2.1 – Bảo trợ xã hội	691.514	1.269.077	641.218	2.601.809
Kết quả 2.2 – Y tế	928.650	2.123.170	1.952.849	5.004.669
Kết quả 2.3 – Giáo dục và đào tạo	90.660	670.792	426.182	1.187.634
Kết quả 2.4 – Bình đẳng giới và HIV	901.437	2.303.366	712.446	3.917.249
Tổng lĩnh vực trọng tâm 2	2.612.261	6.366.405	3.732.695	12.711.361
Kết quả 3.1 – Cơ quan dân cử và quy trình lập pháp	0.00	1.209.898	441.152	1.651.050
Kết quả 3.2 – Cải cách pháp luật, tòa án và tiếp cận công lý	590.160	805.635	134.000	1.529.795
Kết quả 3.3 – Cải cách hành chính công	446.836	3.226.131	716.036	4.389.003
Kết quả 3.4 – Các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và đoàn thể (PSPMO)	286.000	0,00	0	286.000
Tổng lĩnh vực trọng tâm 3	1.322.996	5.241.664	1.291.188	7.855.848
TỔNG	5.233.222	16.206.741	6.182.624	27.622.587

Bảng 3: Phân bổ Quỹ Kế hoạch chung 2012, 2013 và 2014 cho các cơ quan LHQ

Cơ quan LHQ	2012	2013	2014	Tổng phân bổ
FAO	358.616	520.067	463.000	1.341.683
ILO	679.937	1.099.163	178.182	1.957.282
IOM	47.430	217.575	73.586	338.591
UNAIDS	251.218	394.605	119.300	765.123
UNDP	1.810.694	5.238.823	1.468.224	8.517.741
UNEP	20.000	64.500	-	84.500
UNESCO	163.357	405.722	141.221	710.300
UNFPA	114.000	1.399.680	816.340	2.330.020
UN-Habitat	237.795	331.690	87.134	656.619
UNICEF	1.123.616	3.216.620	1.212.937	5.553.173
UNIDO	227.500	617.230	196.800	1.041.530
UNODC	344.665	850.183	228.372	1.423.220
UNV	59.500	100.452	20.000	179.952
UN Women	345.000	520.914	167.366	1.033.280
WHO	760.212	1.229.517	1.010.162	2.999.891
TỔNG	6.543.540	16.206.741	6.182.624	28.932.905

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ



Liên hợp quốc tại Việt Nam

Đc: Ngôi nhà chung xanh LHQ, 304 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84 4 3850 0100 | Fax: +84 4 3726 5520

Email: info@un.org.vn | Web: <http://vn.one.un.org/>

Đồng hành cùng chúng tôi:

- www.facebook.com/unvietnam
- www.youtube.com/unvietnam

Sứ mệnh Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

Trên cơ sở quan hệ đối tác với Chính phủ và nhân dân Việt Nam, Liên Hợp Quốc hoạt động nhằm bảo đảm rằng tất cả người dân Việt Nam đều được hưởng cuộc sống ngày càng khoẻ mạnh và thịnh vượng hơn, trong đó phẩm giá con người ngày cao và ngày càng nhiều sự lựa chọn hơn cho mọi người. Thông qua nỗ lực chung hoặc của từng cơ quan, Liên Hợp Quốc quan tâm và tạo ra cơ hội cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội, và cho thế hệ trẻ - chủ nhân của tương lai.

Thực hiện Hiến chương Liên Hợp Quốc và Tuyên bố Thiên niên kỷ, Liên Hợp Quốc thúc đẩy các nguyên tắc về bình đẳng và công bằng xã hội, đồng thời cung cấp các ý kiến tư vấn khách quan, trình độ kỹ thuật và tạo khả năng tiếp cận tri thức toàn cầu và kinh nghiệm địa phương nhằm đối phó với các thách thức phát triển của Việt Nam.

Các tổ chức Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

